



HỒ CHÍ MINH

MỘT CỐT CÁCH VĂN HÓA VIỆT NAM

LÊ ĐÌNH CÚC



NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Bác Hồ là vị lãnh tụ vĩ đại của nhân dân Việt Nam, anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới. Với trí tuệ siêu việt và bản lĩnh cách mạng của mình, Bác Hồ đã tổ chức, lãnh đạo cách mạng Việt Nam giành được độc lập, tự do cho Tổ quốc, hạnh phúc cho nhân dân Việt Nam. Bác đã để lại cho nhân dân ta những giá trị văn hóa mang đậm tính nhân văn, thấm đượm lòng nhân ái bao la, là tình nghĩa, là tinh thần hòa giải, đoàn kết, yêu thương “đồng bào” ...

Trong 5 di sản đã được công nhận là Bảo vật Quốc gia mà Người để lại cho dân tộc Việt Nam, “Bản Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh” là tâm nguyện, tình cảm, ý chí, niềm tin, trách nhiệm của Chủ tịch Hồ Chí Minh với Tổ quốc, nhân dân và sự nghiệp cách mạng; là công trình lý luận về xây dựng và củng cố Đảng cầm quyền; là tác phẩm bàn về xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, là phác thảo lý luận sự nghiệp đổi mới ở nước ta. Thực hiện di chúc của Người, đất nước ta đang tiến hành công cuộc đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng và đạt được nhiều thành tựu quan

trọng. Nhân dân ta đang đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Nhân kỷ niệm 50 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông xuất bản cuốn sách "*Hồ Chí Minh - Một cốt cách văn hóa Việt Nam*" do PGS, TS. Lê Đình Cúc - nguyên Tổng Biên tập Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam (Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam) tổng hợp, biên soạn từ những bài viết của mình trong nhiều năm qua. Với tình cảm kính yêu Bác Hồ, tác giả tập trung nghiên cứu, giới thiệu một phần trong di sản văn hóa mà Người để lại cho dân tộc ta, đất nước ta, đặc biệt là những giá trị thiêng liêng toát lên từ bản Di chúc lịch sử.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc!

NHÀ XUẤT BẢN
THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

THAY LỜI NÓI ĐẦU

Tôi sinh sau Cách mạng Tháng Tám nhưng vẫn kịp nhận biết không khí hào hùng của những ngày lịch sử ấy qua các lớp học bình dân học vụ. Những phiên chợ quê, lối vào chợ được ngăn lại bởi hàng rào những chiếc nong, nia, thúng, mủng, mẹt, rổ... có in những chữ cái rõ to phía sau lưng. Các bà, các cô đi chợ phải biết đọc, biết viết, phải ghép được chữ mới được vào chợ, ai không ghép được xin mời về. Hàng dài những người đi chợ sắp hàng ghép chữ để được vào chợ. Và kỳ lạ thay, trong những chữ cái ấy, các bà các cô không ai bảo ai đều lục tung lên, rồi ghép thành các chữ và nhiều nhất là chữ Cụ Hồ, Bác Hồ, Hồ Chủ tịch, Hồ Chí Minh.

Mẹ tôi lúc bấy giờ còn trẻ lắm nhưng mù chữ, đi học lớp bình dân học vụ vào buổi tối, mấy năm mới lên được một lớp. Chữ bà viết vừa to vừa xấu nhưng kỳ lạ là ngay cả khi về già, mẹ tôi vẫn viết chữ "Bác Hồ" thật đẹp. Và từ hồi còn bé tôi đã nghe bà đọc thơ:

Cụ Hồ Chí Minh

Nặng tình yêu nước.

Chí anh hùng

Xuôi ngược năm châu.

Cụ sang bên nước Nga - Tàu

Vì ai nên Cụ dãi dẫu gió sương.

Lớn lên tôi làm công việc nghiên cứu văn học, cố công đi tìm nguồn gốc, xuất xứ và tác giả bài thơ này nhưng không tìm được.

Một thực tế là từ đầu thế kỷ XX, Bác Hồ đã trở thành huyền thoại, đã được dân gian hóa. Người Việt Nam và nhiều người nước ngoài cũng biết Bác Hồ, biết nhiều hoặc ít những gì liên quan đến Người. Bởi vì Bác đã trở nên gần gũi, thân quen nên bất cứ ai cũng có thể nói và viết về Bác Hồ.

Cũng giống như trường hợp *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. Trong số những nhà nghiên cứu của *Truyện Kiều*, thì có đến hàng trăm tác giả nghiên cứu, phê bình, khảo cứu với hàng nghìn bài viết về Nguyễn Du và tác phẩm này⁽¹⁾. Mà *Truyện Kiều* chỉ là một tác phẩm văn học còn Chủ tịch Hồ Chí Minh lại là một “Bách khoa toàn thư” của Việt Nam, là Danh nhân văn hóa Thế giới và là đối tượng cho bất cứ ai cũng có thể viết được.

Chưa ai thống kê được đã có bao nhiêu bài viết, bao nhiêu chuyên luận hoặc bao nhiêu công trình khoa học về

⁽¹⁾ Theo Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây thì đến năm 2005 đã có 1.553 đơn vị trong “Thư mục Nguyễn Du”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chưa kể ở trong nước có bao nhiêu Viện Nghiên cứu, Viện Bảo tàng, Ban Tuyên giáo từ trung ương đến địa phương, các tổ chức, cơ quan nghiên cứu lịch sử từ trung ương đến địa phương, trong đó có hàng chục giáo sư, viện sĩ, tiến sĩ nghiên cứu về Hồ Chủ tịch. Các khoa Việt Nam học trong nhiều trường đại học, Viện Hàn lâm trong và ngoài nước có nghiên cứu về Hồ Chủ tịch hàng chục năm nay, nhưng dường như vẫn chưa nói đủ, nói hết về những giá trị to lớn mà Người để lại - cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị.

Vì sao vậy? Bởi Hồ Chí Minh là một sự kết tinh của nhân loại, của văn minh và văn hóa Việt Nam trong một thời đại đầy bão táp và thay đổi đến chóng mặt, là thế kỷ XX. Hơn nữa, thời đại đó còn là sự kế thừa tinh hoa của lịch sử để từ đó trở thành những tiền đề của tương lai loài người trong những thế kỷ tiếp theo.

Chưa một ai viết được điều đó, kể cả những giáo sư, tiến sĩ đã có công trình nghiên cứu về Hồ Chủ tịch nhưng xuất phát từ phương pháp luận duy vật biện chứng, với duy lý và thực chứng mà chưa quan tâm đến các phương pháp nghiên cứu khác.

Viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh khó, rất khó nhưng vẫn thôi thúc bất cứ ai muốn viết về Người. Vì vậy, viết (và nói) về Bác cũng như đứng trước biển cả mênh mông (cuộc đời và sự nghiệp của Bác còn hơn thế nữa). Ai dám nói là hiểu

hết, biết hết về biển cả. Cùng lắm là nhìn thấy sóng gió ào ạt, là sắc nước trong xanh, là vị chát của nước biển... là cùng.

Tôi tập hợp, biên soạn cuốn sách này trên cơ sở những bài viết (có bài đã đăng báo), chỉ là tiếng nói thì thầm, nhỏ nhỏ về Bác Hồ để tỏ lòng biết ơn Bác, mong có được người nghe và chia sẻ về tình cảm của tôi với Bác Hồ. Tôi trân trọng cảm ơn Đại tá Lê Quốc Báo, Phó Giám đốc Công an tỉnh Nghệ An đã giúp đỡ tôi trong quá trình biên soạn và NXB Thông tin và Truyền thông đã tạo điều kiện xuất bản cuốn sách này.

Mặc dù có nhiều cố gắng trong quá trình biên soạn song cuốn sách sẽ khó tránh khỏi những hạn chế. Chúng tôi rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của quý độc giả để cuốn sách ngày càng được hoàn thiện hơn trong những lần tái bản sau. Mọi ý kiến góp ý của bạn đọc xin gửi về email: ledinhcuc@gmail.com.

Tháng 3/2019

PGS, TS. LÊ ĐÌNH CÚC

ĐỂ HIỂU THÊM *DI CHÚC* CỦA BÁC HỒ⁽¹⁾

Dã có nhiều người nghiên cứu, nhiều bài viết về tác phẩm *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh* trong 50 năm qua, kể từ ngày bản *Di chúc* được đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng công bố tại Lễ truy điệu của Người vào tháng 9/1969. Thời gian trôi đi, cuộc sống trôi đi. Sự thanh lọc của thời gian với những biến động dữ dội của thế giới và những bước đi của cách mạng Việt Nam thời gian qua càng cho thấy giá trị to lớn của bản *Di chúc* của Bác.

Di chúc của Bác Hồ được viết từ tháng 5/1965 đến tháng 5/1969. Vào những năm cuối thế kỷ XX, thế giới đã thay đổi ghê gớm. Không ai ngờ được chỉ một thời khắc ngắn ngủi, trong hai năm 1989 - 1990, cả hệ thống xã hội chủ nghĩa ở châu Âu bị sụp đổ. Chúng ta cũng không ngờ là sau chiến thắng lừng lẫy của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975, đánh bại hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất

⁽¹⁾ Tham khảo: Lê Đình Cúc, *Để hiểu thêm Di chúc của Bác Hồ*, tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 4/2012.

đất nước, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, dân tộc ta lại phải tiếp tục đương đầu với Chiến tranh biên giới Tây Nam (từ 10/5/1975 đến 07/01/1979) và Chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc (1979 - 1989). Rồi nghiêm trọng hơn là đất nước chìm ngập trong nghèo đói và bị cô lập. Và thật khó tưởng tượng nổi, trong cơn bĩ cực ấy của khủng hoảng, Đảng ta lại trụ vững, xốc tới lãnh đạo nhân dân cả nước vượt qua một cách ngoạn mục, bắt đầu từ đường lối đổi mới và mở cửa từ Đại hội đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI (1986) và đang ngày càng vững bước đi lên.

Nhìn lại mới thấy cái “tâm” của Bác, mới thấy bản *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*⁽¹⁾ là một tài sản vô giá của nhân dân ta.

Hàng chục triệu đồng bào Việt Nam và nhân dân thế giới đã tuôn trào nước mắt, xót xa, thương tiếc, bưng bưng khí thế và kính phục con người vĩ đại Hồ Chí Minh khi nghe đồng chí Lê Duẩn Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng, thay mặt cho Đảng, Chính phủ đọc *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại tang lễ Người với giọng nghẹn ngào đau đớn và hào sảng.

⁽¹⁾ Trước khi có bản *Di chúc* công bố tại Lễ truy điệu Người, đã có 03 bản *Di chúc* được viết trước đó vào ngày 15/5/1965, khi Bác 75 tuổi; năm 1968, khi Bác 78 tuổi, bản này có thêm phần bổ sung; ngày 10/5/1969, khi Bác 79 tuổi.

Sau 50 năm, bây giờ đọc lại, suy nghĩ, chiêm nghiệm trên từng con chữ, nét chữ Bác viết ra ở cả ba bản thảo bổ sung từ năm 1965 đến năm 1969 và *Di chúc* được công bố càng làm ta kinh ngạc và thán phục.

Ngay ở phần đầu *Di chúc*, đã là lạ. Một trong những lý do để Bác viết *Di chúc* là: “Phòng khi tôi sẽ đi gặp cụ Các Mác, cụ Lê-nin và các vị cách mạng đàn anh khác...”. Chúng ta ai cũng biết Bác là người Việt Nam hơn ai hết, thấm đượm văn hóa phương Đông, trong đó có tín ngưỡng Phật giáo. Bác đã từng đi chúc Tết, đi viếng thăm chùa chiền, lăng mộ, đèn thờ, thắp hương cho những người đã khuất... Thế thì vì lẽ gì Bác không viết là: “Phòng khi về với Tổ tiên, với ông bà cha mẹ (một cách nghĩ, cách nói và là tín ngưỡng gần gũi với văn hóa của người Việt Nam)” mà Bác lại viết *sẽ đi gặp... mà lại là gặp cụ Các Mác, cụ Lê-nin và các vị cách mạng đàn anh khác?*

Chúng ta tạm dừng lại ở câu này. Bác Hồ là người tinh thông nhiều ngoại ngữ và cũng là người viết văn tiếng Việt hết sức chuẩn mực và trong sáng. Đọc lại *Hồ Chí Minh toàn tập*, chúng ta khó mà tìm được lỗi về cách diễn đạt hay ngữ pháp. Bác đã tạo nên một bút pháp chuẩn mực, không lẫn với ai; trong đó có việc sử dụng từ ngữ chính xác, cô đúc và dễ hiểu. Ai đọc sách của Bác cũng hiểu được, dù người đọc là trí thức hay là người lao động giản đơn, ít tiếp xúc

với chữ nghĩa. Bên cạnh sự uyên bác của Bác thể hiện qua việc sử dụng tính đa nghĩa của từ ngữ, qua việc sử dụng nhiều điển tích, điển cố văn chương hay thành ngữ, ca dao, tục ngữ Việt Nam và thế giới là khả năng sử dụng tính cụ thể, chính xác của từ ngữ tiếng Việt. Câu này Bác viết trong đoạn văn:

“Năm nay, tôi vừa 79 tuổi, đã là lớp người “xưa nay hiếm” nhưng tinh thần, đầu óc vẫn rất sáng suốt, tuy sức khỏe có kém hơn so với vài năm trước đây. Khi người ta đã ngoài 70 xuân, thì tuổi tác càng cao, sức khỏe càng thấp. Điều đó không có gì lạ.

Nhưng ai mà đoán biết tôi còn phục vụ cách mạng, phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân được bao lâu nữa?

Vì vậy, tôi để sẵn mấy lời này, phòng khi tôi sẽ đi gặp cụ Các Mác, cụ Lê-nin và các vị cách mạng đàn anh khác, thì đồng bào cả nước, đồng chí trong Đảng và bầu bạn khắp nơi đều khỏi cảm thấy đột ngột.”

(Bản Di chúc ngày 10/5/1969)

Như vậy Di chúc trong đó có câu văn này được Bác viết trong tình trạng *tinh thần, đầu óc vẫn rất sáng suốt*, với tinh thần chủ động để đón nhận phút đi xa về “bên kia bầu trời”. Bác không hề lo lắng, sợ hãi mà trước tiên là lo cho đồng bào cả nước, đồng chí trong Đảng và bầu bạn khắp nơi khỏi cảm thấy đột ngột khi biết tin Bác mất.

Có nhiều cách viết để chuyển tải nội dung đó nhưng Bác đã viết: “Tôi để sẵn mấy lời này” chứ không phải là “mấy dòng này”. Thực ra *Di chúc* được Bác viết thành chữ chứ không phải là nói thành lời như khi Người đọc *Tuyên ngôn độc lập* hay *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* hoặc đọc *Thơ* mỗi độ xuân về. *Tôi để sẵn mấy lời này* tức là Bác hình dung như đang nói lời với đồng bào cả nước, với bạn bè khắp nơi chứ không phải là sẽ được đọc lại. Chữ *lời* là ngữ cảnh của đối thoại, có lời nói và có đối tượng nghe lời nói, gần gũi, cụ thể hơn là đọc chữ và nghe văn bản. Chính vì thế mà nội dung của *lời* sinh động, cụ thể và chính xác hơn là *chữ*. Tinh thần đó tạo nên cảm giác gần gũi cụ thể trong không gian và thời gian cho người nghe, như có Bác, vẫn còn Bác bên cạnh chứ Bác chưa đi xa.

Bác viết: “Sẽ đi gặp cụ Các Mác, cụ Lê-nin...” tức là, ít nhất Bác ngang hàng với người muốn nói tới. Các vị ấy đã mất, Bác không so sánh tuổi tác đâu, vì Các Mác (1818 - 1883) mất khi 65 tuổi, Lê-nin (1870 - 1924) mất khi 54 tuổi, đều ít tuổi hơn Bác. Bác gọi các vị là *Cụ* là với lòng quý mến và kính trọng, nhưng ít nhất là ngang hàng. Bác viết *đi gặp* (là có mục đích, có chủ ý) chứ không phải là “đi theo” hay “đi với”. Vậy thì Bác *đi gặp cụ Các Mác, cụ Lê-nin và các vị cách mạng đàn anh khác* với mục đích và chủ ý gì?

Lịch sử cuộc đời và hoạt động cách mạng của Bác cho thấy Bác đã tiếp xúc và tiếp nhận chủ nghĩa Mác - Lê-nin

cũng như quá trình hoạt động, tổ chức và lãnh đạo cách mạng Việt Nam là một quá trình vận động liên tục, tiếp thu và sáng tạo liên tục chứ không bị động, giáo điều và cứng nhắc.

Bác tiếp nhận chủ nghĩa Mác, trong đó có vấn đề quan trọng nhất là giai cấp và đấu tranh giai cấp, nhưng ngay từ năm 1923 Bác đã có những ý kiến đối thoại và bổ sung học thuyết Mác bằng lịch sử của các dân tộc phương Đông. Bác đã chỉ ra rằng phương Đông có những đặc điểm khác phương Tây (là cơ sở để Mác xây dựng học thuyết của mình) trên các phương diện hình thái kinh tế, cơ sở hạ tầng xã hội, quan hệ giai cấp và đấu tranh giai cấp. Mác cho rằng cho đến khi giai cấp phong kiến đã diệt vong thì “xã hội ngày càng chia thành hai phe lớn thù địch với nhau, hai giai cấp lớn hoàn toàn đối lập nhau: giai cấp tư sản và giai cấp vô sản”⁽¹⁾.

Bác Hồ đã chỉ ra, ngoài các phương thức sản xuất mà Mác đã nghiên cứu, còn có một “phương thức sản xuất phương Đông”: Ở phương Đông không chỉ có đấu tranh giai cấp là động lực chính trong quá trình phát triển của xã hội và “Cuộc đấu tranh giai cấp (ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ) không diễn ra giống như ở phương Tây”⁽²⁾ (*Báo*

^{(1), (2)} C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.4, tr.597.

cáo về Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ gửi Quốc tế Cộng sản năm 1924).

Không chỉ ở Việt Nam mà cả “ở Trung Quốc và Ấn Độ về mặt cấu trúc kinh tế, không giống các xã hội phương Tây thời Trung cổ, cũng như thời cận đại và đấu tranh giai cấp ở đó không quyết liệt như ở đây”.

Trong *Báo cáo* này Bác còn viết: “Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử. Nhưng lịch sử nào? Lịch sử của châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn thể nhân loại”⁽¹⁾. Và chính Bác khẳng định chủ nghĩa dân tộc là một động lực to lớn trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc và tự do.

Với tinh thần ấy, Bác đã phát triển một cách khoa học và sáng tạo những tư tưởng của Lê-nin trong vấn đề cách mạng thuộc địa. Thực tế đã diễn ra đúng như Bác dự báo, cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa đã nổ ra và giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở các nước chính quốc là các nước đế quốc (không giống như tư tưởng của Lê-nin).

Bác Hồ là nhà cách mạng rất thực tiễn. Để đưa cách mạng Việt Nam đến thành công, Bác đã tiếp nhận chủ nghĩa Mác - Lê-nin trong hoàn cảnh thế giới của thế kỷ XX. Cuộc đời lặn lội hy sinh cho cách mạng, Bác đã phải chứng kiến

⁽¹⁾ *Hồ Chí Minh toàn tập, Sdd, tr.464.*

những cuộc chiến tranh thế giới đẫm máu và cả phong trào cộng sản thế kỷ XX có nhiều sự kiện không thể giải thích nổi: Cuộc bạo loạn vũ trang tại Hungari năm 1956, Mùa xuân Praha ở Tiệp Khắc năm 1968, những cuộc thanh trừng ở Liên Xô sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào Đại nhảy vọt, Đại Cách mạng Văn hóa ở Trung Quốc... rồi chiến tranh biên giới Xô - Trung, Xung đột biên giới Trung Quốc - Ấn Độ... Sau chín năm kháng chiến chống Pháp xâm lược, người ta ép Việt Nam khi ký Hiệp định Giơnevơ (1954)... Ấy là chủ nghĩa cộng sản và là đồng chí với nhau? Trong *Di chúc*, phần viết về *phong trào cộng sản thế giới* Bác đã viết: "...tôi càng tự hào với sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bao nhiêu, thì tôi càng đau lòng bấy nhiêu...". Phải chăng Bác muốn *đi gặp* các vị để tìm hiểu thêm? Đó là chưa nói đến 10 năm sau khi Bác mất nhân dân ta đã phải chống lại cuộc xâm lược của các thế lực thù địch để bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc năm 1979 và sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu vào những năm cuối của thế kỷ XX.

Phần tiếp theo của *Di chúc* càng ngạc nhiên. Phải thấy rằng hoàn cảnh lịch sử của thế giới và cách mạng Việt Nam trong giai đoạn 1965 - 1969 là cực kì phức tạp. Bác biết hết: "Nỗi đau dân nước, nỗi năm châu" (Bác ơi!, Tố Hữu) nhưng Bác đã không đề cập đến nhiều dù cuộc chiến tranh chống Mỹ của nhân dân ta đang ở giai đoạn cuối với vô

vàn gian khổ và khốc liệt. Đế quốc Mỹ đang dốc toàn lực cho canh bạc cuối cùng với tất cả sức mạnh quân sự, sự tàn bạo và xảo quyệt. Nước ta lúc bấy giờ bị o ép trăm bề bởi các lực lượng quốc tế và các nước lớn. Ngày 05/8/1964, Đế quốc Mỹ đã dùng không quân và hải quân hùng hổ mở rộng chiến tranh ra miền Bắc Việt Nam. Cả nước ta là một bãi chiến trường ngút trời bom đạn Mỹ. Cũng ngay trong năm 1965 này, Bác vừa mới khẳng định: “Lúc này, chống Mỹ cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng nhất của mọi người Việt Nam yêu nước”⁽¹⁾. Ấy vậy mà Bác thanh thản lạ. Trong bản *Di chúc*, tần suất xuất hiện của chữ Mỹ là 10 lần, trong đó chỉ có 2 lần chữ Mỹ là danh từ ở thành phần chính của câu, còn 8 lần là trạng từ và tính từ. Bác không bàn nhiều đến cuộc kháng chiến chống Mỹ, coi như việc chiến thắng giặc Mỹ là điều hiển nhiên, là việc tất nhiên. Bác chỉ viết một câu vừa dự báo, vừa khẳng định: “Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể sẽ kéo dài mấy năm nữa. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của nhiều người. Dù sao, chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn” (bản *Di chúc* ngày 15/5/1965). Như vậy là Bác đã dự báo cuộc kháng chiến chống Mỹ sẽ phải (và chỉ) kéo dài *mấy năm nữa*. Thực tế, chiến tranh có ác liệt đến vô cùng thì cũng chỉ kéo dài mười năm (1965 - 1975) như Bác đã dự báo chứ không

⁽¹⁾ Võ Nguyên Giáp, *Những chặng đường lịch sử*, NXB Văn học, 1977, tr.46.

phải kéo dài đến vô tận, không xác định được thời gian. Điều dự báo của Bác lần nữa có tính khẳng định như đã từng xảy ra trong lịch sử: năm 1942, Bác đã từng dự báo: “1945 Việt Nam độc lập”⁽¹⁾; năm 1960, trong Diễn văn Lễ mừng kỷ niệm 15 năm thành lập nước (1945 - 1960), Bác viết: “15 năm nữa Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất”⁽²⁾ hay năm 1967, Bác dự đoán: “Sớm muộn rồi đế quốc Mỹ cũng sẽ đưa B.52 ra đánh Hà Nội, rồi có thua nó mới chịu thua” và “nó chỉ chịu thua sau khi thua trên bầu trời Hà Nội”⁽³⁾...

Bản *Di chúc* đọc ở Lễ truy điệu của Bác là văn kiện còn để đối ngoại, cả thế giới (có cả kẻ thù) nghe, biết, nên mọi chiến lược, chiến thuật cụ thể không thể công khai, vì vậy có ý chưa thể đọc hết lúc đó là điều dễ hiểu. Nhưng tư tưởng toát ra ở các bản *Di chúc* cho thấy tầm nhìn chiến lược của cách mạng Việt Nam được Bác vạch ra rất cụ thể và khả thi. Tư tưởng quan trọng nhất, chủ đạo nhất thể hiện trong *Di chúc* lại là vấn đề *trước hết nói về Đảng*. Bởi Bác biết sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam, dành độc lập tự do cho tổ quốc và hạnh phúc cho nhân dân chỉ có Đảng lãnh đạo mới thực hiện được. Cách mạng Tháng Tám năm 1945, cuộc Kháng chiến chín năm chống thực dân Pháp và Kháng chiến chống Mỹ đang trên đà thắng lợi hoàn toàn cũng như công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc,

(1). (2). (3) Trần Dương, *Hồ Chí Minh nhà dự báo thiên tài*, NXB Thanh Niên, Hà Nội, 2008, tr.86.

tất cả đều do Đảng lãnh đạo. Như trong Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (1951) đổi tên Đảng là “Đảng Lao động Việt Nam”, Bác đã nói: “Với tôi chỉ có một đảng là Đảng của dân tộc, của những người lao động Việt Nam”. Vì vậy mà ở bản *Di chúc* đầu tiên (ngày 15/5/1965) Bác đã nêu rõ tầm quan trọng và cấp bách là *trước hết nói về Đảng*. Sau những đánh giá, ca ngợi Đảng, Bác đã chỉ ra vấn đề Bác quan tâm đầu tiên là vấn đề *đoàn kết*, từ đó Bác nêu lên nhiệm vụ của Đảng là: “thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng” nhưng là *phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau* và vấn đề *Đảng ta là một Đảng cầm quyền* là nhiệm vụ: “mỗi Đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”. Ngay từ cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, trong không khí hào hùng của cách mạng và chói lọi vinh quang, với khả năng dự báo thiên tài, Bác đã nhìn thấy những vấn đề sẽ xảy ra đối với Đảng, đó là những vấn đề mất dân chủ, vấn đề mất đoàn kết, là vấn đề của Đảng cầm quyền, là đạo đức cách mạng, vấn đề trong sạch của Đảng và trách nhiệm của mỗi Đảng viên.

Đây là những vấn đề sau 50 năm vẫn đang đặt ra hết sức cấp bách của Đảng. Những nguy cơ mà hiện nay Đảng

ta đang phải đối mặt là những vấn đề cốt lõi và quan trọng nhất về sự tồn vong của Đảng ta trong quá trình bảo vệ và xây dựng đất nước hiện nay. Cho nên những vấn đề Bác nêu trong các bản *Di chúc* vẫn là cấp bách và cần thiết hơn bao giờ hết. Bác là một người suốt đời hy sinh, tận tụy vì dân, vì nước, vì dân tộc Việt Nam nhưng cũng vì hạnh phúc của nhân dân thế giới. Nhưng trong *Di chúc*, Bác không nói nhiều và cụ thể đến xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Trong bản *Di chúc* được đọc ở Lễ truy điệu, cụm từ *chủ nghĩa xã hội* chỉ được Bác viết 1 lần khi nói về đoàn viên thanh niên: “Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên”.”. Từ *cộng sản* được Bác viết một lần trong phần *về phong trào cộng sản thế giới* nhưng là để nói đến sự bất hòa hiện nay giữa các Đảng anh em mà không nói gì đến chủ nghĩa cộng sản và xây dựng đất nước ta đi lên chủ nghĩa cộng sản. Như vậy chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản cũng là điều tất yếu? như cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhất định thắng lợi, như Bác đã dự báo. Sau vấn đề *nói về Đảng*, toàn bộ *Di chúc* của Bác Hồ là tập trung nói về Tổ quốc và nhân dân. Điều mong muốn cuối cùng của Bác là: “xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”. Đó không chỉ là *mong muốn* mà cũng là một trong những dự báo của Bác và đã thành hiện thực. Chỉ có

Bác Hồ, một vĩ nhân mới có thể bình tĩnh, sáng suốt để nhìn ra những vấn đề như vậy trước lúc “đi xa” và thể hiện một cách độc đáo và kì lạ ở *Di chúc* của Người. Hơn nữa *Di chúc* cũng là một thể loại của văn học như bi, ký, chiếu, minh, sắc... có hình thức và nội dung được quy định chặt chẽ. Với *Di chúc* của Bác Hồ, mọi quy định đã được người viết tôn trọng và sáng tạo để đưa nó thành một bản *Di chúc* mà tự cổ chí kim chưa từng có ở các nền văn hóa khác. Ngay cả điều viết về việc riêng ở cuối cùng của bản *Di chúc*, Bác chỉ viết có 79 chữ bằng 79 năm cuộc đời của Bác. Ngày Bác mất cũng trùng với ngày Quốc khánh nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa do Bác khai sinh, ngày 2/9/1945. Điều đó có phải là một sự trùng hợp ngẫu nhiên hay là một điều kỳ diệu ẩn chứa trong con người Bác mà chúng ta chưa hiểu hết. Chính vì vậy mà *Di chúc* của Bác với những giá trị độc đáo đã trở thành tài sản vô giá của Đảng và dân tộc Việt Nam; không chỉ hiện nay mà mãi mãi về sau, vẫn là ngọn đuốc soi đường, là kim chỉ nam cho mọi người trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc. Để hiểu thêm *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh là vô cùng vô tận.

NHỮNG DỰ BÁO CỦA BÁC HỒ TRONG *DI CHỨC*

*D*i chúc của Bác Hồ là một tài sản vô giá Bác để lại cho nhân dân ta trước lúc Người đi xa. Trong đó có những dự báo tài tình mà lịch sử càng lùi xa càng thấy vô cùng ứng nghiệm.

Bác Hồ trong sự nghiệp hoạt động cách mạng của mình từng nổi tiếng với những tiên đoán thiên tài, có nhiều sự kiện không sao giải thích nổi. Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết:

“Về sự kiện “Việt Nam độc lập năm 1945”. Anh em người nói sớm, kẻ nói muộn. Bác nghe trao đổi chỉ nói: “Đề rồi xem”. Bác không bao giờ nhắc lại câu thơ này. Từ trước đến nay bị lôi cuốn vào công việc, anh em chúng tôi chưa ai có dịp hỏi lại Bác vì sao Bác đã có được một sự tiên đoán như vậy. Điều đó đã trở thành một trong những điều ta chưa hiểu hết được về con người và cuộc đời hoạt động cách mạng vĩ đại gần 60 năm của Bác”⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Đại tướng Võ Nguyên Giáp, *Tổng tập Hồi ký*, NXB Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2011, tr.175.

Nhiều nhà nghiên cứu đã chỉ ra có 6 lần tiên đoán của Bác về những sự kiện của thế giới và Việt Nam trong thế kỷ XX, sau này kiểm nghiệm lại đã đúng. Ví dụ sự thất bại của phát xít và chiến thắng của phe Đồng Minh vào năm 1945; năm 1942 Bác đã tiên đoán Cách mạng Việt Nam sẽ giành được chính quyền vào năm 1945; giặc Mỹ sẽ ném bom miền Bắc và “Mỹ có thua sẽ thua trên bầu trời Hà Nội”... Cũng có nhà nghiên cứu đã tìm ra và chứng minh được Bác Hồ đã 11 lần tiên đoán đúng chứ không phải là 6. Qua nghiên cứu văn kiện, lịch sử Đảng cũng như hồi ký của nhiều người đã có dịp sống và làm việc với Bác, tôi thấy nhiều hơn. Chỉ trong *Di chúc* của Bác đã có hơn 3 dự báo.

Thuật ngữ “tiên đoán” có những ý nghĩa phái sinh của các thuật ngữ khác là dự báo, dự đoán, dự cảm...

Dự báo: Báo trước về tình hình có nhiều khả năng sẽ xảy ra, dựa trên cơ sở số liệu, những thông tin đã có⁽¹⁾.

Di chúc của Bác Hồ có nhiều dự báo, trong đó có nổi bật, quan trọng nhất là:

- Dự báo về cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước;
- Dự báo về Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Dự báo về tương lai của nước Việt Nam.

Tất cả 3 vấn đề trên được Bác “Báo trước về tình hình có nhiều khả năng sẽ xảy ra”.

⁽¹⁾ *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1988.

Phân biệt và đối chiếu 4 bản *Di chúc* của Bác để thấy: Cơ bản là bản đầu tiên được viết năm 1965, có chứng kiến của Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Lê Duẩn, ba bản viết tiếp là những ý kiến làm đầy đủ, sâu sắc thêm và bổ sung thêm những vấn đề mà Bác thấy cần thiết trong quá trình suy ngẫm trong 4 năm (1965 - 1969). Bác viết: "... Tôi thấy cần phải viết thêm mấy điểm, không đi sâu vào chi tiết" (bản *Di chúc* Bác viết tháng 5/1968).

Chúng ta thử tìm hiểu tính dự báo và tính chính xác của những dự báo này trong thực tiễn đời sống xã hội của Việt Nam trong thời gian qua (từ năm 1969 đến nay) và trong tương lai để thấy sự tài tình của Bác.

Dự báo về cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước

Ở bản ngày 15/5/1965 Bác viết: "Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể sẽ kéo dài mấy năm nữa. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của nhiều người. Dù sao, chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn".

Ở bản cuối cùng, ngày 10/5/1969 Bác chỉ viết: "Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ, hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn".

Năm 1911, Bác ra đi tìm đường cứu nước khi mới 21 tuổi, qua năm châu bốn biển với đủ nghề để kiếm sống

và hoạt động cách mạng. Bác tuyên truyền vận động cách mạng, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930). Đảng trở thành đội quân tiên phong lãnh đạo Tổng khởi nghĩa Cách mạng Tháng Tám năm 1945, lập nên nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày 02/9/1945. Với tài trí của mình, Bác đã lãnh đạo nhà nước non trẻ Việt Nam vượt qua bao gian nan thử thách. Và để bảo vệ độc lập thống nhất Tổ quốc, nhân dân ta bắt buộc tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954) đến thắng lợi hoàn toàn. Hòa bình lập lại nhưng Bác đã thấy, đã dự đoán tới cuộc chiến chống Mỹ.

Trong *Hồi ký* của mình, Đại tướng Võ Nguyên Giáp cho hay:

“Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, tôi từ Tây Bắc trở lại Việt Bắc, đến chào Bác. Người bắt tay chúc mừng rồi nói:

- Nhân dân ta phải tiếp tục chống Mỹ.”⁽¹⁾

Đương đầu với một nước đế quốc giàu có, hùng mạnh nhất thế giới, đã từng gây ra rất nhiều cuộc xâm lược và can thiệp khắp thế giới, Mỹ chưa bao giờ thất bại.

Với 600 tỷ đô la đổ vào chiến tranh Việt Nam với kho tàng vũ khí hủy diệt mạnh nhất thế giới. Mỹ huy động quân đội của các nước đồng minh (Hàn Quốc, Úc, Philippin,

⁽¹⁾ Đại tướng Võ Nguyên Giáp, *Tổng tập Hồi ký*, NXB Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2011, tr.1135.

New Zealand, Thái Lan) đưa quân vào xâm lược Việt Nam. Năm 1965, khi Bác viết *Di chúc*, cuộc kháng chiến chống Mỹ đã kéo dài 10 năm và cũng là năm bắt đầu ở đỉnh cao nhất của sự xâm lược: “hơn 20 vạn quân Mỹ và chư hầu (trong đó có 184.314 lính Mỹ). Toàn bộ quân Mỹ, Ngụy và chư hầu đã hợp thành đội quân 72 vạn người”⁽¹⁾. Tháng 8/1964, Mỹ dùng không quân và hải quân tấn công miền Bắc, mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương. Cuộc chiến tranh đã ở bước ngoặt mới. Trong khi đó, Liên Xô và Trung Quốc, vì lợi ích cục bộ của mỗi nước mà sẽ gây ra những tác động bất lợi, gây nên sức ép lớn, cản trở cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của chúng ta. Trong tình cảnh đó mà Bác lại dự đoán một cách tài tình và kỳ lạ: “Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể sẽ kéo dài mấy năm nữa. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của nhiều người. Dù sao, chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn”. Xin lưu ý về thời gian là *mấy năm nữa*. Thực tế đã chứng minh điều dự báo này là hoàn toàn chính xác. Năm 1973, Mỹ đã phải ký Hiệp định Paris và phải rút quân. Năm 1975 Mỹ phải chấp nhận thất bại hoàn toàn. Đúng là chỉ *kéo dài mấy năm nữa*. Trong *Di chúc* đọc ở Lễ truy điệu ngày 09/9/1969 không có dự đoán này, có thể lúc đó đang là thời gian của chiến tranh, Đảng ta đã không công bố là vấn đề chiến thuật, không để cho đối phương biết.

⁽¹⁾ Hồ Khang, *Tết Mậu Thân 1968 tại miền Nam Việt Nam*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1998, tr.24.

Dự báo về Đảng Cộng sản Việt Nam

Một trong những điều kỳ lạ của *Di chúc Hồ Chí Minh* là Người nói rất ít về việc riêng không giống như di chúc của người đời từ xưa đến nay. Bác không nói nhiều về sự nghiệp chính của cuộc đời hy sinh vì dân, vì nước của Người, là sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giành độc lập, tự do cho Tổ quốc, hạnh phúc cho Nhân dân. Người cũng không nói nhiều đến cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước là một phần cực kỳ quan trọng trong sự nghiệp cuộc đời của mình mà phần lớn nhất là *trước hết nói về Đảng*. Trong đó Bác đã có những dự báo về những khuyết điểm của tổ chức Đảng và đặc biệt chú ý đến khuyết điểm của từng đảng viên, cùng với những phương pháp sửa chữa và chỉnh đốn Đảng. Đó là vấn đề *đoàn kết, mất dân chủ, thiếu gương mẫu, thiếu cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư...* là những vấn đề xói mòn uy tín của Đảng. Đây là dự báo hết sức quan trọng, bởi Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng lãnh đạo và cũng là Đảng cầm quyền, quyết định mọi thành công và thất bại của cách mạng Việt Nam.

Dự báo về nước Việt Nam trong tương lai

Thời gian Bác viết *Di chúc* là thời gian cách mạng nước ta đang ở bước ngoặt với nhiều khó khăn, nhưng ngay lúc đó mà Bác đã dự báo rằng: “Để quốc Mỹ nhất định phải rút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam, Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà.”

Còn non, còn nước, còn người,
 Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay!
 Thực tế lịch sử đã xảy ra đúng như như vậy.
 Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào.
 Tiến lên! Chiến sĩ, đồng bào.
 Bắc - Nam sum họp xuân nào vui hơn.

Thư chúc Tết năm 1968 của Bác

“Xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh...”, không chỉ là *mong muốn cuối cùng* mà cũng là dự báo cho tương lai của đất nước ta. Vấn đề này được Bác viết một lần duy nhất ở bản ngày 15/5/1965. Đó là điều Bác khẳng định dứt khoát, không bổ sung gì nữa. Sau 4 năm (1965 - 1969) Bác cũng không bổ sung gì thêm.

Trước hết là ở Quốc hiệu:

“Việt Nam dân chủ cộng hòa

Độc lập, tự do, hạnh phúc”

Bác viết 2 lần, ở bản đầu tiên (ngày 15/5/1965) và bản thứ hai (năm 1968) không chỉ là dự báo, mà là một khẳng định.

Sự nghiệp vĩ đại của Bác Hồ là đấu tranh giành độc lập, thống nhất cho Tổ quốc, tự do hạnh phúc cho nhân dân. Người nói: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta

được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”.

Để đạt được mong ước đó, để làm nên sự nghiệp đó, Bác đã cống hiến, hy sinh cuộc đời cho dân cho nước như Bác viết lần thứ nhất ở bản ngày 15/5/1965: “Là một người suốt đời phục vụ cách mạng”. Sau đó, lần thứ hai Bác khẳng định: “Nhưng không ai đoán biết được tôi sẽ sống và phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng mấy tháng, mấy năm nữa?” (bản năm 1968). Lần thứ ba Bác nhắc lại: “Suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân” (bản năm 1968). Ở bản cuối cùng (ngày 10/5/1969) lần thứ tư, Bác lại nhắc lại: “Nhưng ai mà đoán biết tôi còn phục vụ cách mạng, phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân được bao lâu nữa?”.

Rõ ràng cuộc đời, sự nghiệp của Bác là phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng mà không phục vụ cái gì khác.

Và đó cũng chính là cơ sở mà Bác dự báo cho tương lai của Tổ quốc Việt Nam qua: “Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới.” bản ngày 15/5/1965 và Bản *Di chúc* đọc ở Lễ truy điệu ngày 09/9/1969).

Di chúc Hồ Chí Minh được viết từ tháng 5/1965 đến tháng 5/1969. Như vậy là trong thời gian 4 năm và 3 dự báo trên đây thì lúc đó chưa xảy ra, mọi việc sau này (và trong tương lai xa nữa) mới xảy ra. Đó là những dự báo, dự đoán, tiên đoán... hay linh cảm tài tình của Bác thể hiện trong *Di chúc*.

DỰ BÁO VẤN ĐỀ XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG *DI CHỨC* CỦA BÁC HỒ⁽¹⁾

*D*i chúc của Bác Hồ đề cập đến nhiều vấn đề, dự báo nhiều vấn đề, Bác không nói về quá khứ mà Bác chỉ nói đến tương lai và dành phần lớn nhất cho vấn đề xây dựng Đảng. *Trước hết nói về Đảng*: ngoài những dự báo tài tình về tình hình có thể xảy ra trong Đảng (mất đoàn kết, thiếu dân chủ, tham ô, lãng phí, vi phạm pháp luật, hống hách, cường hào và căn bệnh kiêu ngạo cộng sản mà Lê-nin đã cảnh báo...) là những di huấn của Người về xây dựng Đảng. Bác đã nhắc lại mấy vấn đề này 2 lần (ở bản ngày 15/5/1965 và bản năm 1968), cho thấy vấn đề của Đảng quan trọng đến nhường nào.

Lần thứ nhất, ở bản ngày 15/5/1965, Bác viết: “Trước hết nói về Đảng⁽²⁾ - Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc⁽³⁾, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết,

⁽¹⁾ Tham khảo: Lê Đình Cúc, *Dự báo vấn đề xây dựng Đảng trong Di chúc của Bác Hồ*, báo Văn nghệ Thái Nguyên, ngày 07/8/2017.

⁽²⁾ Cụm “Trước hết nói về Đảng” Bác gạch chân.

⁽³⁾ Bác viết thêm 4 chữ “phục vụ Tổ quốc”.

tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Đoàn kết⁽¹⁾ là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình.

Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình⁽²⁾ là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau⁽³⁾.

Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng⁽⁴⁾, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân."

Đây là phần viết nhiều nhất, dài nhất trong *Di chúc*.

Cả đoạn này có thể hiểu những vấn đề của Đảng là:

- Nhờ đoàn kết chặt chẽ, phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc mà Đảng giành được thắng lợi và có vị trí trong đời sống xã hội.

⁽¹⁾ Bác gạch chân 2 chữ "Đoàn kết".

⁽²⁾ Bác gạch chân 6 chữ "tự phê bình và phê bình".

⁽³⁾ Bác viết thêm 9 chữ "Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau".

⁽⁴⁾ Bác gạch chân 4 chữ "đạo đức cách mạng".

- Đảng phải giữ truyền thống đó từ Trung ương đến địa phương.

- Đảng phải thực hành dân chủ rộng rãi.

- Phê bình và tự phê bình là cách tốt nhất (không phải là duy nhất, nghĩa là còn có những cách khác).

- Phải có tình đồng chí, thương yêu lẫn nhau.

- Đảng ta là một đảng cầm quyền. Vì vậy mỗi đảng viên và lãnh đạo phải thấm nhuần đạo đức cách mạng, phải thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư (nghĩa là không được xa hoa, lãng phí, tham nhũng, vơ vét về mình).

- Và văn hóa của Đảng, là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân (lãnh đạo thì phải gương mẫu: đầy tớ thì phải kính trọng ông chủ là nhân dân; đầy tớ thì phải trung thành, Bác nhấn mạnh hơn là thật trung thành).

Như vậy, có thể nói rằng ngay khi Bác viết *Di chúc* (1965 - 1969), lúc Việt Nam đang là “lương tâm của thời đại” do Đảng lãnh đạo, cả loài người đã ngưỡng mộ và thán phục cách mạng Việt Nam. Ngay lúc đó, Bác đã nhìn thấy những khuyết điểm và mầm mống: Mất đoàn kết, thiếu dân chủ, thiếu văn hóa lãnh đạo, cá nhân, ích kỷ... của một số đảng viên, sẽ làm mất uy tín và vai trò của Đảng ta.

Nếu không có những hiện tượng và mầm mống ấy thì chắc Bác không dự báo và phải căn dặn như trong *Di chúc*.

Đó chính là một dự báo tài tình của Bác mà hiện nay Đảng ta phải đối mặt và đang ra sức thực hiện bằng phong trào “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” và “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Lần thứ hai ở bản viết thêm năm 1968 Bác nhắc lại, bổ sung và nhấn mạnh: “Theo ý tôi, việc cần phải làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng”. *Chỉnh đốn lại Đảng* là cần thiết, nhưng ở cấp độ cấp bách và phải ưu tiên hơn, là *việc cần phải làm trước tiên*.

Như vậy, cùng với vấn đề xây dựng Đảng, Bác quan tâm là phải *chỉnh đốn lại Đảng*.

Đến thời điểm Bác viết *Di chúc* (1965 - 1969), Đảng Lao động Việt Nam lúc đó đã có lịch sử gần 40 năm. Qua thực tiễn hoạt động, để đáp ứng với thực tiễn cách mạng và yêu cầu của lịch sử, qua nhiều thời kỳ, Đảng ta đã phải nhiều lần chỉnh đốn qua các đợt học tập chính trị và tư tưởng, các đợt chỉnh huấn trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh hiện nay. Trong đó có việc đổi tên Đảng: Đảng Cộng sản Việt Nam do Bác thành lập ngày 03/02/1930, đến tháng 10/1930 đã được đổi tên là Đảng Cộng sản Đông Dương (do đồng chí Trần Phú làm Tổng Bí thư). Ngày 11/11/1945 Đảng tuyên bố tự giải tán, rút lui vào hoạt động bí mật (chỉ để một bộ phận hoạt động công khai là Hội nghiên cứu Chủ

nghĩa Mác ở Đông Dương). Năm 1951, Đảng khôi phục lại và lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam. Sau ngày thống nhất đất nước, năm 1976 Đảng lấy lại tên là Đảng Cộng sản Việt Nam. Qua các thời kỳ chinh đốn, nhiều chủ trương đường lối, Văn kiện Đại hội và Điều lệ của Đảng cũng thay đổi cho phù hợp (Bảng 1).

Bảng 1

Đại hội Đại biểu toàn quốc (lần thứ)	Thời gian	Sự kiện
I	27 - 31/3/1935	Đại hội đánh dấu thắng lợi căn bản của cuộc đấu tranh gìn giữ và khôi phục hệ thống tổ chức của Đảng từ cơ sở đến Trung ương.
II	11-19/02/1951	Đưa cuộc kháng chiến chống Pháp đến thắng lợi hoàn toàn. Đổi tên thành Đảng Lao động Việt Nam.
III	05-12/9/1960	Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà ở miền Nam.
IV	14-20/12/1976	Đại hội đầu tiên sau thống nhất, lấy lại tên là Đảng Cộng sản Việt Nam.
V	27 - 31/3/1982	Xây dựng chủ nghĩa xã hội trên toàn lãnh thổ Việt Nam.
VI	15- 18/12/1986	Thực hiện đổi mới đất nước, khởi xướng đưa đất nước tiến hành công cuộc đổi mới.
VII	24 - 27/6/1991	Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ đưa đất nước đi theo con đường đổi mới.
VIII	28 - 01/7/1996	Thực hiện đổi mới, đẩy mạnh CNH,HĐH, quá độ lên CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN.

Đại hội Đại biểu toàn quốc (lần thứ)	Thời gian	Sự kiện
IX	19 - 22/4/2001	Thay đổi chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm, bắt đầu giai đoạn đưa đất nước ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.
X	18 - 25/4/2006	Thay đổi chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm lần 2, đưa đất nước ra khỏi kém phát triển và phấn đấu đến năm 2020 xây dựng đất nước thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.
XI	12 - 19/01/2011	Phấn đấu đến năm 2020 đưa đất nước cơ bản thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.
XII	20 - 28/01/2016	Phấn đấu sớm đưa đất nước trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Nguồn: tulieuvankien.dangcongsan.vn

Trong tình hình và điều kiện mới của đất nước hòa bình, để đáp ứng với nhiệm vụ mà Đảng phải gánh vác: Lãnh đạo và cầm quyền trong giai đoạn mới là *cần phải chỉnh đốn lại Đảng*. Tức là phải sửa sang, sắp xếp lại cho đúng phép tắc, cho đúng nề nếp. Thực tế Đảng ta đã làm theo như lời Bác Hồ căn dặn. Đại hội lần thứ IV (1976) của Đảng đã đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội, Điều lệ Đảng được bổ sung thêm nhiều vấn đề quan trọng. Ví dụ như Điều lệ Đảng quy định tiêu chuẩn của Đảng viên mở rộng hơn trước. Văn

kiện Đại hội Đảng, phần viết về đường lối hoạt động kinh tế nhấn mạnh: Kinh tế nhà nước từ vị trí chủ đạo trở thành một thành phần bình đẳng với các thành phần kinh tế khác trong xã hội. Việc tổ chức Đại hội, đại biểu, đề cử và ứng cử cũng linh hoạt (nhất là Đại hội Đảng lần thứ XII (2016)).

Cuộc đời của Bác là *phục vụ cách mạng, phục vụ Tổ quốc và phục vụ Nhân dân*. Với cương vị là Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và cũng là người tổ chức và lãnh đạo Đảng nhưng trong *Di chúc*, ta không thấy nói đến Bác phục vụ Đảng. Bác coi sự nghiệp của Đảng tất cả là phục vụ Nhân dân chứ không phải vì lợi ích của Đảng. Đảng là của Dân, Đảng không có lợi ích nào khác của riêng mình. Chính vì vậy khi nói về Đảng, trước khi dự báo những vấn đề khó khăn mà Đảng ta sẽ gặp phải sau kháng chiến chống Mỹ, Bác đã đánh giá cao những đóng góp của Đảng và nguyên nhân để Đảng giành được những thắng lợi đó là Đảng: “một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc...”. Ta thấy rõ vai trò và trách nhiệm của Đảng. Trước hết là phục vụ giai cấp, bởi đảng nào cũng vậy, cũng là chính đảng của một giai cấp, một bộ phận của giai cấp nhất định. Cho nên tôn chỉ và mục đích trước hết của bất cứ đảng nào đều phục vụ giai cấp sinh ra nó. Nhưng giai cấp nào thì cũng là từ nhân dân, của nhân dân. Đảng ta là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động (công - nông); lá cờ của Đảng hiện nay có hình búa (công nhân) - liềm (nông dân). Do đó lợi ích của giai cấp được coi

trọng trước tiên, nhưng quyền lợi của nhân dân (có các giai cấp khác) trong xã hội cũng là mục đích phục vụ của Đảng ta. Đảng là một tổ chức của các đảng viên, nhưng đảng viên trước hết ai cũng là công dân, dù là Bác Hồ thì cũng là một công dân. Mỗi đảng viên cũng có trách nhiệm của một công dân, phải phục vụ sự nghiệp cách mạng như một công dân, như Bác đã nêu gương, trên hết là Tổ quốc. Đảng viên, công dân, nhân dân nào thì cũng có một Tổ quốc cụ thể. Quyền lợi của Tổ quốc phải là độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, tức là Độc lập (dân tộc), nhân dân phải được Tự do (nhân quyền) và Hạnh phúc (dân sinh).

Và đó cũng chính là mục tiêu mà Bác viết: “Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới” bản ngày 15/5/1965 và bản *Di chúc* đọc ở Lễ truy điệu ngày 09/9/1969.

Hơn nửa thế kỷ trôi qua, *điều mong muốn* - điều mà năm 1965 chưa xảy ra - một số vấn đề nay đã thành hiện thực. Đất nước đã có hòa bình, thống nhất, đã có độc lập. Nhân dân ta, cùng với Đảng đang đấu tranh cho dân chủ và giàu mạnh. Để đạt được mục tiêu đó, Đảng đang nỗ lực chinh đốn, xây dựng và nhất định thành công.

BÁC HỒ VỚI HOÀNG TỘC NHÀ NGUYỄN

Nhân loại đã phải chứng kiến bao nhiêu lần đổ máu của các thế lực, triều đại sau khi thất thế trong các cuộc xung đột, các cuộc cách mạng. Lịch sử từ cổ đại đến nay, khi những lực lượng thắng thế, thì những thế lực cũ bị đàn áp đẫm máu, nhổ cỏ nhổ tận gốc, vì quan hệ cá nhân cũng không hiếm. Nhiều lãnh tụ của phe thắng thế quan niệm phải xóa bỏ triệt để sự tồn tại của lực lượng cũ, để thuận lợi cho việc xây dựng một thời kỳ hoàn toàn mới. Vì vậy, sự đàn áp, tàn sát đã xảy ra. Hàng nghìn, hàng vạn người đã bị giết ngay sau khi lực lượng mới thắng thế.

Riêng mặt văn hóa cũng là sự phủ nhận quyết liệt của triều đại sau đối với triều đại trước, không có sự tiếp nhận, kế thừa. Hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, chỉ còn lưu lại những truyền thuyết, dã sử, văn hóa dân gian là chính - tức là văn hóa phi vật thể. Văn hóa vật thể đến thế kỷ XX chẳng còn gì ngoài mấy ngôi chùa (tín ngưỡng, tôn giáo).

Chỉ đến thời đại Hồ Chí Minh mới có bước ngoặt sang trang. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 không chỉ là sự

thay đổi triều đại mà còn là cuộc cách mạng vĩ đại, xóa bỏ chế độ thực dân phong kiến, chấm dứt ách đô hộ gần 100 năm của ngoại xâm - thực dân đế quốc Pháp, xóa bỏ triệt để chế độ phong kiến kéo dài hàng nghìn năm để xây dựng một hình thái xã hội hoàn toàn mới, một nhà nước của dân, do dân, vì dân, có một chính phủ, một Hiến pháp của người dân làm chủ.

Bắt đầu là thái độ ứng xử của Bác Hồ đối với hoàng tộc nhà Nguyễn và gia đình Bảo Đại - ông vua cuối cùng của triều đình phong kiến Việt Nam.

Trước hết là với Bảo Đại - hoàng tử Vĩnh Thụy - người được Khải Định truyền ngôi từ năm 13 tuổi. Khải Định là một ông vua bù nhìn, không có công lao gì với dân tộc Việt Nam, không nói là có nhiều tội trong việc đàn áp các phong trào yêu nước của nhân dân ta. Bác Hồ đã viết về ông vua này trong vở kịch "Con rồng tre" khi Khải Định sang Pháp dự hội chợ Marseille, đưa cả Vĩnh Thụy mới 7 tuổi sang gửi khâm sứ Charles để "nước mẹ" dạy cho nghề "học làm vua". Cuộc đời Vĩnh Thụy, từ bé được thực dân Pháp nuôi dưỡng, để về làm vua rồi bỏ Tổ quốc, nhiều lần chống lại cách mạng với vai trò Quốc trưởng (chính phủ Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Xuân, Nguyễn Phan Long, Trần Văn Hữu, Nguyễn Văn Tâm, Nguyễn

Phúc Bửu Lộc, Ngô Đình Diệm...). Lăn lóc hết sông bạc Hồng Kông đến Paris, bỏ cả gia đình để đan díu với những Lý Lệ Hà, Jenny Woong, Wicky Cimet, Bùi Mộng Điệp... Ông đã bỏ chính quyền cách mạng, bỏ tư cách "công dân của một nước tự do" mà ông đã long trọng tuyên bố trước đồng bào và hoàng tộc.

Một ông vua như thế nhưng ngày cách mạng nổ ra, Bác Hồ đã quan tâm tới Bảo Đại. Cứ hình dung hoàn cảnh lúc bấy giờ, khởi nghĩa, chuẩn bị lực lượng chính trị và quân sự. Quân Nhật đầu hàng Đồng Minh chứ không phải thất trận ở Đông Dương, quân Tàu kéo sang hàng chục vạn với bộ sậu Việt quốc, Việt cách; chính phủ thân Nhật - Trần Trọng Kim rồi chính quyền non trẻ ra đời và nạn đói hơn 2 triệu người chết, quân Anh - Pháp kéo vào, rồi quan hệ giữa Mỹ và thế giới ập đến. Thế mà Bác Hồ vẫn quan tâm đến Bảo Đại - ông vua bị lật đổ và công dân Vĩnh Thụy. Khởi nghĩa giành chính quyền đã nổ ra khắp cả nước. Ở Huế, nơi triều đình của ông vua Bảo Đại cũng rung chuyển trong khởi nghĩa nhưng đã không xảy ra đổ máu, tàn sát đối với hoàng tộc nhà Nguyễn. Lễ thoái vị của Bảo Đại và bàn giao chính quyền, tài sản quốc gia được tiến hành trong hòa bình, cả hoàng gia, hoàng tộc đều phấn khởi. Đó là điều chưa từng xảy ra trong lịch sử, không chỉ lịch sử Việt Nam mà cả lịch sử thế giới.

Bảo Đại và hoàng tộc hoảng hốt, sợ hãi (là tâm lý tất nhiên của con người trước thời cuộc) nhưng rồi họ ngạc nhiên và an tâm, tin tưởng vào chính quyền mới. Bảo Đại được Bác Hồ và Chính phủ *mời* (chứ không phải triệu) ra làm cố vấn cho Chính phủ. Những ngày gian khổ và nguy nan của Tổ quốc mà chính quyền vẫn lo chu đáo nơi ăn, chốn ở và sinh hoạt cho Bảo Đại. Ở Hà Nội, Bảo Đại đã viết thư gửi về cho mẹ là bà Từ Cung: "Cụ Hồ tốt lắm! Con ra đây được Cụ Hồ thương lắm! Cụ thương con như con! Á (tức mẹ) cứ yên tâm. Không phải lo chi cho con cả." Bác chiếu cố cả những mong muốn của ông khi chọn hoàng thân Vĩnh Cảnh cùng ra Hà Nội cho có bạn, đỡ nhớ nhà... (Vĩnh Cảnh là anh em hoàng tộc, hàng chú nhưng cùng trang lứa, từng đi theo Bảo Đại dịp sang Pháp từ tuổi thơ, chơi thân với Bảo Đại). Nghĩa là Bác rất hiểu và đáp ứng tâm lý và tình cảm của ông vua ham chơi, ham hưởng lạc này.

Cũng ngay trong những ngày nước sôi lửa bỏng và gian khó của cách mạng, Bác Hồ đã cho Bộ trưởng Bộ Lao động - Lê Văn Hiến thay mặt Bác và Chính phủ vào tận Huế, đến tận hoàng cung, vào gặp vợ con Bảo Đại để thăm viếng, động viên, trấn an họ. Không những thế, Tết năm 1946, Bác đã nhờ Chủ tịch Ủy ban Hành chính Huế thay mặt Bác chuyển 10 ngàn đồng (hồi ấy số tiền này có giá trị rất lớn) để trợ cấp, giúp đỡ cho gia đình Bảo Đại. Trong lúc chính quyền đang gặp vô vàn khó khăn, quốc khổ trống

rỗng, dân đang đói, Bác phải nhịn ăn để tiết kiệm, mà Bác vẫn lo chu cấp tài chính không chỉ cho ông vua đã bị hạ bệ mà còn cho cả hoàng hậu và các hoàng tử, công chúa vì sợ họ thiếu thốn. Bác “cũng có ý định mời hoàng hậu và các con ra Hà Nội ở cùng với cố vấn để cho gia đình đoàn tụ vui vẻ hơn cảnh như lâu nay mỗi người một ngả, Chính phủ sẽ lo mọi việc chu tất cho ông bà”. Hoàng hậu Nam Phương đã cảm được ân tình của Bác Hồ. Bà đã nhận tiền và “gửi lời cảm ơn Cụ Hồ”. Và như để đáp lại, Nam Phương hoàng hậu đã dành tất cả số tiền đó ủng hộ cho cô nhi viện ở Huế, cho các cô nhi đang sống thiếu thốn, nhất là Tết đến. Và trong cuộc vận động “Tuần lễ vàng” do Chính phủ tổ chức, hoàng hậu Nam Phương đã “không chần chừ, ngay ngày khai mạc bà Nam Phương đã ăn mặc chỉnh tề, quần áo dài, đội khăn vành màu vàng, cổ đeo kiềng vàng, tai đeo bông vàng, còn hai cổ tay đeo hai đôi xuyến vàng, mười ngón tay đeo 10 chiếc nhẫn vàng lấp lánh. Một chiếc bàn lớn trải khăn đỏ để sẵn, bà Nam Phương đi tới và từ từ cởi bỏ hết những đồ trang sức trên cổ, trên tay của mình rồi đặt lên bàn ủng hộ cách mạng”⁽¹⁾. Sau này bà hết lòng ủng hộ cách mạng, ủng hộ Chính phủ Cụ Hồ. Năm 1946, khi Pháp trở lại xâm lược Nam bộ, bà đã viết thông điệp gửi thế giới để tố cáo tội ác và chính sách thực dân của Pháp⁽²⁾. Và về sau, Bảo

^{(1), (2)} Lý Nhân - Phan Thứ Lang, *Bảo Đại, vua cuối cùng triều Nguyễn*, NXB Văn nghệ, 2006, tr.169.

Đại tiếp tục làm tay sai cho thực dân Pháp, trong suốt cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và kháng chiến chống đế quốc Mỹ, bà Nam Phương không có một hành động, lời nói nào làm hại cách mạng, ngay cả khi bà phải sang Pháp sống. Những ngày cuối đời bà đòi Bảo Đại về Việt Nam để sống. Bà đã trở thành một hoàng hậu tài sắc vẹn toàn, đức độ trong số các bà hoàng của thế giới đương đại. Có lẽ cũng là do tình cảm của Bác Hồ tác động.

Không chỉ với gia đình Bảo Đại, cũng trong những ngày tháng cực kỳ khó khăn của cách mạng, Bác đã cho người vào Huế tìm gặp hai bà hoàng hậu là vợ hai vị vua yêu nước là Thành Thái và Duy Tân. Bác không chỉ thăm hỏi và gửi tiền giúp đỡ hai bà mà còn chia sẻ và thông cảm sâu sắc với sự goá bụa của các hoàng hậu khi các vua bị thực dân Pháp đày ải nơi đất khách quê người.

Hồi ký của ông Mai Văn Hiến cho biết, ông đã gặp hoàng hậu Thành Thái và hoàng hậu Duy Tân, nói chuyện với hai bà: “Trước khi đi công cán ở miền Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh có ủy thác cho tôi đến Huế phải tìm cho được hai bà để nói lên lời ân cần thăm hỏi của Cụ Hồ đối với hai bà và chúc hai bà dồi dào sức khỏe và trường thọ”.

“Cụ Hồ cũng nhấn thêm rằng từ ngày ông Thành Thái và ông Duy Tân vì tấm lòng yêu nước, mong nước nhà tự do, độc lập nên bị thực dân Pháp bắt đưa đi đày các nơi xứ

lạ, hai bà đều lâm vào cảnh lẻ loi, cô đơn đặng đặng hàng mấy chục năm. Chắc hai bà có gặp nhiều khó khăn. Hồ Chủ tịch muốn bảo để hai bà biết: Chính phủ Việt Nam từ nay sẽ trợ cấp cho hai bà hàng tháng mỗi bà năm trăm đồng để chi dùng trước thời buổi khó khăn này”⁽¹⁾.

Qua đoạn hồi ký trên đây, ta thấy Bác Hồ là người có tấm lòng nhân ái bao la, là người lịch thiệp và sâu sắc biết nhường nào. Trước hết là ủy thác cho ông Mai Văn Hiến “Tìm cho được hai bà” tức là chủ tâm, mong muốn thực sự việc “tìm cho được” hai bà hoàng hậu chứ không phải đãi bôi, giao nhiệm vụ cho có. Gặp hai bà hoàng hậu để ân cần thăm hỏi sức khỏe, để chúc sức khỏe và trường thọ cho hai bà. Tiếp theo, qua những lời “nhấn thêm” của Bác, ta thấy sự thông cảm của người đối với hai bà hoàng, dù là hoàng hậu thì cũng là người vợ phải lâm vào cảnh lẻ loi, cô đơn “đặng đặng hàng mấy chục năm”. Phải biết rằng, Bác là người đàn ông độc thân, không có vợ con, gia đình riêng. Sự thấu hiểu và thông cảm này thật đáng ngạc nhiên. Không những thấu hiểu và thông cảm tình cảm riêng tư của hai bà hoàng hậu mà Bác còn biết rõ nỗi khó khăn mà các bà gặp phải, bởi hoàng tộc nhà Nguyễn đâu có phải ai cũng giống ai. Nhiều người yêu nước nhưng cũng có kẻ đang tâm bán nước, làm tay sai cho Pháp. Sự chia rẽ, ngờ vực lẫn nhau, sự khinh khi

⁽¹⁾ Lý Nhân - Phan Thứ Lang, *Bảo Đại, vua cuối cùng triều Nguyễn*, NXB Văn nghệ, 2006, tr.169.

ghen tức trong hoàng tộc tất xảy ra. Nhất là thời kỳ đó lại là thời của những ông vua như Khải Định và Bảo Đại. Bác thấu hiểu điều đó và nghĩ “chắc hai bà có gặp nhiều khó khăn”, thậm chí cả về kinh tế nên “Chính phủ Việt Nam từ nay sẽ trợ cấp cho hai bà hàng tháng... để chi dùng trước thời buổi khó khăn này”. Như vậy, không phải là của cho mà là “trợ cấp” và “hàng tháng” chứ không phải chỉ một lần, với mục đích của “trợ cấp” là “để chi dùng”. Đó là thái độ của một người thấm nhuần văn hóa Việt Nam “của cho không bằng cách cho”. Chính vì vậy mà hai bà tỏ ra vô cùng xúc động: “Nghẹn ngào! Xúc động quá! Biết nói gì để xứng đáng với lòng chiếu cố của Người”.

Với hoàng hậu Duy Tân, con dâu hoàng hậu Thành Thái, còn trẻ hơn, đã “...khóc nức nở, không nói ra lời. Cuối cùng, bà tạm biệt một câu ngắn gọn và chân thật:

“Ý nghĩ của Chủ tịch Hồ Chí Minh đúng quá. Chúng tôi sống lẻ loi, cô đơn. Phải chịu đựng mấy chục năm nay với hoàn cảnh hết sức khó khăn. Chỉ có Hồ Chủ tịch mới nghĩ đến chúng tôi”⁽¹⁾.

Trước tấm lòng của Bác, hai bà hoàng Thành Thái và Duy Tân rất đỗi biết ơn và cảm phục. Từ tận đáy lòng hoàng hậu Thành Thái đã nói: “Trước nay tôi đi tu, từ nay

^{(1), (2)} Lê Văn Hiến, *Hồi ký Bình Trị Thiên, Tháng Tám bốn lăm*, NXB Thuận Hóa, 1985, tr.166-172.

về sau tôi vẫn đi tu. Buổi sáng và buổi tối, tôi thường tụng kinh và niệm Phật. Kinh nhật tụng của tôi thường kết thúc bằng câu “Cầu chúc hoàng triều vạn tuế, vạn vạn tuế!”. Giờ đây, thời thế đã thay đổi, Hồ Chủ tịch là lãnh tụ cao nhất và uy tín lớn nhất của quốc dân, để tỏ lòng biết ơn và quý mến Người, tôi sẽ sửa lại câu kết thúc kinh hàng ngày của tôi bằng câu: “Cầu chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn tuổi, muôn muôn tuổi”⁽¹⁾.

Với tình cảm bao la của Bác Hồ dành cho gia đình ông vua thất thế và với những người trong hoàng tộc ngay trong những ngày mới giành được chính quyền còn vô vàn gian khó đã làm cho cả triều đình nhà Nguyễn hoàn toàn yên tâm và hoan hỉ. Họ thấy rõ chính sách của chính quyền mới là rõ ràng, có lý có tình, họ sẵn sàng ủng hộ và đi theo Bác Hồ, để rồi tiếp đó nhiều vị đại thần của triều Nguyễn đã đi theo cách mạng như các ông Phan Kế Toại, Phạm Khắc Hòe, Bùi Bằng Đoàn... 8 trong 10 vị trong chính phủ Trần Trọng Kim: Hoàng Xuân Hãn, Phan Anh, Trần Đình Nam... tham gia chính phủ đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Rồi kế tiếp con cháu các vị trong kháng chiến chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ và xây dựng Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa sau này.

⁽¹⁾ Lê Văn Hiến, *Hồi ký Bình Trị Thiên, Tháng Tám bốn lăm*, NXB Thuận Hóa, 1985, tr.166-172.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến nay đã hơn nửa thế kỷ. Đất nước dù phải trải qua khói lửa bom đạn của hai cuộc chiến tranh tàn khốc do thực dân Pháp và đế quốc Mỹ gây ra, nhưng dưới chính thể do Bác Hồ lập nên vẫn chắt chiu, gìn giữ được những lăng tẩm các ông hoàng nhà Nguyễn, những cung điện, thành quách, kinh đô Huế, Sài Gòn, Hà Nội và nhiều công trình văn hóa khác. Ngay khi được tin Bảo Đại qua đời, Bộ Ngoại giao Việt Nam đã gửi điện chia buồn và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã gửi vòng hoa kính viếng. Chỉ có con cháu Bác Hồ được Người dạy dỗ và thấm nhuần *văn hóa Hồ Chí Minh* mới làm được như vậy.

HỒ CHÍ MINH - NGƯỜI ĐẦU TIÊN KHỞI XƯƠNG TƯ TƯỞNG MỞ CỬA, HỢP TÁC VÀ HỘI NHẬP CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM⁽¹⁾

*T*rong số hàng nghìn trang viết của Bác Hồ trong *Hồ Chí Minh toàn tập*⁽²⁾, tập 4 có một tài liệu đặc biệt, đó là *Lời kêu gọi Liên hợp quốc* (tr.520). Với 652 trang viết sách khổ lớn được Bác viết trong một năm (1945 - 1946) là những tài liệu quan trọng phản ánh thời kỳ rục rờ nhưng vô vàn gian khó của Việt Nam trong những ngày tháng còn non trẻ của nhà nước cách mạng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Những bài viết này được Bác viết và ghi rõ thời gian, ngày, tháng, năm. Lọt vào giữa bài “Lời kêu gọi gửi Quốc hội và Chính phủ Pháp” (ngày 07/12/1946) và “Trả lời đại biểu các báo Việt Nam về chính kiến của Lê-ông Blum” (ngày 12/12/1946) là *Lời kêu gọi Liên hợp quốc* (không có ngày, tháng, chỉ có năm 1946).

⁽¹⁾ Tham khảo: Lê Đình Cúc, *Hồ Chí Minh - Người đầu tiên khởi xương tư tưởng mở cửa, hợp tác và hội nhập của cách mạng Việt Nam*, báo Văn nghệ Thái Nguyên, ngày 18/5/2018.

⁽²⁾ *Hồ Chí Minh toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, xuất bản lần thứ 3, Hà Nội, 2011.

Ta còn biết thêm “Bút tích tiếng Pháp, bản chụp lưu tại Bảo tàng Cách mạng Việt Nam”⁽¹⁾.

Các chi tiết trên đây cho ta biết, tài liệu này được Bác viết (và gửi cho Liên hợp quốc) bằng tiếng Pháp. Qua nội dung bức thư và thời gian dù không ghi ngày, tháng viết thư cũng cho ta biết là bức thư được Bác viết vào cuối tháng 12/1946.

Xác định cụ thể thời gian của tài liệu này để thấy sự kỳ lạ và tài tình của Người trong lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Ngay từ lúc ấy, vừa mới giành được chính quyền, nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa còn quá non trẻ lại phải đương đầu với vô vàn khó khăn trong giữ nước và kiến quốc lại phải ngay lập tức đương đầu với cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân đế quốc Pháp mà Bác đã nhìn tới một tương lai mới mẻ của cách mạng Việt Nam trong xu thế của thời đại: mở cửa và hội nhập. Xu thế ấy sau 40 năm đã trở thành hiện thực vào năm 1986 mở ra thời kỳ mới của Tổ quốc ta.

Tư tưởng mở cửa, hợp tác và hội nhập của Bác Hồ

Lời kêu gọi Liên hợp quốc “Kính gửi Đại Anh quốc, Trung Quốc, Hoa Kỳ, Liên Xô và các nước thành viên khác của Liên hợp quốc”. Đối tượng của Lời kêu gọi trước hết là

⁽¹⁾ *Hồ Chí Minh toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, xuất bản lần thứ 2, Hà Nội, tr. 467-471, 2000.

Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (trừ Pháp lúc đó đang là kẻ xâm lược Việt Nam và những nội dung trong thư đã được Chính phủ nước ta đề nghị nhưng Pháp đã khước từ) và các nước thành viên khác. Tức là tất cả các nước trên thế giới.

Lời kêu gọi có 9 nội dung thì nội dung thứ 8 là quan trọng và kỳ lạ nhất bởi đã nêu lên tư tưởng và “chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực” của nước ta ngay từ lúc ấy (1946).

Các nội dung từ 1 đến 9 phản ánh thực tế của cách mạng Việt Nam 1945 - 1946: Sự ra đời của Nhà nước Việt Nam; sự ngoan cố và hiếu chiến của thực dân Pháp đang trở lại xâm lược Việt Nam, vị trí và vai trò của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 trong mặt trận đồng minh đánh bại chủ nghĩa phát xít trên thế giới. Những tiền đề này là cơ sở thuyết phục các nước trên thế giới về nội dung thứ 8.

“Chúng tôi trịnh trọng tuyên bố rằng nhân dân chúng tôi thành thật mong muốn hòa bình. Nhưng nhân dân chúng tôi cũng kiên quyết chiến đấu đến cùng để bảo vệ những quyền thiêng liêng nhất: toàn vẹn lãnh thổ cho Tổ quốc và độc lập cho đất nước”.

Lưu ý: *Toàn vẹn lãnh thổ* bởi lúc đó - năm 1946 sau Hội nghị Fontainebleau, thực dân Pháp đã không thực hiện mà “nặn ra nước Cộng hòa Nam Kỳ với một Chính phủ bù nhìn tay sai, tiếp tục khủng bố những người yêu nước Việt Nam”. Trong thư Bác nêu lên vấn đề quan trọng nhất

là độc lập dân tộc để bảo đảm cho “trong chính sách đối ngoại của mình, nhân dân Việt Nam sẽ tuân thủ các nguyên tắc” và sẵn sàng “mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực” mà Bác nêu dưới đây:

“1. Đối với Lào và Miên⁽¹⁾, nước Việt Nam tôn trọng nền độc lập của hai nước đó và bày tỏ mong muốn hợp tác trên cơ sở bình đẳng tuyệt đối các nước có chủ quyền”.

Phải thấy rằng hoàn cảnh lúc đó, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời trong hoàn cảnh hết sức khó khăn và phức tạp. Cho đến hết năm 1946 chưa có nước nào trên thế giới công nhận nước ta. Kể cả Liên Xô và các nước trong phe xã hội chủ nghĩa. Trung Quốc thì mãi năm 1949 mới giành được chính quyền, năm sau, năm 1950 mới công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Những năm 1950 nước ta mới được một số nước công nhận. Có lẽ (vô tình) nước Pháp trong dịp đón Bác sang Paris và ký Hiệp định sơ bộ Pháp - Việt ngày 06/3/1946 và Fontainebleau với chuyến đi dài bằng đường biển qua Thái Bình Dương, xuyên qua kênh đào Suze, qua châu Phi vào Địa Trung Hải, con tàu chở Bác với lá cờ đỏ sao vàng làm cho thế giới ngạc nhiên: Có một quốc gia mới ra đời. Rồi những cuộc đón tiếp long trọng với nghi thức đón tiếp Nguyên thủ Quốc gia của Chính phủ Pháp đối với Bác ở Paris, trung tâm của thế giới lúc đó đã là sự công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đầu tiên của nước Pháp trên thế giới.

⁽¹⁾ Cam-pu-chia ngày nay.

Để tranh thủ dư luận quốc tế, ngay mục 1 của nội dung thứ 8 Bác đã nêu lên vấn đề nước Việt Nam tôn trọng nền độc lập của hai nước đó (Lào và Miên).

Trên cơ sở đó Bác nêu vấn đề thứ hai của nội dung thứ 8 là: “Nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách *mở cửa và hợp tác* trong mọi lĩnh vực.

a) Nước Việt Nam dành sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình.”

Ta thấy ở mục này Bác đã nêu rõ chính sách “mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực” nghĩa là hợp tác toàn diện và hợp tác rộng rãi. Không chỉ với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa (phe ta) khác mà với cả “các nhà tư bản, nhà kỹ thuật”. Nghĩa là với các nước tư bản trong “tất cả các ngành kỹ nghệ”.

Đảng và Nhà nước Việt Nam đã và đang thực hiện tư tưởng mở cửa, hợp tác và hội nhập mà Bác Hồ đã nêu lên từ năm 1946

Mãi đến năm 1960, Khrushchev - Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô mới nêu vấn đề “cùng chung sống hòa bình” mà thế giới đã chao đảo, ông bị đánh tới tấp, lên bờ xuống ruộng dưới chiêu bài chống “Chủ nghĩa xét lại hiện

đại". Ngay từ năm 1946 mà Bác Hồ đã "khen cho con mắt tinh đời" nêu lên vấn đề "Hợp tác" và "Mở cửa" như vậy quả là ghê gớm.

Rồi đất nước ta phải chấp nhận hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ kéo dài 30 năm, tiếp đó là cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam và phía Bắc của Tổ quốc nên không có điều kiện thực hiện những chính sách mà Bác đã vạch ra. Những tư tưởng mở cửa, hợp tác của Bác Hồ khởi xướng mới trở thành hiện thực từ sau Đại hội Đảng lần thứ VI, năm 1986.

Tháng 9/1977 nước ta đã gia nhập Liên hợp quốc và tham gia tích cực vào các tổ chức quốc tế như UNESCO và 20 năm sau (năm 1997), nước ta là thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). Vấn đề mở cửa và hợp tác mà Bác nêu lên từ năm 1946 đến Đại hội Đảng lần thứ VI (1986) mới được thực hiện rộng rãi. Năm 1990 bình thường hóa với Trung Quốc, năm 1992 tham gia ký Hiệp định Bali trở thành quan sát viên của ASEAN, năm 1993 bình thường hóa quan hệ tài chính với các tổ chức tài chính quốc tế (trước đó nước ta bị cấm vận vì giúp nhân dân Cam-pu-chia thoát khỏi họa diệt chủng Pol Pot). Tháng 7/1995 bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Mỹ, tháng 11/2007 ký Quy chế Quan hệ Thương mại Bình thường và vĩnh viễn (NTR) với Mỹ... Từ Đại hội lần thứ VII (1991) của

Đảng đã nêu lên “Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”, sau đó cụ thể hóa đã “chủ động đa phương hóa, đa dạng hóa”. Đến nay Việt Nam đã có quan hệ với tất cả các nước và đã có rất nhiều nước đầu tư vào nước ta. Trong đó, ngày 23/5/2016 Tổng thống Mỹ Barack Obama Quyết định dỡ bỏ hoàn toàn cấm vận vũ khí áp đặt lên Việt Nam từ năm 1975. Năm 2001 ký “Hiệp định thương mại Việt - Mỹ”. Tháng 11/2006 Việt Nam là thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Năm 2018 nước ta đã tích cực vận động và tham gia Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTTP) với 11 nền kinh tế thế giới.

Điểm b của nội dung thứ 8 trong Lời kêu gọi, Bác nêu rõ: “Nước Việt Nam sẵn sàng mở rộng các cảng, sân bay và đường sá giao thông cho việc buôn bán và quá cảnh quốc tế”.

Đến nay đã thành hiện thực. Sân bay, hải cảng nước ta đã đón nhận các hãng hàng không nhiều nước, tàu vận tải và tàu quân sự các nước Nga, Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Pháp, Úc... đã đến Việt Nam hàng chục năm nay. Trong đó hải cảng quân sự Cam Ranh là một điểm đến hấp dẫn nhiều cường quốc quân sự.

Điểm c của nội dung này Bác viết: “Nước Việt Nam chấp nhận tham gia mọi tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế...”.

Đến nay Việt Nam đã tham gia tích cực trong WTO, AFTA, ASEAN, CPTPP là những tổ chức kinh tế lớn, có uy tín nhất của thế giới.

Điểm d là điểm cực kỳ lạ lùng. Bác viết: “Nước Việt Nam sẵn sàng ký kết với các lực lượng hải quân, lục quân trong khuôn khổ của Liên hợp quốc những hiệp định an ninh đặc biệt và những hiệp ước liên quan đến việc sử dụng một vài căn cứ hải quân và không quân”.

Thực tế những năm gần đây nước ta đã có nhiều đoàn quân sự của ta tham gia trong quân đội do Liên hợp quốc tổ chức giữ gìn hòa bình ở một số nước như Bác đã nêu lên ở bức thư này.

Như vậy vấn đề *hợp tác, mở cửa* trong xu thế toàn cầu hóa của thời đại của Việt Nam đã có từ rất sớm, đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu lên ngay khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mới ra đời (năm 1946) chứ không phải từ năm 1986 như nhiều người hiểu. Và chắc chắn là các ông Nguyễn Văn Linh, Trường Chinh... chỉ là những người học trò thực hiện tư tưởng của Bác Hồ. Chính Hồ Chí Minh mới là người Việt Nam đầu tiên đưa ra tư tưởng *mở cửa, hợp tác, hội nhập* toàn diện với thế giới với tầm nhìn xuyên thế kỷ XX, sang thế kỷ XXI để đưa cách mạng Việt Nam tiến lên phía trước, “xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh” (*Di chúc*).

HỒ CHÍ MINH

VÀ VĂN BẢN QUỐC TẾ ĐẦU TIÊN CÔNG NHẬN NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA⁽¹⁾

(Với Hiệp định sơ bộ Pháp - Việt (Hiệp định sơ bộ)
ngày 06/3/1946)

*M*ột sự kiện lịch sử xảy ra người ta có thể nhìn nhận nó với những ý nghĩa và tác động đối với xã hội như nó có. Nhưng với thời gian, ở nhiều góc độ khác nhau, sự kiện ấy vượt khỏi nội dung ban đầu, thậm chí không như thời điểm nó xảy ra. Nó đa dạng hơn, phức tạp hơn, có ý nghĩa to lớn hơn bởi “lịch sử không còn là lịch sử nữa khi xuất hiện những nhà nghiên cứu lịch sử”. Với Hiệp định sơ bộ ngày 06/3/1946 cũng như vậy.

Với thời gian hơn nửa thế kỷ, Hiệp định sơ bộ ngày 06/3/1946 qua tài liệu được giải mã, qua Hồi ký của những người tham gia ký kết Hiệp định, qua các công trình nghiên cứu lịch sử và chính trị của Pháp, Việt Nam, Anh, Mỹ, Liên

⁽¹⁾ Tham khảo: Lê Đình Cúc, *Hồ Chí Minh và văn bản quốc tế đầu tiên công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*, báo Văn nghệ Thái Nguyên, ngày 20/01/2019.

Xô⁽¹⁾, Trung Quốc... chúng ta có thể thấy Hiệp định sơ bộ ngày 06/3/1946 với những nội dung và giá trị mới.

Đề rồi những câu hỏi day dứt suốt hơn 70 năm qua, chưa một lần có câu trả lời thỏa đáng mặc dù đã có rất nhiều người nghiên cứu đã đi tìm trả lời.

Tại sao Hội nghị Đà Lạt thất bại? Tại sao Bác Hồ đã sang tận Paris, đàm phán với Pháp hàng mấy tháng trời mà Hiệp định Fontainebleau không đi đến đâu?

Và nhiều người trên thế giới vẫn thắc mắc, Hồ Chí Minh và Charles De Gaulle là những người anh hùng, đều là Danh nhân văn hóa thế giới mà không ngăn chặn được cuộc chiến tranh Pháp - Việt (1946 - 1954). Cả hai dân tộc đều phải hy sinh hàng vạn người con ưu tú của mình, rồi Chiến dịch Điện Biên Phủ thắng lợi, mới chấm dứt chiến tranh. Của cải vật chất còn lại của nước Pháp sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã bị chiến tranh Đông Dương ngốn hết. Đất nước Việt Nam bị tàn phá nặng nề, bao nhiêu người đã chết, bao nhiêu làng mạc, thành phố của Việt Nam bị chiến tranh tàn phá?

Trong số những nghiên cứu về Hiệp định sơ bộ ngày 06/3/1946 thì hồi ký *Những năm tháng không thể nào quên*⁽²⁾

⁽¹⁾ Nay là Liên bang Nga

⁽²⁾ Đại tướng Võ Nguyên Giáp, *Tổng tập Hồi ký*, NXB Quân đội Nhân dân, Hà Nội, tr.141 - 370, 2011.

của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, người cộng sự và tham gia với Bác Hồ trong việc tổ chức và thực hiện bản Hiệp định này là phong phú, đầy đủ nhất.

Nhưng tập *Hồi ký* này cũng được Đại tướng viết vào năm 1970 của thế kỷ XX. Với vị trí của Đại tướng lúc đó nên có sự kiện lịch sử chưa tiện nói hết, chưa thể phân tích hết.

Cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược trong 9 năm gian khổ, có nhiều điều, lúc đó Đại tướng chỉ nhắc qua mà chưa có điều kiện đi sâu.

Cho đến những năm 1970 của thế kỷ XX, số lượng công trình nghiên cứu, hồi ký, tài liệu lịch sử chưa nhiều như sau này, khi phe xã hội chủ nghĩa và Liên Xô sụp đổ. Nhiều kho tư liệu của các nước được giải mã, càng soi sáng thời gian 1945 - 1946, khi nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vừa ra đời trong hoàn cảnh thế giới hết sức rối ren và phức tạp. Hiệp định sơ bộ ngày 06/3/1946 ra đời trong hoàn cảnh ấy mà hiện nay dưới ánh sáng của sự thật và độ lùi của lịch sử chúng ta mới biết.

Tôi không phải là người nghiên cứu lịch sử. Những sự kiện lịch sử chỉ là gợi ý tham khảo của bài viết này, không phải là tư liệu lịch sử, để thấy sự vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh với Hiệp định sơ bộ ngày 6/3/1946⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Xem thêm: *Chủ tịch Hồ Chí Minh người anh hùng dân tộc vĩ đại*, báo Văn nghệ Thái Nguyên, số ngày 30/01/2018.

I. Về cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

Cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là tất yếu của dân tộc ta nhưng với nhiều người trên thế giới là bất ngờ, khó hiểu bởi họ nhìn vào tương quan lực lượng giữa Việt Nam và các thế lực chính trị lúc bấy giờ. Một bên là chế độ phong kiến đã tồn tại và kéo dài hàng nghìn năm với sự “bảo hộ” của đế quốc Pháp, có Anh, Mỹ và Tưởng Giới Thạch, với bè lũ tay sai Việt Nam Quốc dân Đảng (Việt Quốc) và Việt Nam Cách mệnh Đồng minh Hội (Việt Cách). Đối địch với chúng là lực lượng Việt Minh do Cụ Hồ và Đảng Cộng sản Đông Dương còn non trẻ và không có lực lượng quân sự đáng kể. Sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa không được một nước nào công nhận. Các nước thuộc phe xã hội chủ nghĩa do Liên Xô cầm đầu cũng không công nhận.

Ngay từ đầu năm 1945, trước kế hoạch “trao trả độc lập” cho ba nước Đông Dương của Nhật Bản (09-10/3/1945) Pháp đã đưa ra chiến lược nhằm đối phó và dọn đường để quay lại Đông Dương. Đó là *Tuyên ngôn 24/3/1945*. Ở chuyến đi Mỹ của de Gaulle, ông ta đã cụ thể hóa Tuyên ngôn này với Tổng thống Mỹ và tuyên bố “Sẽ thiết lập chế độ mới ở Đông Dương”. Chính phủ mới ở Đông Dương gồm cả người bản xứ (5 khu vực Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ (Việt Nam), Miên và Lào do người Pháp cầm quyền với một nghị viện và một nền kinh tế tự do⁽¹⁾. Cũng ngay từ năm

⁽¹⁾ Theo Chính Đạo, tài liệu đã dẫn, tr. 5/9.

1945 ông ta đã thiết lập "Ủy Ban Liên Bộ đặc trách vấn đề Đông Dương (Comindo) tại phủ Thủ tướng do Francois de Langlade làm Tổng Thư ký để thực hiện chính sách này. Các thủ tướng kế nhiệm de Gaulle triệt để thực hiện chính sách tái lập Liên bang Đông Dương thuộc Pháp mà *Tuyên ngôn 24/3/1946* đã vạch ra của de Gaulle. Điều này cắt nghĩa cho việc vì sao thực dân Pháp từ đầu đến cuối luôn luôn ngoan cố và cuộc chiến tranh Pháp - Việt là không thể tránh khỏi. Thời gian đó cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã nổ ra. Đã có nhiều công trình nghiên cứu khá sâu sắc và kỹ lưỡng, ở đây chúng ta không nhắc lại. Ấy là nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã đập tan chế độ phong kiến, giành chính quyền tay từ phát xít Nhật, trở thành Nhà nước Nhân dân, làm chủ để đón quân đội các nước Đồng Minh, với một nạn đói (1945) hơn 2 triệu người chết, một gia tài tài chính chỉ vòn vẹn có 1 triệu đồng bạc Đông Dương mà thực dân Pháp và Trung Hoa ráo riết phá hoại, làm cho mất giá, một dân tộc có hơn 90% người mù chữ và xung quanh là nhiều kẻ thù. Ngoài bọn xâm lược nước ngoài (Nhật, Pháp, Anh, Mỹ và Tàu Tưởng) là bọn tay sai Việt Quốc, Việt Cách với chiêu bài yêu nước, theo chân bọn Quốc dân Đảng tràn về.

Tất cả lực lượng này đều có một mục đích là tiêu diệt nhà nước non trẻ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, cụ thể hơn là tiêu diệt Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Vì vậy, Pháp với sự giúp đỡ của quân đội Anh (thay mặt quân Đồng Minh vào tiếp quản Đông Dương từ vĩ tuyến 16 trở vào) đã gây hấn, nổ súng xâm lược nước ta. Vũ khí, quân trang quân dụng là do Mỹ cung cấp. Mỹ đã từng giúp đỡ Việt Minh những năm đầu 1940, nay trở mặt, cấm giao thiệp quan hệ với Hồ Chí Minh⁽¹⁾.

Chính phủ Trùng Khánh của Tưởng Giới Thạch được Đồng Minh ủy nhiệm vào tiếp quản Đông Dương từ vĩ tuyến 16 trở ra, đã đưa sang gần 20 vạn quân để tước vũ khí quân Nhật (chỉ có 1 vạn 60 nghìn tên đã thất trận) rõ ràng với mục đích chiếm đóng Việt Nam. Cùng đi với 20 vạn quân Trùng Khánh là một bè lũ Việt Quốc, Việt Cách, có cả quân đội riêng nhằm chống phá Chính phủ của Bác Hồ.

Miền Nam đang nỗ lực ngăn chặn cuộc tiến công của thực dân Pháp. Miền Bắc, quân đội Trùng Khánh gây áp lực tối đa. Lực lượng Việt Quốc, Việt Cách ra sức chống phá Cách mạng đến cùng.

Trong tình thế đó, đúng là “ngàn cân treo sợi tóc”. Bác Hồ đã lãnh đạo nhân dân ta gấp rút, chạy đua với thời gian thành lập Chính phủ. Và việc đầu tiên là bầu cử Quốc hội để bảo đảm tính hợp pháp của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

⁽¹⁾ Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Sđd.

Ngày 08/9/1945 Bác Hồ ban hành Sắc lệnh số 14, quyết định tổ chức bầu “Quốc dân đại hội” (Quốc hội) trong vòng 60 ngày. Pháp và Tưởng cương quyết phá hoại. Bác Hồ phải điều đình và dàn xếp với các tổ chức thân Trung Hoa và chống Cộng, do đó Đại hội phải lùi đến ngày 23/12/1945 mới tiến hành.

Thực dân Pháp và Chính phủ Trùng Khánh biết uy tín của Việt Minh và Bác Hồ rất lớn trong nhân dân Việt Nam. Bầu cử tự do, công khai thì chắc chắn Việt Minh sẽ thắng. Quốc hội mới, thành lập chính phủ mới thì bọn tay sai của họ phải ra rìa. Vì vậy họ chủ trương ép buộc, thương lượng với Bác Hồ phải có một chính phủ mà họ có những vị trí quan trọng trong đó. Vì vậy trước khi bầu cử họ ép buộc Bác Hồ chấp nhận những thành viên là người của họ trong chính phủ mới.

Ngày 23/12/1945 mới bầu Quốc hội nhưng ngày 19/12/1945 Tiêu Văn (tướng của Trùng Khánh) đã tổ chức gặp mặt ba phái (Việt Minh, Việt Quốc, Việt Cách) để thỏa thuận sau đó ký “hợp tác hình thành”, bao gồm các nội dung chính:

- Ngày 01/01/1946 thành lập một chính phủ Liên hiệp gồm 10 Bộ do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, Nguyễn Hải Thần làm Phó Chủ tịch.

- Tổ chức bầu cử vào ngày 06/01/1946.

- Việt Quốc được dành 50 ghế đại biểu, Việt Cách được dành 20 ghế đại biểu.

- Các đảng không tự nguyện gây hấn với nhau (lưu ý: Tiêu Văn muốn kéo dài thời gian tổ chức bầu cử Quốc hội, càng kéo dài càng tốt để có cơ hội phá hoại).

Tuy vậy cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội đã được tổ chức (sau khi đã lùi mấy ngày). Bác Hồ ứng cử tại Hà Nội là của "Đảng Quốc gia" (lời Bác tự nhận, chứ không phải là đảng viên Đảng Cộng sản) đã trúng cử với số phiếu cao nhất (169.222 phiếu trên tổng số 172.765 cử tri đi bầu).

Và như đã thỏa thuận trước ngày 19/12/1945. Chính Phủ lâm thời có 70 ghế là đại diện của Việt Quốc, Việt Cách mà không tham gia bầu cử.

Nước Việt Nam đã có Chính phủ Liên hiệp, có Quốc hội, đã chính danh, nhưng cuối tháng 02/1946 tình báo Pháp phát hiện ra Chính phủ Trùng Khánh "đang có kế hoạch thay Chính phủ Hồ Chí Minh bằng lực lượng Việt Nam Quốc dân Đảng và Việt Nam Cách mệnh Đồng minh Hội với sự tiếp tay của lực lượng Đại Việt và lực lượng thân Nhật. Mục đích của Trung Hoa là loại bỏ Hồ Chí Minh và thành lập một chính phủ không cộng sản"⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Theo Chính Đạo, tài liệu đã dẫn.

Hà Nội cuối năm 1945 đến đầu năm 1946 hết sức căng thẳng. Nhiều lực lượng và phe phái chính trị có vũ trang cùng hoạt động, đe dọa nền độc lập non trẻ của chúng ta. Quân đội Trùng Khánh của Tưởng Giới Thạch đông đến 20 vạn tên cùng với các tổ chức phản động Việt Quốc, Việt Cách điên cuồng chống phá. Bác Hồ đã phải “nhân nhượng” và tìm cách đối phó, cương quyết nhưng hết sức mềm dẻo. Đánh lại chúng, chúng ta thừa quyết tâm. Đó là lòng yêu nước của nhân dân ta nhưng thiên chưa gặp thời, địa chưa có lợi. Đánh Pháp, đánh Tưởng ư? Lực lượng của ta còn bé nhỏ, còn yếu. Và sau chúng là bình phong: Đại diện phe Đồng Minh. Ta làm sao mà đánh được. Hà Nội gần như do quân Trùng Khánh cai trị. Chúng bố trí quân đội, cảnh sát, giành quyền cấp giấy phép đi lại cho xe cộ. Sau khi thành lập Chính phủ Liên hiệp, Hồ Chí Minh là Chủ tịch nước, Võ Nguyên Giáp là Bộ trưởng Bộ Nội vụ nhưng đã bị quân Tưởng khám xét, bắt giữ cả ngày. Hàng đêm Bác Hồ phải thay đổi chỗ ngủ - khi ở nơi này khi ở nơi khác. Tài liệu giải mật cho biết cụ thể hơn: “Thời gian này Thượng tướng Chu Phúc Thành, Tư lệnh Quân đoàn 53... Chu chống cộng và ủng hộ nhóm Nguyễn Hải Thần - Nguyễn Trường Tam - Vũ Hồng Khanh. Đầu tháng 12/1945, Chu từng tra vấn Hồ Chí Minh trọn một ngày”⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Theo Chính Đạo, tài liệu đã dẫn.

Trước dư luận thế giới e dè với nhà nước Việt Nam bởi họ ngại và sợ chủ nghĩa cộng sản. Để xoa dịu tình hình, Bác Hồ đã tuyên bố giải tán Đảng Cộng sản Đông Dương. Bác Hồ tự nhận là “Đảng Quốc gia”, “Đảng Việt Nam” để tránh sự nhòm ngó và xuyên tạc của các lực lượng chống phá cách mạng.

Trên cơ sở kết quả kỳ họp Quốc hội thứ nhất, ngày 02/3/1946 Chính phủ Liên hiệp Kháng chiến được thành lập, sau khi đã thông qua danh sách 70 đại biểu của Việt Nam Quốc dân Đảng và Việt Nam Cách mệnh Đồng minh Hội (không phải qua bầu cử ngày 06/01/1946). Chính phủ Liên hiệp Kháng chiến Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (tên rút gọn là Chính phủ Liên hiệp Kháng chiến hay Chính phủ Liên hiệp Quốc gia) là chính phủ thứ 3 của nước ta. Nó thay thế và kế tục Chính phủ Liên hiệp lâm thời Việt Nam ngày 01/01/1946.

Ta thấy Chính phủ Liên hiệp Kháng chiến có 12 vị thì chỉ có 3 vị là của Việt Minh (Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đặng Thai Mai, Bộ trưởng Bộ Tài chính Lê Văn Hiến) còn tất cả là người của các đảng phái Việt Quốc, Việt Cách, Dân chủ và không đảng phái (Bộ trưởng Bộ Nội vụ Huỳnh Thúc Kháng và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Phan Anh). Trong số 9 thứ trưởng, chỉ có một thứ trưởng là người của Việt Minh (Thứ trưởng Giao thông Công chính Đặng Phúc Thông). Cố vấn Tối cao của Chính phủ là Bảo Đại.

Kháng chiến Ủy viên hội (tức quân sự) do Võ Nguyên Giáp làm Chủ tịch, Vũ Hồng Khanh làm Phó Chủ tịch. (Giữa năm 1946 thì Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Trường Tam và Vũ Hồng Khanh đã bỏ nhiệm sở chạy sang Trung Quốc theo quân đội Tưởng Giới Thạch. Bảo Đại cũng bỏ chạy). Thực chất thì dù Bác Hồ đã cố gắng hết sức mình để cứu vãn nhưng *Chính phủ Liên hiệp Kháng chiến* đã tan rã vì sự phá hoại của Việt Quốc, Việt Cách ngay ở thời điểm của Hiệp định sơ bộ 6/3/1946 được ký kết. Việc tuyên bố tự giải tán Đảng Cộng sản là một sự kiện quan trọng sau Quốc khánh 02/9/1945. Các đảng cộng sản trên thế giới có thể hiểu sai việc làm này Bác là người yêu nước, yêu dân tộc mà làm cách mạng giành độc lập cho Tổ quốc, hạnh phúc cho nhân dân Việt Nam. Cộng sản hay gì thì cũng chỉ là phương tiện. Lúc thời điểm 1945 - 1946 "nước xa không cứu được lửa gần". Bọn xâm lược và đế quốc đang ở ngay trên đất nước ta hàng ngày nổ súng và tìm cách cướp chính quyền, xóa bỏ cách mạng vì Bác Hồ là cộng sản. Để tránh mũi dùi đó Bác Hồ đã phải đưa Đảng vào hoạt động bí mật dưới danh nghĩa "Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương". Hơn thế nữa, hoàn cảnh lịch sử phức tạp, khó khăn, nguy hiểm ngặt nghèo: Quốc hội vừa họp, thông qua Quốc ca, Quốc kỳ nay đã có nhiều người đề nghị phải thay đổi. "Để chứng tỏ tinh thần đoàn kết của mình, Hồ Chí

Minh còn yêu cầu Quốc hội nghiên cứu và biểu quyết việc lựa chọn một Quốc kỳ khác"⁽¹⁾.

II. Vì sao có Hiệp định sơ bộ 06/3/1946

Hiệp định sơ bộ 06/3/1946 không phải là do Bác Hồ đề xuất mà nguyên nhân sâu xa là do nhu cầu của Pháp và Chính quyền Trùng Khánh của Trung Hoa. Bác Hồ là người tận dụng nhu cầu đó và với tài năng uyên bác và nghệ thuật ngoại giao tài tình của Người đã lái vấn đề sao cho có lợi nhất cho cách mạng Việt Nam.

1. Dã tâm của Pháp dẫn đến sự ra đời của Hiệp ước Hoa - Pháp (Trùng Khánh)

Phần trên chúng ta đã đề cập đến *Tuyên ngôn 24/3/1945* của Chính phủ Pháp, là chủ trương và chiến lược tái chiếm Đông Dương sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Pháp ráo riết thực hiện chính sách đó bất chấp thực tế là đã có một nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa từ ngày 02/9/1945 do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch nước, dân tộc Việt Nam đã là dân tộc tự do và độc lập.

Để thực hiện mục đích tái lập Liên bang Đông Dương thuộc Pháp, de Gaulle đã chọn D'Argenlieu một vị tướng khoác áo thầy tu đã phá giới được giữ vị trí Cao ủy và được đặc cách đề bạt lên Phó Đô đốc trước khi đi nhậm chức. Ông ta vừa hiếu chiến vừa ngoan cố, bất chấp dư luận nhân

⁽¹⁾ Theo Chính Đạo, tài liệu đã dẫn.

dân Pháp khi cố níu kéo quá khứ để thực hiện âm mưu của de Gaulle. Ông ta sang Đông Dương với thái độ tự tin: “Sự hiện diện của tôi ở đây là nhằm thực hiện Tuyên ngôn ngày 24/3/1945” (báo cáo gửi de Gaulle ngày 18/11/1945).

Sang Đông Dương một thời gian ngắn, d’Argenlieu gấp rút thiết lập Hội đồng Liên bang (Conseil Federal) tiền thân của Chính phủ Liên bang Đông Dương (gồm 3 kỳ của Việt Nam, Lào và Cao Miên). Ngày 07/01/1946, Sihanouk đồng ý, nhưng ở Việt Nam thì ông ta không làm gì được dù nỗ lực chia cắt Nam Kỳ ra khỏi Việt Nam với khẩu hiệu “Nam Kỳ của người Nam Kỳ”. Nhân dân Nam bộ kiên quyết chống lại cuộc xâm lược của Pháp bằng súng đạn và lòng yêu nước. Cả nước “Nam tiến” ủng hộ đồng bào miền Nam. Quân Pháp sa lầy ở miền Nam.

Ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ, chính quyền của Bác Hồ đang khẩn trương ổn định và chuẩn bị cho công cuộc bảo vệ Tổ quốc nếu chiến tranh xảy ra. Pháp không ra được miền Bắc. Trong khi đó hơn 5.000 lính Pháp khi Nhật đảo chính (3/1945) chạy trốn sang Trung Quốc đang rất muốn an toàn tính mạng và kéo về Việt Nam.

Với chiêu bài quyền lợi kinh tế xí nghiệp, đồn điền, ngân hàng, mỏ than, đường sắt... của Pháp và cuộc sống của hàng nghìn kiều dân Pháp ở miền Bắc Việt Nam cần bảo vệ... Quân đội Pháp phải có mặt ở miền Bắc. Đó chỉ là lý

do, đằng sau đó là dã tâm xâm lược nước ta như *Tuyên ngôn* 24/3/1945 đã vạch sẵn: Tiêu diệt chính phủ Hồ Chí Minh. Pháp tìm mọi cách để kéo quân ra miền Bắc.

Ngày 15/10/1945 Sainteny đã gặp Bác Hồ để thương lượng về vấn đề những xung đột và chiến sự đang nổ ra dữ dội với quân Pháp. Đầu tháng 12/1945, Bác Hồ, Hoàng Minh Giám và Võ Nguyên Giáp đã gặp Sainteny, Salan, Pignon (cố vấn chính trị của Sainteny) và Louis Caput (Lãnh tụ Xã hội tại miền Bắc). Vấn đề cơ bản Bác Hồ yêu cầu là Chính phủ Pháp phải chấp nhận nguyện vọng độc lập của Việt Nam như *Tuyên ngôn độc lập* đã công bố ngày 2/9/1945.

Cuộc thương lượng có kết quả nhất định. Bản dự thảo Hiệp ước có vấn đề công nhận nền độc lập của Việt Nam và Việt Nam nhìn nhận quyền lợi chính đáng của Pháp tại Viễn Đông và Thái Bình Dương, Việt Nam trong khuôn khổ Liên bang Đông Dương và khối Liên hiệp Pháp⁽¹⁾.

Hiệp ước chưa ký vì d'Argenlieu chờ kết quả bầu cử Quốc hội của Việt Nam xem Chính phủ của Bác Hồ ra sao. Ngay lúc đó Thiếu tá phi công Vĩnh San - cựu hoàng Duy Tân (ở ngôi từ năm 1907 - 1916) chống Pháp bị bắt đi đày, đã tham gia Chiến tranh thế giới Thứ hai trong quân đội Pháp. De Gaulle và d'Argenlieu âm mưu lợi dụng vua Duy Tân, đưa ông về Đông Dương để thực hiện âm mưu của chúng, thành lập một chính phủ, loại bỏ Chính phủ Hồ Chí Minh.

⁽¹⁾ Theo Chính Đạo, tài liệu đã dẫn.

Nhưng chưa kịp thực hiện thì máy bay của Thiếu tá Vĩnh San bị rơi, ông bị chết (ngày 26/12/1945). Thế là hai kẻ xâm lược ngoan cố này vứt bỏ mọi ý tưởng mà trở lại lập trường: Không độc lập gì cả mà chỉ tìm cách khuất phục nhân dân Việt Nam, phải đưa quân ra miền Bắc bằng mọi giá.

2. Nhu cầu của Trung Hoa dẫn đến sự ra đời của Hiệp ước Hoa - Pháp (Trùng Khánh)

Việc Chính phủ Trùng Khánh của Tưởng Giới Thạch đưa quân vào miền Bắc Việt Nam không nằm trong chiến lược của họ. Họ ưu tiên các khu vực Trung Hoa lục địa, Triều Tiên, Mãn Châu và Đài Loan. Khi được Đồng Minh ủy nhiệm vào Đông Dương tước vũ khí quân Nhật, thì họ coi như là cơ hội trời cho. Máu đại hán có tự ngàn xưa thôi thúc họ, cho đó là dịp may hiếm có và trước hết họ coi đây là chiến lợi phẩm. Họ tận dụng cơ hội và có chủ trương kịp thời để khai thác. Chính phủ Trùng Khánh đưa quân vào Việt Nam với mục đích rõ ràng: Tiêu diệt chính phủ Hồ Chí Minh, chiếm đóng lâu dài Việt Nam với một chính phủ do họ dựng lên mà lực lượng thì không thiếu. Việt Nam Quốc dân Đảng, Việt Nam Cách mệnh Đồng chí Hội đã được họ nuôi dưỡng từ trước, có tổ chức, có lực lượng quân sự ngay từ năm 1942 trong kế hoạch "Hoa quân nhập Việt".

Giải quyết vấn đề từ các Hiệp ước Pháp - Thanh để lại mà Trùng Khánh cho là bất bình đẳng: quyền lợi to lớn trên

500 km đường sắt do Pháp xây nối Lào Cai với Côn Minh (Trung Quốc) và giao thông với cảng Hải Phòng. Hằng năm Pháp thu lợi hàng chục triệu.

Quan trọng hơn cả là Trùng Khánh chuẩn bị cơ sở vật chất và hậu phương to lớn, vững chắc ở phía Nam để đối đầu với Mao Trạch Đông trong việc tranh giành quyền lực sau chiến tranh “Quốc Cộng hợp tác” đang tan rã.

Vì vậy Trùng Khánh đã đưa vào Đông Dương một số lượng quân lính khổng lồ: xấp xỉ 20 vạn để thu vũ khí của hơn 10.000 quân Nhật. Ở Lào không có quân Nhật mà Trùng Khánh vẫn đưa vào cả sư đoàn quân Vân Nam trong đó có cả mục đích tiến qua đường Lai Châu để bóp chết Chính phủ Hồ Chí Minh ở Hà Nội.

Hơn nữa do lãnh thổ Trung Quốc to lớn, chính quyền cát cứ các địa phương có nhiều mâu thuẫn với trung ương Trùng Khánh. Tướng muốn dịp này “điều hổ ly sơn”, phái các tướng cứng đầu cứng cổ kéo quân rời khỏi bản doanh để trị từng người một.

Một mặt ở thời điểm đó, Tướng không lật đổ Chính phủ Hồ Chí Minh ngay, mượn lực lượng Việt Minh để kiềm chế các tướng Trung Hoa và kiềm chế Pháp với mục đích mặc cả với Pháp, kiếm thêm tiền. Nhưng họ không công nhận chính phủ hợp hiến, hợp pháp của Bác Hồ. Công văn giao dịch họ chỉ ghi là “Gửi tiên sinh Hồ Chí Minh” mà không

bao giờ ghi chức danh “Chủ tịch Hồ Chí Minh”. Họ lập đồn bắt cảnh sát quản lý việc đi lại của viên chức Việt Nam. Họ tự in và cấp Giấy thông hành. Ngay đến Võ Nguyên Giáp, Bộ trưởng Bộ Nội vụ hay Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng bị chúng bắt giữ cả ngày.

Long Vân rời khỏi Trung Quốc, vào Việt Nam chưa lâu thì bị Tưởng đánh úp. Các tướng khác thì ăn mảnh, trả thù cá nhân, buôn lậu...

Bác Hồ đã lợi dụng tình trạng đó để khoét sâu mâu thuẫn giữa Pháp và Trung Hoa, giữa tướng lĩnh Trung Hoa ở Hà Nội và Trùng Khánh.

Lợi dụng việc 5.000 lính Pháp tháo chạy sang Vân Nam khi Nhật đảo chính Pháp ở Đông Dương, Trùng Khánh đã vùi tiền của Pháp. Trùng Khánh đòi 95,8 triệu tiền Đông Dương mỗi tháng. Thanh toán xong mới cho trở lại Việt Nam qua ngã Mường La - Lai Châu. Pháp chỉ trả 25 - 27 triệu tiền Đông Dương. Tháng 11/1945 hai bên ngã giá 60 triệu tiền Đông Dương.

Những sự kiện trên cho ta thấy, vì sao cả Pháp và Trung Hoa đều muốn có một Hiệp ước ở Việt Nam. Pháp thực hiện được mục đích cuối cùng là chiếm toàn bộ Việt Nam để thành lập Liên bang Đông Dương. Trung Hoa muốn rút quân đưa lên phía Bắc đánh nhau với Mao Trạch Đông sau

khi đã thu được rất nhiều tiền của Pháp và đã để lại Hà Nội một lực lượng lớn Việt Quốc, Việt Cách do họ dựng nên và lãnh đạo.

Pháp và Trung Hoa đã mặc cả với nhau sau lưng Chính phủ Hồ Chí Minh trong khi cả hai cùng hợp lực, thống nhất dồn Bác Hồ vào đường cùng, “bốn bề thọ địch”. Chúng hy vọng Bác Hồ hết cách chống đỡ.

Hòa ước Trùng Khánh giữa Pháp và Trung Hoa đã được ký kết ngày 28/02/1946 giữa ngoại trưởng Vương Thế Kiệt và Meyrier.

Trong Hòa ước Hoa - Pháp này có điều khoản Trung Hoa sẽ rút hết quân khỏi Việt Nam từ ngày 15/3/1946 đến 31/3/1946 cho quân Pháp thay thế.

Nghĩa là việc Pháp thay thế quân Trung Hoa đã được quyết định. Chính phủ Hồ Chí Minh bị đặt vào hoàn cảnh đã rồi.

Nhưng Chính phủ Trùng Khánh vốn tham lam lại đang trong phe Đồng Minh chiến thắng, họ biết Pháp cần gấp rút vào chiếm miền Bắc Việt Nam trước ngày 02/9/1946 - ngày lá cờ tam tài đế quốc Pháp không còn bay trên Bắc Bộ phủ nên kiếm cớ gây khó khăn cho Pháp. Ngày 01/3/1946, khi Meyrier gặp đại diện Trùng Khánh để triển khai việc đổ bộ lên Hải Phòng ngày 05/3/1946 và Hà Nội ngày 08/3/1946

thì Meyrier được trả lời là Hiệp ước phải được tướng Mỹ MacArthur (Tư lệnh quân Mỹ ở Thái Bình Dương) phê chuẩn. Và với lý do bảo đảm an toàn cho quân đội Trung Hoa khi rút về và quân Pháp đổ bộ trong khi quân đội của Chính phủ Hồ Chí Minh đang chiến đấu rất dũng mãnh nên Pháp phải đạt được sự thỏa thuận với Việt Nam.

Thế là cơ hội ngàn vàng đã đến. Pháp phải liên hệ với Chính phủ Hồ Chí Minh bàn bạc và thỏa thuận và **Hiệp ước sơ bộ 6/3/1946** ra đời như thế đó. Có thể nói, Hiệp ước này là sản phẩm của Trùng Khánh. Họ thu lợi nhiều, phục vụ cho mục đích của họ. Nhưng Bác Hồ với sự tài ba, khéo léo đã giành được thắng lợi to lớn.

III. Ý nghĩa to lớn của Hiệp định sơ bộ 06/3/1946

Hiệp ước sơ bộ 06/3/1946 gồm hai phần: Hiệp định sơ bộ [Convention préliminaire] và Phụ ước [Accord Annexe] về quân sự.

Hiệp định sơ bộ gồm 3 điều:

1. *Chính phủ Pháp nhìn nhận Việt Nam [Dân chủ] Cộng hòa là một quốc gia tự do, có chính phủ, quốc hội, quân đội và tài chính, là một thành viên Liên bang Đông Dương và Liên hiệp Pháp. Về việc thống nhất ba "kỳ", Chính phủ Pháp tự nguyện thừa nhận những quyết định của các sắc dân được tham khảo qua trưng cầu dân ý.*

2. Chính phủ Việt Nam tuyên bố sẵn sàng thân thiện đón tiếp quân đội Pháp khi thay thế quân Trung Hoa trong khuôn khổ các hiệp định quốc tế. Một phụ ước đính kèm Hiệp ước sơ bộ này sẽ quy định phương thức để thực hiện việc thay thế quân.

3. Những điều khoản nêu trên sẽ có hiệu lực tức khắc. Ngay sau khi trao đổi chữ ký mỗi phe giao kết sẽ sử dụng mọi biện pháp cần thiết để ngưng chiến, giữ binh sĩ tại nguyên vị trí và tạo bầu không khí thuận lợi cần thiết để mở ngay những cuộc thảo luận thân hữu và ngay thẳng. Những cuộc thương thuyết này sẽ đặc biệt liên quan đến:

- a. Các vấn đề ngoại giao của Việt Nam với các nước khác,
- b. Quy chế tương lai của Đông Dương,
- c. Quyền lợi kinh tế và văn hóa của Pháp tại Việt Nam.

Hà Nội, Sài Gòn hay Paris có thể được chọn làm nơi mở hội nghị.

Làm tại Hà Nội ngày 06/3/1946.

Ký tên: Hồ Chí Minh và Vũ Hồng Khanh, ký tên: Sainteny.

Trong Phụ ước [Accord Annexe] về quân sự, 10.000 quân Việt Nam và 15.000 quân Pháp sẽ giữ nhiệm vụ “tiếp phòng” [thay thế] 180.000 quân Trung Hoa.

Lực lượng Pháp chia làm 3 loại:

a. Các đơn vị chịu trách nhiệm canh giữ tù binh Nhật: sẽ rút lui sau khi hồi hương tù binh Nhật và sẽ không kéo dài quá 10 tháng.

b. Các đơn vị, phối hợp với lực lượng Việt Nam, để bảo đảm an ninh, trật tự. Sẽ thay thế dần bằng quân Việt mỗi năm một phần năm [1/5] và hoàn tất trong vòng 5 năm.

c. Các đơn vị chịu trách nhiệm bảo vệ căn cứ hải quân và không quân: Sẽ được thảo luận sau.

1. Đây là văn kiện ngoại giao đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký với đại diện Cộng hòa Pháp tại Đông Dương.

2. Hiệp định sơ bộ 06/3/1946 công nhận sự hiện hữu của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trước thế giới (Bác thừa biết có Mỹ đứng đằng sau Pháp và Trung Hoa Dân quốc (Trùng Khánh). Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một "nước tự do" có "Quốc hội, quân đội, tài chính và ngoại giao riêng".

3. Đuổi được 20 vạn quân Trung Hoa ra khỏi đất nước.

4. Giữ được Nam bộ trong Tổ quốc Việt Nam, đánh tan âm mưu của thực dân Pháp thành lập "Nam Kỳ tự trị", trực tiếp đánh bại âm mưu thành lập một "Liên bang Đông Dương thuộc Pháp".

5. Giành được thời gian để tổ chức, củng cố lực lượng chính trị và quân sự để kháng chiến sau khi đã loại bỏ được các lực lượng đối lập và nhất là hiểm họa Trung Hoa.

Tiếp đó, để thực hiện Hiệp ước này, Chính phủ Pháp đã nhiều lần mời Bác Hồ sang Paris. Bác đã nhận lời và lá cờ đỏ sao vàng trên tàu thủy đi từ Hải Phòng sang Paris tung bay đi khắp thế giới, cho thấy có một quốc gia mới ở châu Á đã ra đời, đó là nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong sự ngạc nhiên của nhiều quốc gia. Với vai trò là thượng khách của nước Pháp, trong 4 tháng ở Paris, lá cờ thiêng liêng của Tổ quốc luôn tung bay ở những vị trí trang trọng nhất của nước Pháp⁽¹⁾. Thực tế Pháp là quốc gia đầu tiên trên thế giới công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Hồ Chí Minh (mãi đến năm 1949 Trung Quốc mới công nhận. Năm 1950, sau 5 năm nghi kỵ và gây khó khăn, Liên Xô mới công nhận và đến năm 1956 thì hàng loạt các quốc gia đã công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa).

⁽¹⁾ Sơn Tùng, *Cuộc gặp gỡ định mệnh*, trích *Nhật ký hành trình của Hồ Chí Minh tịch bốn tháng sang Pháp*, Bản cụ Vũ Đình Huỳnh thư ký của Bác ghi lại, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2008, tr.65.

HỒ CHÍ MINH, NGƯỜI ANH HÙNG DÂN TỘC VĨ ĐẠI⁽¹⁾

(Với Cách mạng Tháng Tám năm 1945)

Diều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đọc tại Lễ truy điệu Bác Hồ ngày 09/9/1969 có 4 lần khẳng định Hồ Chủ tịch vĩ đại:

- Dân tộc ta và Đảng ta mất một vị lãnh tụ thiên tài và một người thầy vĩ đại.

- Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại, và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta.

- Hồ Chủ tịch chẳng những là một nhà yêu nước vĩ đại, mà còn là một chiến sĩ xuất sắc trong phong trào cộng sản quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc của thế kỷ XX.

- Hồ Chủ tịch, lãnh tụ vĩ đại, người thầy kính yêu của Đảng ta, của dân tộc ta, đời đời sống mãi⁽²⁾.

Đây là những khẳng định ca ngợi công lao và vị trí của Bác Hồ trong lịch sử dân tộc.

⁽¹⁾ Tham khảo: Lê Đình Cúc, *Hồ Chí Minh, người anh hùng dân tộc vĩ đại*, tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam số 10-2017.

⁽²⁾ *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2006.

Nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước trong suốt thế kỷ XX đến nay đã có nhiều công trình viết về Bác Hồ, trong đó đã đi sâu vào nhiều vấn đề về sự nghiệp, cuộc đời và đạo đức của Bác.

Bài viết này tôi chỉ dừng lại, tìm hiểu vấn đề Hồ Chủ tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại để hiểu thêm sự vĩ đại của Người. Bởi người anh hùng dân tộc vĩ đại là bao gồm tất cả người thầy vĩ đại, người yêu nước vĩ đại và lãnh tụ vĩ đại.

Như vậy tính từ vĩ đại dùng cho Bác không phải là một ngoa ngữ mà phản ánh phẩm chất “có tầm cỡ và giá trị to lớn” và “đáng khâm phục”.

Vì sao Hồ Chí Minh lại là người anh hùng dân tộc vĩ đại?

1. Lịch sử hàng nghìn năm lập quốc và giữ nước của dân tộc Việt Nam đã có biết bao nhiêu anh hùng dân tộc từ Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Nam Đế, Đinh Tiên Hoàng, Lê Hoàn, Lý Thái Tổ, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Quang Trung... nhưng đến Hồ Chí Minh lại là *người anh hùng dân tộc vĩ đại*. Vì sao?

Cuộc đời và sự nghiệp của Bác tất cả dành cho dân tộc Việt Nam từ tuổi thanh niên đến lúc đi vào cõi vĩnh hằng, Bác không có gì là của riêng mình. Cuộc đời đầy gian lao vất vả và hiểm nguy, Bác chấp nhận tất cả tù đày và cái chết vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, độc lập cho tổ

quốc và hạnh phúc cho nhân dân. Với Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Bác đã thực hiện được mục tiêu đó, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày 02/9/1945.

Cho đến thời điểm ấy nước Việt Nam đã trải qua hàng nghìn năm sống dưới chế độ phong kiến. Phong kiến (phong tước và kiến địa): lãnh địa, đất đai cho cha truyền con nối từ thế hệ này sang thế hệ khác. Nhân dân chỉ là thần dân, vua có toàn quyền quyết định, kể cả sinh mạng con người. Phong kiến ra đời từ Ai Cập cổ đại, Babylon, Ba Tư, Hy Lạp trước Công nguyên đến 5 - 6 thế kỷ. Ở phương Đông, từ thời phong kiến huyền thoại là Nghiêu - Thuấn và trong thực tế lịch sử cổ đại Trung Hoa có từ thời Tây Chu. Lịch sử loài người đã phải đấu tranh suốt hàng chục thế kỷ mới rũ bỏ được chế độ phong kiến.

Châu Âu tiên tiến với những tư tưởng và triết học tiên tiến cũng mãi sau thế kỷ XV với các phong trào Phục Hưng và Thế kỷ Ánh sáng mới thoát ra được. Nước Anh với cách mạng tư sản (1642), nước Pháp (1789 - 1799) với các chế độ cộng hòa. Với Napoleon Bonaparte làm đảo chính và lật đổ Đệ nhất Cộng hòa Pháp thì nước Pháp mới chôn vùi được chế độ phong kiến và từ đây là Ba Lan, Hà Lan, Italia... tiếp bước. Muộn mẫn nhất ở châu Âu là nước Nga, chế độ phong kiến cũng đã tan rã vào cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX.

Ở châu Á là Nhật Bản và Trung Quốc, chế độ phong kiến cũng đã tan rã từ đầu thế kỷ XX. Cách mạng Tân Hợi và Tôn Trung Sơn đã làm triều đình phong kiến nhà Mãn Thanh rung chuyển và sụp đổ. Chỉ có ở Việt Nam, chế độ phong kiến của nhà Nguyễn với sự bảo hộ của chế độ thực dân Pháp là tồn tại, đè nặng lên vai, lên cổ người dân Việt Nam.

Cơ cực hơn là đến tận năm 1945, người dân Việt Nam còn chịu thêm ách đô hộ của thực dân Pháp và phát xít Nhật thống trị bóc lột tận xương tủy và đàn áp đến cùng cực.

Chỉ có đến tháng 8/1945 cuộc cách mạng do Hồ Chí Minh tổ chức, lãnh đạo bùng nổ mới lật nhào được chế độ phong kiến đã tồn tại hàng nghìn năm trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Cách mạng Tháng Tám đã lật đổ triều đình phong kiến nhà Nguyễn, đập tan chế độ thuộc địa, chấm dứt gần 100 năm đô hộ của thực dân Pháp và ách xâm lược của phát xít Nhật.

Cách mạng Tháng Tám thành công, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, một nhà nước kiểu mới của nhân loại. Đây là một chế độ chính trị của một quốc gia hoàn toàn khác với chế độ phong kiến của triều đình nhà Nguyễn, thay thế bằng chế độ cộng hòa. Chế độ cộng hòa là thể thức mà ở đó nhiều người cùng tham gia điều hành Nhà nước, Nhà nước có bộ máy phân quyền ở ba nhánh quyền lực: Lập pháp, hành pháp và tư pháp hoàn toàn khác với Nhà nước

phong kiến chuyên chế và độc tài. Dân chủ là thể thức mà ở đó người dân là công dân có khả năng và điều kiện tham gia chính sách của quốc gia, tham gia thành lập bộ máy nhà nước.

Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Hồ Chí Minh khai sinh đáp ứng tất cả những nguyên tắc đó. Đó là một Nhà nước phản ánh khát vọng nghìn đời của con người trong tiến trình phát triển của nó; là nhà nước dân chủ do người dân làm chủ, quản lý và điều hành; là nhà nước của dân, do dân, vì dân.

Phải hiểu như thế về Cách mạng Tháng Tám năm 1945 mới thấy tầm vóc và lịch sử của nó, mới thấy vai trò và vị trí của Hồ Chí Minh trong lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới, mới thấy sự vĩ đại của Người.

Để tiến tới Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Bác Hồ không có gì cả. Bác Hồ chỉ có tay không và duy nhất là lòng yêu nước của dân tộc Việt Nam đã bị thực dân Pháp và vua quan nhà Nguyễn làm cho thui chột, đàn áp dã man trong suốt một thế kỷ.

Ở đây không nói đến sự tài tình của Bác trong việc chớp thời cơ cho Cách mạng Tháng Tám mà chiến tranh thế giới thứ hai đã tạo điều kiện cho Đông Dương có khoảng trống quyền lực: thực dân Pháp đầu hàng phát xít Nhật; lực lượng quân Đồng Minh tiêu diệt phát xít Nhật; triều đình

nhà Nguyễn thối nát và phản động đến cùng cực, không còn sức mạnh để chống lại nhân dân. Thời cơ đó được Bác Hồ lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam (dù mới 15 tuổi Đảng) cùng nhân dân cả nước Tổng khởi nghĩa và giành thắng lợi. Đặc biệt là cuộc cách mạng nổ ra không đổ máu. Khác với cách mạng Pháp, cách mạng Anh, cách mạng Nga và cách mạng Trung Quốc... tất cả đều xảy ra trong bạo loạn và đổ máu không ít. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 không xảy ra bắt bớ, trả thù, tất cả thành phố, làng mạc, các công trình văn hóa, tôn giáo đều được bảo vệ nguyên vẹn. Những người theo chế độ cũ được bảo vệ tính mạng và tài sản. Nhiều người được mời tham gia chính quyền mới dù họ ở phía đối lập như Bảo Đại, Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Tường Tam... và đông đảo trí thức, quan lại của triều đình Bảo Đại đi theo cách mạng và được trọng dụng: Nguyễn Khắc Hòe, Phan Kế Toại...

Thậm chí cả vương triều nhà Nguyễn đều được bảo vệ chu đáo: Kinh thành Huế, lăng tẩm của Hoàng Tộc cũng như cung điện, nhà cửa, dinh thự quan lại khắp cả nước được Cách mạng bảo vệ, giữ gìn. Chỉ trong khoảng thời gian 2 tuần lễ chính quyền cách mạng được thành lập trên toàn lãnh thổ Việt Nam⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Chỉ còn một vài địa phương giành được chính quyền muộn như Hà Tiên ngày 28/8/1945, Hà Giang ngày 29/8/1945, Lạng Sơn quân Tưởng Giới Thạch chiếm giữ đến tháng 10/1945, Hải Ninh, Móng Cái và Đà Lạt đến ngày 3/10/1945 quân Nhật mới hoàn toàn hạ vũ khí.

Hồ Chí Minh, Đảng ta và Nhân dân ta đã làm được sự kiện đó mà trên thế giới chưa ai làm. Hồ Chí Minh vĩ đại là vì vậy.

2. Với lịch sử mấy nghìn năm xây dựng và giữ gìn độc lập của Tổ quốc, đến Hồ Chí Minh cũng là trường hợp đặc biệt.

Nhà nước Việt Nam tập quyền và hoàn chỉnh từ thời nhà Lý (1009 - 1225), với quốc hiệu Đại Cồ Việt và đến năm 1054 đổi thành Đại Việt kéo dài 216 năm. Nhà Lý không những đã tổ chức được một nhà nước vững chắc, có một quân đội vững mạnh đủ để Lý Thường Kiệt đánh tan quân xâm lược nhà Tống vào năm 1077 dưới sự chỉ huy của “Quách Quỳ và Triệu Tiết dẫn 30 vạn quân tiến vào xâm lược nước ta”⁽¹⁾.

Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nhà Tống toàn thắng với Tuyên ngôn độc lập lần thứ nhất của dân tộc ta:

Nam Quốc sơn hà Nam đế cư

Tiết nhiên định phận tại thiên thư

Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm

Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

Người anh hùng Lý Thường Kiệt chiến đấu và chiến thắng nhờ có một triều đình vững chắc tiến bộ, một nhà

⁽¹⁾ *Giáo trình Lịch sử Quân sự*, tập 2, NXB Quân đội Nhân dân, 1997, tr.54.

vua anh minh là Lý Nhân Tông (1072 - 1127), một quân đội vững mạnh có từ trước đó, thời vua Lý Thánh Tông (1054 - 1072) “Việc binh chính thì ngài định quân hiệu và chia ra làm tả hữu tiền hậu 4 bộ, hợp lại là 100 đội, mỗi đội có lính kỵ và lính bắn đá. Còn những phiên binh thì lập ra thành đội riêng, không cho lẫn với nhau. Binh pháp nhà Lý bây giờ có tiếng là giỏi. Nhà Tống bên Tàu đã phải bắt chước”⁽¹⁾.

Xung quanh Lý Thường Kiệt là những nhân tài như Nguyễn Phi Ý Lan, Lê Phụng Hiểu, Tô Hiến Thành, Lê Văn Thịnh (Trạng nguyên đầu tiên của nước ta (1075)), Lý Đạo Thành... cùng góp công sức và trí tuệ cho chiến thắng của ông và vương triều nhà Lý.

Thời nhà Trần phải ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông, một đế quốc lẫy lừng đã xâm lược nhiều quốc gia Á - Âu, chỉ phải dùng vó ngựa trước dân tộc Việt Nam, với tài năng xuất chúng và khí phách của người anh hùng dân tộc Trần Hưng Đạo.

Nhà Trần là triều đại phong kiến đạt đến độ hoàn chỉnh và thịnh trị trong lịch sử Việt Nam với 175 năm trị vì (1225 - 1400) với quốc hiệu Đại Việt, đã có một quân đội “Từ khi Thái Tông lên ngôi vua thì việc binh lính một ngày một chỉnh đốn thêm. Bao nhiêu những người dân tráng trong

⁽¹⁾ Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2002, tr.107.

nước đều phải đi lính cả. Các thân vương ai cũng có quyền mộ tập quân lính. Vì có ấy cho nên đến sau người Mông Cổ sang đánh, nước Nam ta có hơn 20 vạn quân để chống với quân nghịch⁽¹⁾.

Đến triều đại nhà Hậu Lê, hiện diện trong lịch sử là anh hùng dân tộc Lê Lợi và Nguyễn Trãi. Để có triều đại nhà Lê rạng rỡ, Lê Lợi cũng đã phải tổ chức khởi nghĩa chống lại quân Minh từ đầu, bởi trước đó khi Hồ Quý Ly giành vương triều từ nhà Trần thì đã bị quân Minh đưa quân sang xâm lược và chiếm đóng nước ta. Dù hết sức tàn bạo và dã man nhưng quân xâm lược nhà Minh chỉ có 14 năm (1414 - 1427) tổ chức chính quyền và thống trị đất nước ta. Với thời gian chưa dài, chúng chưa kịp dập tắt ý chí và tinh thần yêu nước của người dân Việt Nam. Cuộc kháng chiến chống quân Minh của Lê Lợi và Nguyễn Trãi bắt đầu từ việc tổ chức khởi nghĩa vũ trang và phát triển thành chiến tranh giải phóng từ năm 1418 - 1427.

Với trường hợp của anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ, trước khi quân xâm lược nhà Thanh kéo sang, ông cũng đã có một vương triều, một đất nước thống nhất lãnh thổ, có quân đội hùng mạnh đã từng đánh tan quân đội của vua Lê, chúa Trịnh ở miền Bắc, chúa Nguyễn và quân Xiêm ở miền Nam. Nguyễn Huệ đánh bại quân xâm lược nhà Thanh đông

⁽¹⁾ Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2002, tr.130.

tới 29 vạn binh lính chỉ trong vòng 2 tuần lễ. Chỉ việc trên đường hành quân từ Huế ra Bắc để chiến đấu với chống quân nhà Thanh, Nguyễn Huệ “ra đến Nghệ An nghỉ lại 10 ngày để kén lấy thêm binh, cả thầy được 10 vạn quân và hơn 100 con voi”⁽¹⁾.

Nhưng Bác Hồ, Đảng ta và Nhân dân ta với Cách mạng Tháng Tám năm 1945 không có chính quyền, không có quân đội chính quy, không có vũ khí... Chưa nói, bi đát hơn nữa, sau gần 100 năm đô hộ của thực dân Pháp, nước Việt Nam đã bị chia cắt thành 3 kỳ nằm trong Liên bang Đông Dương gồm cả Lào và Miên. Với 5 khu vực hành chính khác nhau vừa chế độ thuộc địa và phong kiến thuộc địa, Việt Nam không còn là một nhà nước, chính quyền thống nhất như các triều đại Lý, Trần, Lê trước đó. Lịch sử 100 năm chia cắt đất nước của Trịnh - Nguyễn đã góp phần cho đất nước phân ly. Triều đình nhà Nguyễn có nhiều ông vua, ông quan yêu nước nhưng cũng có nhiều ông vua, ông quan hèn hạ, phản nước hại dân. Không chỉ có quân xâm lược Pháp đàn áp các cuộc kháng chiến và khởi nghĩa của nhân dân ta như khởi nghĩa Hương Khê (Phan Đình Phùng), Yên Thế (Hoàng Hoa Thám), Xô Viết Nghệ Tĩnh, khởi nghĩa Nam Kỳ có mặt cả quân đội triều đình. Nghĩa là triều đình nhà Nguyễn lúc này đã coi nhân dân là kẻ thù.

⁽¹⁾ Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2002, tr.397.

Để có thể giành thắng lợi cho cách mạng, Bác Hồ và Đảng ta đã phát huy lòng yêu nước của Nhân dân, đồng thời Bác tổ chức lực lượng vũ trang tuyên truyền giải phóng quân.

Lực lượng vũ trang quân đội của Bác Hồ để làm Cách mạng Tháng Tám năm 1945 bắt đầu chỉ với 34 người lính (trong đó có 3 phụ nữ) không được trang bị vũ khí đầy đủ do Bác thành lập mới từ ngày 22/12/1944 (với tên gọi là *Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân*, dựa trên cơ sở của các đội du kích đã được Bác tổ chức trước đó).

Đối diện với Bác là đế quốc Pháp hùng mạnh, giàu có tiền bạc và vũ khí, đứng hàng đầu trong những đế quốc lúc bấy giờ.

Đối diện với Bác là chính phủ Nam triều đã ngự trị hàng trăm năm cùng với chế độ phong kiến ngự trị gần 2.000 năm, với một nhà nước, một hệ thống quan lại từ trung ương xuống tận làng xã và quân đội Nam triều sẵn sàng đàn áp cách mạng để bảo vệ ngai vàng.

Đối diện với Bác là phát xít Nhật, đã từng làm mưa làm gió trên thế giới. Quân Đồng Minh Anh, Pháp, Liên Xô, Trung Quốc và Mỹ đã từng bị quân đội Nhật đánh cho sứt đầu mẻ trán nhất là ở vùng Đông Nam Á, Viễn Đông và trận chiến Trân Châu Cảng làm cho nước Mỹ kinh hoàng. Nhật thua là thua quân đội Đồng Minh đã đánh tan

quân phát xít Đức, Ý ở châu Âu và Nhật ở châu Á. Ngay lúc này đội quân thiện chiến của Nhật ở Đông Dương còn đầy đủ trang bị vũ khí hiện đại, máy bay, xe tăng, đại bác và đang giam cầm quân Pháp trong các trại binh lính. Nếu để họ động binh, nổ súng thì dễ gì Tổng khởi nghĩa tháng Tám đã có thể giành thắng lợi.

Đối diện với Bác là 20 vạn quân Tưởng Giới Thạch với danh nghĩa vào Việt Nam giải giáp quân Nhật nhưng với âm mưu xâm lược và chiếm đóng Việt Nam. Cùng với chúng, ở miền Nam là quân đội Anh từ Ấn Độ tràn sang.

Đối diện với Bác là không ít những bọng tay sai của các lực lượng ngoại quốc, theo gót bọn xâm lược tràn vào phá hoại.

Bác Hồ cùng Đảng ta lãnh đạo nhân dân đã chiến thắng tất cả bọn xâm lược Pháp, Nhật, Tàu Tưởng, triều đình nhà Nguyễn và bè lũ tay sai Việt Quốc, Việt Cách... bằng trí tuệ uyên thâm, sắc bén bản lĩnh chính trị vững vàng cũng như nắm vững thời cơ chính trị quốc tế của mình, với sức mạnh của lòng yêu nước của nhân dân ta.

Năm 1967 một nhà văn Mỹ viết cuốn sách "*Bên lề huyền thoại, từ Viniut đến Hà Nội*" (Beyond the Borders of Myth: From Vinius to Ha Noi) có một so sánh thú vị. Lúc này ông Mao Trạch Đông đang là "lãnh tụ" của thế giới thứ ba được nhiều người ca ngợi là "người cầm lái vĩ đại".

Philip Bonosky viết rằng “Người ta vẫn so sánh ông Mao Trạch Đông và ông Hồ Chí Minh rằng ai vĩ đại hơn nhưng nói cho cùng thì Mao Trạch Đông cũng chỉ đánh bại người Trung Quốc (chỉ quân Tưởng Giới Thạch vào năm 1949) trong khi đó ông Hồ Chí Minh đã đánh bại những đội quân xâm lược sừng sỏ là Pháp, Nhật, Tàu và (bây giờ 1967) đang đánh bại quân Mỹ”⁽¹⁾.

Như vậy Bác Hồ thật xứng đáng với lời xưng tụng của Đảng Lao động Việt Nam và nhân dân Việt Nam.

Bác Hồ không chỉ là người anh hùng dân tộc mà là “Người anh hùng dân tộc vĩ đại” là vì vậy.

⁽¹⁾ Philip Bonosky (07/3/1916-02/3/2013) nhà văn, nhà báo Mỹ, đã gặp và phỏng vấn Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1960 tại Hà Nội.

HÒA GIẢI - MỘT CỐT CÁCH VĂN HÓA CỦA BÁC HỒ⁽¹⁾

Bác Hồ là người am hiểu sâu sắc văn hóa và lịch sử dân tộc. Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Bác, qua các bài nói, bài viết Bác đã thể hiện tầm hiểu biết ấy với tư cách một nhà báo, nhà văn, nhà thơ. Với tư cách của một nhà lãnh đạo, của một chính khách, trong nhiều trường hợp Bác đã vận dụng những tri thức văn hóa và lịch sử hết sức sáng tạo.

Sinh ra ở một vùng đất địa linh nhân kiệt, lớn lên trong cái nôi của văn hóa Lam Hồng thấm đẫm văn hóa dân gian, của tục ngữ, thành ngữ và dân ca ví dặm mà đặc biệt là hát Phò ải (Phò nón, Phò đàn, Phò chài...). Bác lớn lên trong lời ru của bà, của mẹ, lại được sự rèn cặp của cha là một nho sinh - Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc nên tâm hồn Bác từ buổi ấu thơ đã thuộc nằm lòng những câu ca dao:

- Nhiều điều phủ lấy giá gương

Người trong một nước phải thương nhau cùng.

⁽¹⁾ Tham khảo: Lê Đình Cúc, *Hòa giải - một cốt cách văn hóa Hồ Chí Minh*, báo Văn hóa Nghệ An, số 5/2016.

- *Khôn ngoan đôi đáp người ngoài*

Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau.

- *Bầu ơi thương lấy bí cùng*

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.

Và những câu tục ngữ:

- *Đánh kẻ chạy đi, không ai đánh người chạy lại.*

- *Quay lại là bờ.*

Những tri thức, giá trị văn hóa này thấm đẫm trong từng trang viết, trong cách ứng xử của Người với nhân dân, với bạn bè, đồng chí và cả với những người ở phía đối địch. Cốt cách văn hóa của một nhà văn hóa trong tư tưởng hòa giải là một nét rất điển hình của Bác.

Bác đã nghiên cứu và suy nghĩ rất kỹ, rất sâu khi lấy *Tuyên ngôn Độc Lập* của nước Mỹ và *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Cách mạng Pháp để đưa vào trong phần mở đầu (và quan trọng nhất) của bản *Tuyên ngôn Độc lập* đọc ở Quảng trường Ba Đình ngày 02/9/1945 khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (Liên Xô ra đời năm 1917 nhưng Bác đã không trích dẫn). Nhưng ở buổi lễ ấy, khi Bác đọc Tuyên ngôn đã hỏi lại: “Tôi nói đồng bào nghe rõ không?”. Bác là người Nghệ, giọng nói hơi nặng, sợ mọi người nghe không rõ nên Bác hỏi. Câu hỏi này rõ ràng là bộc phát, không chuẩn bị sẵn. Ngoài sự quan tâm

đến người nghe là xuất phát từ tâm thức, từ tận đáy lòng của Bác, ấy là tình cảm ruột thịt gắn kết giữa người hỏi và người nghe. “Đồng bào” - đồng (cùng) và bào (ruột). Bác đọc *Tuyên ngôn độc lập* hôm đó có hàng triệu người nghe. Trực tiếp ở Quảng trường Ba Đình có hàng nghìn người, qua đài phát thanh truyền đi cả nước và khắp cả thế giới; trong đó có cả những người chống lại cách mạng, phản động, tay sai của thực dân Pháp, phát xít Nhật và binh lính, quan lại phong kiến Nam Triều và nhiều người của các đảng phái phản động. Với Bác, tất cả là “đồng bào”, cùng khúc ruột (bào) sinh ra (người cùng một giống nòi, một dân tộc, một tổ quốc, có quan hệ thân thiết như ruột thịt với nhau)⁽¹⁾.

Bác không hỏi “Tôi nói nhân dân nghe rõ không?” hoặc “Quý vị nghe rõ không?”. Ấy là từ trong máu, trong tim mình Bác coi tất cả mọi người (kể cả những người ở phía bên kia) đều là máu mủ ruột rà. Không chỉ với câu hỏi thân tình, làm xúc động hàng triệu người đủ mọi tầng lớp xã hội, mà cả trang phục của Bác ở ngày lễ trọng đại ấy cũng thể hiện sự hòa đồng, hòa giải: “Trong khi hầu hết các cộng sự của ông trên khán đài đều mặc đồ vét Tây và thắt cà vạt, nhưng ông Hồ cố ý chọn mặc bộ đồ kaki phai màu với cổ cao và mang đôi dép cao su trắng - những biểu tượng của ông trong vai trò người đứng đầu Nhà nước trong 24 năm tiếp theo... Có lẽ ông Hồ xem nó là một giải pháp thỏa hiệp

⁽¹⁾ *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1986.

thích hợp giữa bộ đồ Tây với bộ áo dài đen, khăn đóng của giới nho sĩ Việt Nam, vốn được xem là quá truyền thống trong những trường hợp thế này và hình như ông Hồ chưa bao giờ mặc chúng kể từ năm 1911"⁽¹⁾.

Không chỉ là sách lược mà còn là tư tưởng hòa giải của Bác ngay từ ngày đầu của chính quyền cách mạng. Điều đó thể hiện nhất quán trong hành động và ứng xử của Bác. Ngay khi Cách mạng thành công, giành chính quyền về tay nhân dân, chấm dứt gần 100 năm đô hộ của thực dân Pháp và hàng nghìn năm chế độ phong kiến ở nước ta. Không như Cách mạng Pháp (1799) xử tử nhà vua, Cách mạng Tháng Mười Nga (1917) người ta treo cổ Nga Hoàng và Hoàng tử cùng Hoàng hậu và tất cả gia đình (1918).

Thế kỷ XX từ những Nicolae Ceauxescu (Bí thư Đảng Cộng sản, Chủ tịch nước Rumani) đến Saddam Hussein, Gaddafi... đã bị xử tử khi cách mạng nổ ra. Không trả thù, không truy cứu trách nhiệm của những người ở phía đối địch, trước Bác đã có Abraham Lincoln (Tổng thống thứ 16 của nước Mỹ trong nội chiến Nam - Bắc 1861 - 1865), sau này là Nelson Mandela.

Cách mạng Tháng Tám đã không xảy ra đổ máu, không có bắn giết, tàn phá của những người chiến thắng. Kết thúc

⁽¹⁾ David Marr, *Ho Chi Minh's Independence Declaration, Essays into Vietnamese Past* (New York: Cornell University Southeast Asia Program, 1995), Bản dịch của Huy Đoàn.

kháng chiến chống Pháp và kháng chiến chống Mỹ, quân đội nhân dân Việt Nam sau khi tiếp quản Hà Nội, Sài Gòn và các thành phố khác đã không có “tắm máu” như người ta lo sợ.

Riêng về lịch sử, Người không chỉ nắm vững lịch sử nước nhà, lịch sử dân tộc mà đặc biệt là chú ý đến việc phổ cập bộ môn này trong nhân dân với mục đích khơi dậy lòng tự hào và tinh thần yêu nước của mọi người nhằm đấu tranh giành độc lập dân tộc, bảo vệ và xây dựng Tổ quốc.

Không kể đến các sáng tác văn học, những bài viết về các nhân vật lịch sử dân tộc hay kịch *Con rồng tre* đến những tác phẩm nghị luận như *Bản án chế độ thực dân Pháp* thấm đẫm sử liệu. Chỉ tính trong năm 1942, sau 30 năm bôn ba khắp thế giới tìm đường cứu nước mới trở về, dù trăm nghìn công việc đang chờ đợi, Bác đã viết luôn hai tác phẩm gắn với lịch sử *Nên học sử ta* (ngày 01/02/1942) và đặc biệt là *Lịch sử nước ta* (tháng 02/1942). Tri thức, bài học, kinh nghiệm lịch sử dân tộc về hòa giải đã được Bác tích lũy và vận dụng, trở thành một cốt cách văn hóa của Bác, đó là bản lĩnh tinh thần và trí tuệ Việt Nam. Bác đã biết dùng sức mạnh của dân tộc để làm nên Cách mạng Tháng Tám và tiến hành hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn. Nhưng Người cũng biết dùng hòa giải và yêu thương để giành thắng lợi.

Cũng như Vua Trần Nhân Tông, sau chiến thắng giặc Nguyên đã chủ trương hòa hợp trong hoàng tộc, trong quốc gia để tạo nên sức mạnh, bảo vệ đất nước. Bắt đầu là đốt toàn bộ những sổ sách ghi chép bằng chứng những người đã từng có liên hệ với giặc, kể cả thư từ quan hệ có bằng chứng phản bội của một số quan lại và thân vương. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư* của Ngô Sĩ Liên có đoạn: “Trước kia người Nguyên vào cướp, vương hầu, quan lại nhiều người đến doanh trại giặc xin hàng. Đến khi giặc thua, bắt được cả một hòm biểu xin hàng. Thượng Hoàng sai đốt hết đi để yên lòng những kẻ phản trắc”.

Vua Trần Nhân Tông đã hòa giải để đoàn kết dân tộc, để tập hợp tất cả mọi người vào sự nghiệp chung đó là xây dựng và bảo vệ đất nước. Với tinh thần đó, ngay khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Bác đã mời vua Bảo Đại và linh mục Lê Hữu Từ làm cố vấn tối cao. Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1945 - 1954) lãnh đạo cuộc kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp đến ngày toàn thắng có 18 Bộ trưởng thì có đến 9 vị không phải đảng viên Đảng Cộng sản (Huỳnh Thúc Kháng, Phan Kế Toại, Hoàng Minh Giám, Tạ Quang Bửu, Phan Anh, Vũ Đình Hòe, Nguyễn Văn Huyền, Nguyễn Văn Tố, Đặng Văn Hương) trong đó có nhiều vị quan lại cao cấp của chính quyền cũ.

Cốt cách văn hóa của Bác đã mời gọi hàng loạt trí thức Việt Nam đang ở Pháp, nơi thanh bình hoa lệ đã về nước tham gia kháng chiến. Bắt đầu là bốn vị trí thức tiêu biểu theo Bác về nước khi Bác sang Pháp và ký Hiệp định sơ bộ 6/3/1946: Trần Hữu Tước, Phạm Quang Lễ (Trần Đại Nghĩa), Võ Quý Huân, Võ Đình Huỳnh. Những năm sau đó là Trần Đức Thảo, Hoàng Xuân Nhị, Lương Định Của... đã tạo nên đội ngũ trí thức cách mạng, là cơ sở cho sự nghiệp chung chống Mỹ cứu nước và xây dựng đất nước ngày nay.

Lịch sử dân tộc đã thấm đẫm trong tâm hồn và trí tuệ của Bác. Hòa giải - căn cốt văn hóa Hồ Chí Minh trong ứng xử với kẻ địch bắt nguồn từ lịch sử. Cương quyết với kẻ địch nhưng cũng đối xử rất văn hóa và nhân đạo với họ.

Sau mấy năm bị Tàu Tưởng bắt, giam cầm qua 30 nhà tù ở Trung Quốc, Bác thoát khỏi tù đày, trở về nước tiếp tục lãnh đạo cách mạng, chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền (1944). Thời gian đó Đảng ta đã tổ chức được nhiều khu vực giải phóng ở Cao Bằng, Lạng Sơn. Trong khi thành lập các khu cơ sở kháng Nhật, đã có nhiều kẻ chống đối, gây tội ác với nhân dân, bị bắt giữ. Bác về, có cán bộ địa phương hỏi ý kiến Bác để xử lý: "Thưa cụ, ở địa phương đây... quần chúng đang đòi hỏi phải xử trí một vài người trước đây làm tay sai cho Pháp - Nhật, làm hại đồng bào. Cháu chưa biết giải quyết thế nào cho tốt cả".

Bác trả lời ngay cho đồng chí cán bộ, nói to, ý muốn mọi người cùng nghe:

“Đoàn thể lãnh đạo nhân dân làm cách mạng là nhằm giải phóng dân tộc, giành độc lập cho Tổ quốc, mang tự do hạnh phúc cho mọi người. Trong quá trình đấu tranh, tránh sao khỏi một số người lầm đường lạc lối hoặc cố ý hoặc vô tình mà làm tay sai cho giặc. Địa phương này đã được giải phóng, các chú có nhiều việc phải làm... không nên chỉ chú trọng việc trừng trị nhiều quá”⁽¹⁾.

Chính Bác đã thả tự do cho ông Ngô Đình Diệm khi bị bắt giữ ở Thái Nguyên sau Cách mạng Tháng Tám và Bác đã phê bình những người viết báo gọi ông Diệm là “thằng” và nói “ông Diệm có cách yêu nước của ông ấy”. Ngoài ra hàng binh, tù binh Pháp cũng được đối xử tử tế: Ăn uống, thuốc men cho họ trong lúc kháng chiến, nhân dân và bộ đội ta đang thiếu thốn trăm bề. Bác quý trọng nhân dân Pháp, nhân dân Mỹ mặc dù quân đội Pháp và Mỹ đang tàn phá, bắn giết nhân dân ta. Có thể mới có những Raymonde Dien, Norman Morrison sẵn sàng hy sinh để ủng hộ nhân dân Việt Nam, mới được nhân dân Pháp, nhân dân Mỹ trói tay bọn xâm lược và cả thế giới ủng hộ Việt Nam kháng chiến.

Theo *Đại Việt sử ký toàn thư* có đoạn: “Hung Trí Vương không được thăng trật vì đã có chiếu cho người Nguyên về

⁽¹⁾ Thượng tướng Phùng Thế Tài, *Bác Hồ những kỷ niệm không quên*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, tr.92-93, 2002.

nước, các tướng không được cản trở, mà lại còn đón đánh chúng". Hưng Trí Vương Trần Quốc Hiện trên đà chiến thắng vẫn đánh quân Nguyên - Mông khi họ đã thua chạy mặc dù đã có lệnh của vua Trần Nhân Tông không được cản trở chúng nên đã bị phạt.

Và Đại Cáo Bình Ngô của Nguyễn Trãi cũng đề cao tinh thần hòa giải, xóa bỏ hận thù khi cho biết:

*"Tướng giặc bị cầm tù, như hổ đói vẫy đuôi xin cứu mạng
Thần Vũ chẳng giết hại, thể lòng trời ta mở đường hiếu sinh
Mã Kỳ, Phương Chính, cấp cho năm trăm chiếc thuyền
Ra đến biển mà vẫn hồn bay phách lạc
Vương Thông, Mã Anh, phát cho vài nghìn cỗ ngựa
Về đến nước mà vẫn tim đập chân run."*

Với tinh thần đó, trong cuộc chiến tranh tàn khốc, ác liệt với bao tang tóc đau thương do Mỹ gây ra cho Việt Nam nhưng đã nhiều lần, trong các bài nói, bài viết và thư gửi các Tổng thống Mỹ, bao giờ Bác cũng đề nghị khả năng "trái thảm cho quân Mỹ rút" khỏi Việt Nam. Thư chúc Tết cuối cùng của Bác, xuân 1968 Bác viết: "Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào".

Mỹ đưa quân vào gây chiến tranh thì Mỹ phải "cút" chứ Bác không chủ trương giết sạch quân lính Mỹ. Bác cũng từng kêu gọi "Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta thì

ta còn phải tiếp tục chiến đấu, *quét sạch nó đi*" chứ không phải là "giết sạch nó đi".

Trước đó trong cuộc chiến tranh phá hoại của không quân Mỹ, có lần phi công Mỹ bị bắt làm tù binh đã bị người ta cho mặc quần áo tù và dong đi trên đường phố Hà Nội. Bác đang đi chữa bệnh ở nước ngoài, biết chuyện đã phê bình người chủ trương ấy và cấm không cho tái diễn.

Khi Bác đã qua đời thì tinh thần hòa giải và tư tưởng xóa bỏ hận thù vẫn được Đảng và Nhà nước ta thực hiện. Khi Thủ tướng Võ Văn Kiệt xúc động rằng: "Ngày chiến thắng, có hàng triệu người vui, mà cũng có hàng triệu người buồn" chính là tinh thần ấy. Cũng như cuộc chiến tranh biên giới phía Bắc năm 1979, tàn phá 6 tỉnh biên giới, tàn sát hàng vạn đồng bào ta gây bao tang tóc đau thương. Chỉ mới với lực lượng quân sự địa phương quân và dân ta đã đánh bại hàng chục vạn lính Trung Quốc. Khi quân chính quy của ta được điều từ phía Nam ra, quân xâm lược Trung Quốc trước nguy cơ bị tiêu diệt nhiều hơn nữa đã tuyên bố rút quân. Chính phủ ta đã cho rút mà không bao vây, truy kích tiêu diệt chúng.

Đó là hòa giải, là tư tưởng của cốt cách văn hóa Hồ Chí Minh. Chỉ có xóa bỏ hận thù mới là nền móng vững chắc cho một nền hòa bình bền vững để bảo vệ và phát triển đất nước.

Hòa giải dân tộc, hòa giải quốc tế, ngay cả với kẻ thù mới có “Sen tàn cúc lại nở hoa”, “Trời còn để có hôm nay/Tan sương đầu ngõ vén mây giữa trời” như các Tổng thống Mỹ đã đến Việt Nam, mượn *Truyện Kiều* của thi hào Nguyễn Du để nói về quan hệ của hai nước vốn là kẻ thù của nhau trong lịch sử. Họ làm được thế bởi họ cũng rất hiểu hòa giải - một cốt cách văn hóa của Hồ Chí Minh là tinh hoa văn hóa Việt Nam.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÔNG TÁC CÁN BỘ TRONG TÁC PHẨM *SỬA ĐỔI LỖI LÀM VIỆC*⁽¹⁾

Chủ tịch Hồ Chí Minh, người anh hùng dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới đã để lại cho chúng ta một kho tàng văn hóa giàu có, trong đó có tư tưởng và đạo đức cách mạng mà lịch sử cổ kim đông tây hiếm có. Sinh thời, khi có ý kiến nêu lên vấn đề của thời đại là: “Triết học Mác - Lê-nin, tư tưởng Mao Trạch Đông, đạo đức Hồ Chí Minh”. Bác cười, khiêm tốn nói rằng: “Thôi thế là đủ rồi, không cần xếp Bác vào đó nữa”. Bác không bao giờ nhận mình là nhà tư tưởng, lý luận. Và thực tế Bác không viết “thiên kinh vạn quyển” như nhiều người khác, dù trước tác của Bác không ít. Từ năm 1919 - năm Bác viết “*Tâm địa thực dân*”, “*Vấn đề dân bản xứ*” đến bản *Di chúc* công bố năm 1969, từ bút danh Nguyễn Ái Quốc đến Hồ Chí Minh và có thêm hàng chục bút danh khác. Tác phẩm “*Sửa đổi lỗi làm việc*” được Chủ tịch Hồ Chí Minh viết năm 1947, hai năm sau khi

⁽¹⁾ Tham khảo: Lê Đình Cúc, *Tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác cán bộ trong tác phẩm Sửa đổi lỗi làm việc*, tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 1/2011.

Việt Nam giành được độc lập, có giá trị đặc biệt cả về lý luận và thực tiễn. Lúc bấy giờ đất nước ta vẫn tồn tại hai loại chính quyền, chính quyền do thực dân Pháp dựng lên và chính quyền cách mạng. Nhưng Bác biết rằng chính quyền cách mạng sẽ nắm được quyền lãnh đạo và để nắm được quyền quản lý đất nước thì chính quyền cách mạng phải có các phẩm chất tốt. *Sửa đổi lỗi làm việc* (1947) đó là sửa đổi tinh thần cơ bản của những người nhận trách nhiệm hướng dẫn và lãnh đạo một dân tộc nhằm mục tiêu giải phóng Tổ quốc, giải phóng nhân dân. Tác phẩm của Bác đã quán triệt tinh thần đó, với lối viết cô đọng, sáng rõ và cụ thể, *Sửa đổi lỗi làm việc* trước hết thể hiện tư tưởng và tình cảm là *tất cả vì nhân dân*.

Cả cuộc đời mình, Hồ Chí Minh kể từ khi bước chân ra đi tìm đường cứu nước tới khi viết những dòng di chúc cuối cùng, tất cả đều toát lên một tư tưởng vĩ đại: vì nhân dân. Nhân dân trong tâm hồn Bác như một nỗi thương cảm, nỗi day dứt, như mục tiêu sống của mình. Nhân dân Việt Nam có lịch sử lâu dài nghìn năm trong đó có thời gian dài với thân phận nô lệ. Cuộc cách mạng mà Bác tạo ra chính là vì nhân dân. Có thể khẳng định rằng, mục tiêu số một, mục tiêu tổng thể của Bác là giải phóng và giúp đỡ nhân dân.

Toàn bộ tiến trình hoạt động chính trị của Bác là để giải phóng nhân dân, như sau này Bác nói: “Tôi chỉ có một

sự ham muốn, ham muốn tốt bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành"... Toàn bộ tác phẩm *Sửa đổi lỗi làm việc* thể hiện nỗi khát vọng chính trị, nỗi khát vọng văn hóa lớn nhất của Hồ Chí Minh là bảo vệ nhân dân. Nếu nhìn từ góc độ này thì chúng ta sẽ thấy Bác đau đáu về độc lập dân tộc, bởi đó chính là điều kiện để giải phóng nhân dân. Qua tác phẩm này chúng ta hiểu được một điều sâu sắc rằng, Bác quan tâm đến nhân dân với tất cả tấm lòng và tình cảm của Người.

Cũng xuất phát từ tình cảm đó mà trong *Sửa đổi lỗi làm việc* Bác đặt vấn đề cho những người phục vụ nhân dân, "người lãnh đạo, người đầy tớ thật trung thành của nhân dân" phải có phẩm chất và đạo đức. Bác biết họ sẽ làm chủ được đất nước, sẽ thắng giặc ngoại xâm và xây dựng "Nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh" (*Di chúc*). Nhưng sau khi thắng được giặc ngoại xâm rồi thì trong tâm hồn đồng chí của mình, nhân dân là gì? Chính vì nỗi lo lắng ấy nên Bác đã đặt ra vấn đề rèn luyện đạo đức đối với các đồng chí của mình. Bằng tác phẩm này, Bác trang bị cho các đồng chí của mình các công cụ và tiêu chuẩn đạo đức nhằm hai mục đích rất rõ ràng: thứ nhất, thu hút sự ủng hộ của nhân dân để tiến hành một cách thuận lợi cuộc kháng chiến; thứ hai, để những người đồng chí ấy với những thói hư, tật xấu nhiệm phải không trở thành nguy cơ của nhân dân khi họ cầm quyền.

Bác quan niệm: Cán bộ cách mạng là những người đem chính sách của Đảng, của Chính phủ, giải thích cho dân chúng hiểu rõ và thi hành. Đồng thời báo cáo tình hình của dân cho Chính phủ rõ, để đặt chính sách cho đúng. Từ định hướng đó, Người khẳng định, cán bộ là cái “gốc” của mọi công việc. Công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay xấu.

Trong tác phẩm, Người phê bình những khuyết điểm, yếu kém trong công tác cán bộ, đồng thời đề ra những quan điểm và giải pháp về vấn đề cán bộ, trong đó việc đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trở thành những người có văn hóa, có tri thức và nghiệp vụ. Điều đó được thể hiện qua:

Về việc đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ

Cán bộ là cái “gốc” của mọi công việc, do đó, huấn luyện cán bộ là công việc “gốc” của Đảng. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ huấn luyện nghề nghiệp cho cán bộ là khâu đầu tiên. Vì, dù cán bộ làm nghề nào, ngành nào cũng phải học cho thành thạo công việc ở ngành, nghề ấy. Đồng thời, phải nghiên cứu những chính sách, chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Chính phủ; học tập những kinh nghiệm thành công và thất bại; học tập lịch sử truyền thống cách mạng và sự phát triển trong từng thời kỳ... Theo đó, việc huấn luyện phải sắp xếp cách dạy và học, kiểm tra kết quả, sao cho cán bộ dần dần đi đến thành thạo công việc; huấn luyện chính trị, môn nào cũng phải có; cần coi trọng nâng cao kiến thức văn hóa.

Về bồi dưỡng và sử dụng cán bộ

Đảng luôn coi cán bộ như người làm vườn vun trồng những cây cối quý báu; trọng nhân tài, trọng cán bộ, trọng mỗi người có ích cho công việc chung.

Theo tư tưởng của Người, Đảng phải biết rõ cán bộ, xem xét lại nhân tài và tìm nhân tài mới. Phải cất nhắc cán bộ cho đúng; cán bộ phải được tập thể tin cậy, bố trí đúng ngành, nghề đào tạo, huấn luyện. Một trong những vấn đề Bác đặc biệt quan tâm, đó là đặt đúng người vào đúng công việc thích hợp: Phải khéo dùng cán bộ. Phải biết tùy tài mà dùng người. Phải phân phối cán bộ cho đúng. Phải dùng người đúng chỗ, đúng việc. “Dụng nhân như dụng mộc” - không chỉ là lý luận mà là qua thực tế cách mạng. Ngay từ khi mới giành được chính quyền năm 1945, Bác đã thành lập một Chính phủ Liên hiệp, đoàn kết, mở rộng, tập hợp xung quanh Bác những nhân sĩ, trí thức và cả quan lại của chế độ cũ. Giành chính quyền, xóa bỏ chế độ phong kiến và ngai vàng của vua chúa, nhưng Bảo Đại được Bác mời làm Cố vấn Chính phủ mới, không bị treo cổ như Cách mạng Pháp, Cách mạng Nga. 12 vị quan chức của chính phủ thân Nhật - Trần Trọng Kim thì 10 vị được tham gia chính phủ Cụ Hồ, như: Hoàng Xuân Hãn, Trần Đình Nam, Phan Anh... Có đến 70 ghế nghị sĩ thuộc lực lượng chống đối được quyền đặc cách, không qua bầu cử Quốc hội. Những người không

phải đảng viên Đảng Cộng sản như bác sĩ Trần Duy Hưng, bà Thục Viên, các ông Vũ Đình Hòe, Phan Kế Toại, Phạm Khắc Hòe, Đỗ Đức Dục... đều có những đóng góp lớn cho cách mạng ở vị trí công tác của mình.

Thậm chí, khi Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh là những kẻ phản động được mời tham gia Chính phủ, có người thắc mắc, Bác nhẹ nhàng giải thích: “Các chú bảo phân có thối không?”, “Thưa Bác, thối ạ”, “Phân bón lúa có tốt không?”, “Tốt ạ”, “Vậy thì thối nhưng có ích, thì ta vẫn bón chứ”. Nghĩa là Bác đã sử dụng từng đối tượng trong từng hoàn cảnh cụ thể để phục vụ cho lợi ích cách mạng. Đó là sự thể hiện tinh túy và cốt lõi của *Sửa đổi lỗi làm việc* và Bác thể hiện để bồi dưỡng và giáo dục cán bộ cách mạng.

Khi đã đặt cán bộ thích hợp với công việc, cần tiếp tục giúp họ có điều kiện hoàn thành công việc một cách có hiệu quả: Luôn luôn dùng lòng thân ái mà giúp đỡ, lãnh đạo cán bộ; giúp họ sửa chữa những chỗ sai lầm; khen ngợi họ lúc họ làm được việc và phải luôn kiểm soát cán bộ, giữ gìn cán bộ.

Người nhấn mạnh, đối với công tác cán bộ của Đảng ta, việc xây dựng quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, cất nhắc và kiểm tra cán bộ là một quy trình liên hoàn và liên tục, yêu cầu thực hiện nghiêm túc, triệt để. Cán bộ được đề bạt là dựa vào cả quá trình tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu. Sau

khi nhận chức trách, lại tiếp tục được tổ chức quan tâm theo dõi, giúp đỡ, kiểm tra. Có như vậy, công tác cán bộ của Đảng mới đem lại hiệu quả thiết thực cho sự nghiệp cách mạng.

Xây dựng cơ chế làm việc cho cán bộ

Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ ra có năm cách. *Cách thứ nhất* là chỉ đạo - tạo điều kiện cho họ làm, thử cho họ phụ trách, dù sai lầm chút ít cũng không sợ. Nhưng phải luôn luôn tùy hoàn cảnh mà hướng dẫn cho họ phương hướng công tác, cách thức công tác để phát triển năng lực và sáng kiến. *Cách thứ hai* là luôn bồi dưỡng cán bộ, nâng cao tư tưởng, trình độ lý luận và cách làm việc cho họ. Việc đào tạo và sử dụng hợp lý đối với cán bộ có khéo, có đúng thì mới thực hiện được nguyên tắc vấn đề cán bộ quyết định mọi công việc. *Cách thứ ba* là thường xuyên kiểm tra để giúp họ rút kinh nghiệm, sửa chữa khuyết điểm, phát triển ưu điểm. *Cách thứ tư* là khi họ sai lầm thì dùng cách thuyết phục giúp họ sửa chữa, cải tạo. *Cách thứ năm* là giúp đỡ họ điều kiện sinh sống đầy đủ mà làm việc. Tùy hoàn cảnh mà giúp họ khi ốm đau, khi gia đình họ gặp khó khăn. Những điều đó quan hệ rất lớn tới tinh thần của cán bộ và sự thân ái đoàn kết trong Đảng. Nghĩa là phải quan tâm đầy đủ cả vật chất lẫn tinh thần của người cán bộ để họ có đủ điều kiện cần và đủ để hoạt động, để phục vụ cách mạng.

Về chính sách cán bộ

Bác chỉ ra cần phải hiểu biết cán bộ. Vấn đề nhận xét và đánh giá cán bộ là vấn đề không đơn giản. Biết người cố nhiên là khó, tự biết mình cũng không dễ. Nếu không biết sự phải, trái ở mình, thì chắc không thể nhận rõ người cán bộ tốt hay xấu. Người còn chỉ rõ, các chứng bệnh của cán bộ ta như: tự cao tự đại; ưa người ta nịnh mình; do lòng yêu, ghét của mình mà đối với người. Không thể đem một cái khuôn khổ nhất định, chật hẹp mà lắp vào tất cả mọi người khác nhau. Phạm một trong ba bệnh đó “cũng như mắt đã mang kính có màu, không bao giờ thấu rõ cái mặt thật của những cái mình trông”. Vì vậy, nhận xét cán bộ không nên chỉ xét ngoài mặt, chỉ xét một lúc, một việc, mà phải xét kỹ cả toàn công việc của cán bộ. Do đó, nhận xét, đánh giá cán bộ phải xuất phát từ hiện thực khách quan, với quan điểm toàn diện, lịch sử cụ thể. Qua đó mới biết chỗ tốt và chỗ xấu của cán bộ, từ đó mà nâng cao chỗ tốt, sửa chữa chỗ xấu, trong đó Bác coi trọng nghệ thuật sử dụng cán bộ mà Bác gọi là:

Khéo dùng cán bộ: Mục đích cốt để thực hành đầy đủ chính sách của Đảng và Chính phủ. Đồng thời chống những chứng bệnh như: ham dùng người bà con, anh em quen biết, bầu bạn, cho họ là chắc chắn hơn người ngoài; ham dùng những kẻ nịnh hót mình, mà chán ghét những người chính trực... Vì những việc đó, kết quả là dù họ có

làm bậy, mình cũng cứ bao dung, che chở, bảo hộ khiến cho họ ngày càng hư hỏng. Đối với những người chính trực thì “bói lông tìm vết” để trả thù. Như thế, cố nhiên hỏng cả việc của Đảng, hỏng cả danh giá của người lãnh đạo.

Phải có gan cất nhắc cán bộ: Phải vì công tác, tài năng, vì cố động cho đồng chí khác thêm hăng hái. Như thế, công việc nhất định chạy. Nếu vì lòng yêu ghét, vì thân thích, vì nể nang, nhất định không ai phục, mà gây nên mối lôi thôi trong Đảng. Như thế là có tội với Đảng, có tội với đồng bào. Trước khi cất nhắc cán bộ, phải nhận xét rõ ràng, phải căn cứ vào kết quả công việc họ làm, cách nói, cách viết và cách sinh hoạt...

Thương yêu cán bộ là luôn luôn chú ý đến công tác của họ, kiểm thảo họ: Hễ thấy khuyết điểm thì giúp họ sửa ngay, để vun trồng cái thói có gan phụ trách, cả gan làm việc của họ. Đồng thời phải nêu rõ những ưu điểm, những thành công của họ. Làm thế không phải là làm cho họ kiêu căng, mà cốt làm cho họ thêm hăng hái, thêm gắng sức. Phải vun đắp chí khí của họ.

Phê bình cán bộ: Đối với cán bộ sai lầm, chúng ta không sợ có sai lầm và khuyết điểm, chỉ sợ không chịu cố gắng sửa chữa sai lầm và khuyết điểm. Và nếu sợ thì những người lãnh đạo sẽ không biết tìm đúng cách để giúp cán bộ sửa chữa sai lầm và khuyết điểm. Sự sửa chữa khuyết điểm, một phần là trách nhiệm của cán bộ đó, nhưng cũng một

phần trách nhiệm của người lãnh đạo. Sửa chữa sai lầm cần dùng cách thuyết phục, giải thích, cảm hóa, dạy bảo. Song không phải tuyệt nhiên không dùng xử phạt. Nếu không xử phạt thì sẽ mất cả kỷ luật, thì sẽ mở đường cho bọn cố ý phá hoại (thực tế chính quyền cách mạng đã xử tử Cục trưởng Cục Quân nhu Trần Dụ Châu vì tội tham ô, ăn cắp... ngay những năm đầu kháng chiến chống Pháp). Vì vậy, phê bình cho đúng, chẳng những không làm giảm uy tín của cán bộ, của Đảng, mà còn làm cho sự lãnh đạo mạnh mẽ hơn, thiết thực hơn, do đó mà uy tín và thể diện càng tăng thêm.

Sửa đổi lỗi làm việc của Bác Hồ ra đời đến nay đã hơn 70 năm nhưng qua thực tiễn của cách mạng Việt Nam, qua kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp và 21 năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ đã giành được thắng lợi hoàn toàn, cũng như qua công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đã khẳng định những đóng góp to lớn của đội ngũ những người lãnh đạo các cấp chính quyền của Đảng và Nhà nước đã được Bác Hồ rèn luyện và giáo dục theo phương pháp *Sửa đổi lỗi làm việc*. Đặc biệt, trong giai đoạn đổi mới của đất nước hiện nay cũng như trước yêu cầu hội nhập quốc tế, việc nghiên cứu, tuyên truyền, học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong tác phẩm *Sửa đổi lỗi làm việc* càng có ý nghĩa to lớn và quan trọng không chỉ đối với mỗi cán bộ, đảng viên mà còn cho tất cả chúng ta.

MUỐN HIỂU THÊM MỘT CÂU THƠ CỦA BÁC HỒ: “BÀN ĐÁ CHÔNG CHÊNH DỊCH SỬ ĐẢNG”⁽¹⁾

Tức cảnh Pác Bó là một bài thơ của Bác Hồ được viết tháng 02/1941, được tái bản nhiều lần trong các tuyển tập khác nhau và được dạy trong chương trình học phổ thông. Là một bài thơ rất hay, được nhiều người yêu thích. Riêng tôi cứ băn khoăn mãi một vấn đề và rất muốn hiểu thêm bài thơ này của Bác.

Tức cảnh Pác Bó

Sáng ra bờ suối, tối vào hang

Cháo bẹ, rau măng vẫn sẵn sàng

Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng⁽²⁾

Cuộc đời cách mạng thật là sang.

⁽¹⁾ Tham khảo: Lê Đình Cúc, *Muốn hiểu thêm một câu thơ của Bác Hồ*, báo Văn nghệ Thái Nguyên, ngày 03/11/2015.

⁽²⁾ Cuốn *Lịch sử Đảng Cộng sản (Bonsevich) Liên Xô* bằng tiếng Trung Quốc được Bác rút gọn, phóng tác (adapt) và tóm tắt. Có lẽ hợp lý hơn, vì “làm tài liệu học tập cho cán bộ” trong hoàn cảnh khó khăn lúc bấy giờ không ai lại bê cả cuốn *Lịch sử Đảng Cộng sản Liên Xô*, mà *tài liệu học tập* thì phải ngắn gọn, cô đọng... là hợp với tác phong của Bác.

Đây là bản rút từ *Hồ Chí Minh toàn tập* (1919 - 1945), NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2002, T.1, tr. 584. Câu thơ thứ 3: “Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng” được chú thích như sau: “Hồi ở Pác Bó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dịch cuốn *Lịch sử Đảng Cộng sản (b) Liên Xô* ra tiếng Việt làm tài liệu học tập cho cán bộ cách mạng”. Nhiều nguồn tư liệu khác, trong đó có Wikipedia viết rằng: “Tháng 01/1941, sau 30 năm bôn ba và hoạt động ở nước ngoài, Bác trở về Tổ quốc. Người qua biên giới Việt - Trung ở cột mốc số 108 thuộc xã Trường Hà, huyện Hà Giang, tỉnh Cao Bằng... Nơi đây Bác trực tiếp chỉ đạo công tác xây dựng các đoàn thể cứu quốc ở Cao Bằng, mở các lớp huấn luyện cán bộ, lược dịch cuốn *Lịch sử Đảng Cộng sản (bonsevich) Liên Xô*, chuẩn bị cho Hội nghị Trung ương lần thứ VIII”.

Vậy thì Bác đã dịch hay lược dịch cuốn *Lịch sử Đảng Cộng sản (b) Liên Xô*? Bởi dịch và lược dịch rất khác nhau.

Dịch (translate - traduce): Làm cho một nội dung diễn đạt bằng ngôn ngữ hoặc nói chung, hệ thống tín hiệu này được diễn đạt bằng ngôn ngữ hoặc hệ thống tín hiệu khác. Lược dịch (translate party) là dịch những ý chính, bỏ qua các chi tiết.

Và nếu là cuốn *Lịch sử Đảng Cộng sản (b) Liên Xô* được Bác dịch thì nay ở đâu? Vì trong Wikipedia chỉ viết là “*Tình ủy bí mật*” - Tác giả Aleksey Phedorov - Dịch Nguyễn Du Kịch

- Viết lời giới thiệu Hồ Chí Minh. Ta cũng đã biết, Nguyễn Du Kịch là bút danh của Bác. Như vậy có thể khẳng định đến nay ta biết tác phẩm dịch của Bác chỉ là *Tĩnh ủy bí mật*. Có thể là Bác lược dịch hay tóm tắt, phóng tác một cuốn Lịch sử nào đó về Đảng Cộng sản (b) Liên Xô. Trong *Tổng tập Hồi ký* của Đại tướng Võ Nguyên Giáp có viết: “Trước lúc lên đường... trong túi ngoài những tài liệu của lớp huấn luyện tại biên giới lúc này đã được in thành tập với tên *Con đường giải phóng* còn có tập *Lịch sử Đảng Cộng sản Liên Xô* do Bác dịch và đánh máy cho mỗi chúng tôi một bản, để làm tài liệu huấn luyện các đảng viên. Như vậy là có, nhưng là bản “Bác dịch và đánh máy” chứ không phải là sách.

Nhưng quan trọng hơn là “Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng” nên hiểu như thế nào? Ngoài sự kiện Bác dịch *Lịch sử Đảng Cộng sản Liên Xô* còn có một nghĩa khác.

Bác là người am hiểu sâu sắc văn hóa phương Đông, nhất là văn hóa Việt Nam. Trong trước tác của Người, trong văn, thơ và cả nghị luận chính trị, báo chí, Bác đã sử dụng kho tàng tục ngữ, thành ngữ, ca dao, dân ca, *Truyện Kiều* hết sức nhuần nhuyễn. Câu thành ngữ “Vững như bàn thạch” ai cũng biết, không lẽ Bác không biết mà lại viết “Bàn đá chông chênh”? Thực tế ở Pác Bó có cháo bẹ, rau măng, có suối Lê-nin, núi Các Mác và các tảng đá, khối đá chứ không có cái bàn đá nào cả để cho Bác đặt cái không có (bàn đá) bên cạnh

những thực thể có thật. Mà giả dụ bàn đá ở đây cũng là vật cụ thể như cháo bẹ, rau măng, thì cũng chẳng ai đại gì ngồi cạnh, nó rơi thì có mà đè chết người và có khó gì nếu phải ngồi viết (dịch sách) thì chỉ cần kê thêm mấy mẫu đá, viên sỏi là hết “chông chênh”.

Như vậy “bàn đá” Bác dùng ở đây phải là một biểu tượng, nếu có một bàn đá cụ thể thì ý nghĩa biểu tượng của bàn đá trong câu thơ vẫn lớn hơn và “bàn đá chông chênh” càng làm cho người đọc suy ngẫm.

Nhiều nhà nghiên cứu văn thơ của Bác đã rút ra kinh nghiệm, “đọc Bác hiểu qua văn bản, nhưng quan trọng hơn là hiểu ý Bác sau câu chữ, giữa khoảng lặng của từ ngữ, giữa các dòng chữ Bác viết càng quan trọng hơn, bởi sự kết hợp giữa lý và tình tạo nên minh triết Hồ Chí Minh”⁽¹⁾.

“Dịch sử Đảng” - sử Đảng ở đây là sử Đảng nào? Trước cảnh nước mất, nhà tan, nhân dân bị nô lệ dưới ách thống trị tàn bạo của thực dân Pháp và triều đình nhà Nguyễn gần 100 năm, Bác Hồ đã ra đi tìm đường cứu nước từ năm 1911, khi mới 21 tuổi. Những năm hoạt động cách mạng gian khổ và nguy hiểm ở nhiều nước Pháp, Mỹ, Anh, Nga, Thái Lan... cuối những năm 1920 Người về Trung Quốc để “vừa nghiên cứu làm việc để sống, ông Nguyễn vẫn ra sức làm việc cho Tổ quốc mình. Người bắt đầu tổ chức đồng bào Việt kiều ở Trung Quốc. Tổ chức này gọi là “Hội Việt Nam Thanh niên

⁽¹⁾ Hoàng Chí Bảo, *Minh triết Hồ Chí Minh*, tạp chí *Văn hóa học*, số 1, 2012.

Cách mạng đồng chí". Để tuyên truyền, ông xuất bản một tờ tuần báo: "Thanh niên"⁽¹⁾.

Chính "Hội Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí" do Bác tổ chức là nòng cốt của Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời tại Hương Cảng, Trung Quốc. Năm 1927, Bác viết *Đường Kách Mệnh* làm tài liệu huấn luyện cho nhiều thanh niên ưu tú từ trong nước sang đây và tác phẩm này là cơ sở để Bác viết "Chánh cương vắn tắt của Đảng", "Sách lược vắn tắt của Đảng", "Chương trình tóm tắt của Đảng" và "Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam". Bác đã trình bày những tài liệu quan trọng này trong Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 03/02/1930 do Bác tổ chức, triệu tập và chủ tọa. Lúc đó Người lấy tên là Nguyễn Ái Quốc.

"Chánh cương vắn tắt của Đảng" nêu lên nhiều vấn đề về các phương diện xã hội và cả các phương diện chính trị cũng như kinh tế. Trong đó toát lên vấn đề độc lập dân tộc: "Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa và bọn phong kiến", trong đó có: "Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập", "Thâu tóm ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công chia cho dân cày nghèo", "Bỏ sưu thuế cho dân cày nghèo"⁽²⁾ là nội dung chủ yếu và quan trọng nhất.

⁽¹⁾ Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, NXB Văn hóa Thông tin, 2001, tr.129.

⁽²⁾ *Chánh cương vắn tắt của Đảng*, Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 1, Sđd, tr.465.

Để thực hiện được vấn đề độc lập dân tộc và hạnh phúc nhân dân, trong “Sách lược vắn tắt của Đảng” Bác đã viết về lực lượng tổ chức và tham gia cách mạng là quần chúng nhân dân đủ mọi thành phần, giai cấp, mọi tầng lớp. Điều 4: “Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh niên, Tân Việt... để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp. Còn với bọn phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập”⁽¹⁾.

“Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam” ghi rõ:
1. Tên: Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trong “Chương trình tóm tắt của Đảng” cũng ghi rõ mục 2: Đảng tập hợp đa số quần chúng nông dân, chuẩn bị cách mạng thổ địa và lật đổ bọn địa chủ và phong kiến. Mục 4 ghi: Đảng lôi kéo tiểu tư sản, trí thức và trung nông về phía giai cấp vô sản; Đảng tập hợp hoặc lôi kéo phú nông, tư sản và tư bản bậc trung, đánh đổ các đảng phản cách mạng như Đảng Lập hiến...⁽²⁾.

Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam 3/2/1930 “có tầm quan trọng ngang một Đại hội, vì nó đề ra đường lối, chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam và những nguyên tắc cơ bản về xây dựng Đảng”⁽³⁾.

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh, Sđd, tr. 647.

⁽²⁾ Hồ Chí Minh, Sđd, tr. 469.

⁽³⁾ Ban nghiên cứu lịch sử Đảng, *Chủ tịch Hồ Chí Minh tiểu sử và sự nghiệp*, NXB Sự thật, tr. 38, 39, 40.

Các văn kiện trên đây đã được Hội nghị thành lập Đảng thông qua.

Như trên chúng ta biết, không hề có bàn đá nào ở Pác Bó. Chông chênh: không vững chãi vì không có chỗ dựa chắc chắn⁽¹⁾. Vậy thì cái gì chông chênh ở đây?

Nửa năm sau, tháng 10/1930, Trần Phú (một trong 14 thanh niên yêu nước được cụ Phan Bội Châu chuyển giao cho Nguyễn Ái Quốc huấn luyện và học tập *Đường Kách Mệnh*)⁽²⁾ từ Liên Xô trở về đã triệu tập Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng và xóa bỏ hoàn toàn các văn kiện vừa được thông qua trên đây. Quyết định quan trọng nhất là: “a) Thủ tiêu chánh cương, sách lược và điều lệ của Đảng”; “b) Bỏ tên Đảng Cộng sản Việt Nam” mà “đổi tên là Đảng Cộng sản Đông Dương”. Hội nghị Trung ương do Trần Phú triệu tập cũng quy kết Hội nghị thành lập Đảng 03/02/1930 do Bác Hồ tổ chức là “sai lầm về chính trị... sai

⁽¹⁾ *Từ điển tiếng Việt*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1988.

⁽²⁾ Trong quá trình học tập, Bác và các đồng chí lãnh đạo chọn 5 người để kết nạp vào “Thanh niên cộng sản đoàn” gồm cả đồng chí Trần Phú, Nguyễn Văn Lợi, Nguyễn Ngọc Ba, Phan Trọng Bình và tôi (tức Phan Trọng Quảng).

Lớp học kết thúc thì tất cả anh em học viên đều được kết nạp vào “Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội”. Lễ kết nạp được tổ chức trước mộ Phạm Hồng Thái” (Hoàng Thanh Đạm. *Nguyễn Ái Quốc trên đường về nước*, Nxb Lý luận Chính trị, 2005, tr 218, tr 152).

lầm về sách lược... sai lầm về điều lệ và tên Đảng... quên mất lợi ích đấu tranh giai cấp"⁽¹⁾.

Trần Phú đã nghiêm khắc phê phán Nguyễn Ái Quốc "chỉ lo đến việc phản đế mà quên mất lợi ích giai cấp đấu tranh, ấy là một sự rất nguy hiểm". Trong thư gửi Quốc tế Cộng sản ngày 17/4/1931, Trần Phú còn phê phán nội dung Hội nghị hợp nhất "mang nặng dấu ấn các tổ chức cách mạng cũ, các vấn đề cơ bản đều mâu thuẫn với đường lối Quốc tế Cộng sản"⁽²⁾. Thậm chí Hà Huy Tập còn gay gắt lên án: "... Song các đồng chí chúng ta trong lúc này không được quên những tàn dư dân tộc chủ nghĩa của Nguyễn Ái Quốc, các chỉ thị sai lầm của ông về những vấn đề cơ bản của phong trào cách mạng... khuyến dụ một sách lược cải lương và hợp tác sai lầm: trung lập hóa tư sản và phú nông, liên minh với trung và tiểu địa chủ"⁽³⁾. Và khẩu hiệu "trí phú địa hào, đào tận gốc trốc tận rễ" đã ra đời trong Phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh (1930 - 1931).

Cùng với việc xóa bỏ các văn kiện trên đây của Đảng do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo, Hội nghị Trung ương (chỉ có Trung ương, không có đại biểu tham dự) tháng 10/1930 xóa bỏ "Ban Chấp hành Trung ương lâm thời do Trịnh Đình

⁽¹⁾ Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng, *Văn kiện Đảng 1930 - 1940*, 1977. tr 84, 85 và 87 (theo Đào Phan, *Tạp chí Xưa và Nay*, số 327- 329, tháng 4/2009).

⁽²⁾ *Văn kiện Đảng*, tập II, tr.110-112.

⁽³⁾ *Văn kiện Đảng*, tập V, tr.204.

Cửu làm Bí thư⁽¹⁾ và Trần Phú giữ chức Tổng bí thư” cũng đồng thời thông qua “Luận cương chính trị” do Trần Phú vạch ra. Bản Luận cương này cơ bản đã thay đổi những nội dung chính mà Nguyễn Ái Quốc và Hội nghị thành lập Đảng 3/2/1930 đã thông qua. Nội dung và tính chất, mục đích sách lược hành động của Đảng. Tên Đảng phải thay. Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp được đưa lên vị trí hàng đầu... “Trí thức, tiểu tư sản, học sinh là hạng có xu hướng quốc gia chủ nghĩa, chúng nó đại biểu cho quyền lợi cho tất cả giai cấp tư bản bốn xứ chứ không phải chỉ bên vực quyền lợi riêng cho tiểu tư sản mà thôi”. *Luận cương* của Trần Phú còn lên án từ “bọn Huỳnh Thúc Kháng” cho đến “bọn Nguyễn An Ninh”⁽²⁾.

Dù Bác đã cố gắng uốn nắn nhưng khởi nghĩa Nam Kỳ, khởi nghĩa Bắc Sơn, phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo vẫn nổ ra và đã thất bại. Phong trào cách mạng Việt Nam chịu những tổn thất ghê gớm.

Rõ ràng *Sử Đảng* đã đi chệch hướng từ Hội nghị Trung ương tháng 10/1930.

⁽¹⁾ Hoàng Thanh Đạm, *Nguyễn Ái Quốc trên đường về nước*, NXB Lý luận Chính trị, 2005, tr 218, tr 152.

⁽²⁾ Mai Văn Bộ, *Con đường vạn dặm của Hồ Chí Minh (Chương XXIX, Về sự thành lập Đảng Công sản Đông Dương)*, NXB Trẻ, 2007, tr.217.

Cũng từ đó, suốt 10 năm trời (1930 - 1940) và những năm tiếp theo Bác Hồ vẫn kiên trì, bền bỉ lãnh đạo, uốn nắn, khắc phục hậu quả Hội nghị Trung ương tháng 10/1930. Bác lặn lội từ Liên Xô, Trung Quốc, Thái Lan... rồi Bác bị mật thám Anh bắt ở Hồng Kông, nhờ luật sư Loseby mà thoát được ngục tù và án tử hình của thực dân Pháp để rồi “Ba mươi năm ấy chân không nghỉ/Mà mãi bây giờ mới tới nơi” (Theo chân Bác, Tố Hữu). Bác đã về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam, một trong những việc làm quan trọng nhất của Bác là thành lập Mặt trận Việt Minh (Việt Nam độc lập đồng minh Hội). Tổ chức có nguồn gốc từ cụ Hồ Học Lãm, một nhà yêu nước không phải là cộng sản, hoạt động trong Quốc dân Đảng của Tưởng Giới Thạch. Hội tập hợp mọi thành phần, tầng lớp, giai cấp, mọi người Việt Nam để chuẩn bị giành độc lập tự do cho dân tộc, đúng với cội nguồn “Phản đế đồng minh” mà Bác đã nêu lên trong Hội nghị và tinh thần căn bản của các Văn kiện mà Bác đã viết và thông qua ngày thành lập Đảng 3/2/1930.

Từ năm 1941 đến năm 1945, Cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Bác đã khẩn trương chuẩn bị về mọi mặt để rồi chớp thời cơ, cả nước khởi nghĩa. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Sau đó là cuộc kháng chiến trường kỳ bảo vệ độc lập dân tộc. Năm 1945 Đảng Cộng sản Đông Dương tự giải tán. Năm 1951 Đại hội Đảng lấy lại

tên “Đảng Lao động Việt Nam” mà không còn Đảng Cộng sản Đông Dương nữa. Bác nói “Đảng là Đảng Việt Nam”, “Đảng của nhân dân Việt Nam”.

Vậy câu thơ “Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng” cũng có thể được hiểu như tôi đã trình bày ở trên. Lịch sử Đảng ta đã được Bác *dịch* thành công. Dịch tức là chuyển dịch, xê dịch (remove): thay đổi hoặc làm thay đổi vị trí trong khoảng cách ngắn⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Từ điển tiếng Việt, Sách đã dẫn

VỀ BÀI THƠ NGẮM TRĂNG CỦA BÁC TRONG NHẬT KÝ TRONG TÙ⁽¹⁾

*N*hật ký trong tù là một tập thơ xuất sắc của Hồ Chí Minh, xét dưới tất cả các góc độ tư tưởng, mỹ học và nghệ thuật.

Đã có nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước nghiên cứu, giới thiệu, phê bình tập thơ với nhiều công trình đạt đến độ sâu sắc... làm nổi bật những giá trị to lớn của tập thơ.

Cũng như nhiều công trình nghiên cứu về Bác Hồ, những nghiên cứu về *Nhật ký trong tù* vẫn còn một vấn đề mà ít người đề cập đến. Đó là tình cảm riêng tư của Bác - tình cảm tất nhiên, phải có của con người, của tất cả chúng ta trong cuộc sống, trong cuộc đời.

Bác Hồ là một người vĩ đại, lỗi lạc, thông minh, uyên bác... điều ấy ai cũng biết, cũng thừa nhận, kể cả những

⁽¹⁾ Tham khảo: Lê Đình Cúc, *Về bài thơ Ngắm trăng của Bác trong Nhật ký trong tù*, báo Văn nghệ Thái Nguyên, ngày 20/8/2014.

người không cùng lý tưởng với Bác đều kính nể. Nhưng không biết từ đâu, từ bao giờ người ta đã không chú ý đến mảng đời tư của Bác, người ta biến Bác thành thần thánh, né tránh vấn đề tự nhiên là tình cảm riêng tư, tình yêu riêng tư của Bác. Sau này với *Búp sen xanh* của Sơn Tùng hay một vài hồi ký, truyện kể, kỷ niệm của một vài người đã hé lộ rằng Bác cũng có thể có tình yêu nam nữ như chúng ta. Và điều đó thật đáng quý, bởi Bác Hồ của chúng ta cũng là con người và nếu có thì vẫn không giảm đi sự vĩ đại của Bác trong sự nghiệp cao cả của Người dành cho đất nước, dân tộc Việt Nam và với văn hóa nhân loại.

Ngay trong *Nhật ký trong tù* ta cũng thấy Bác có nhiều bài thơ dành cho *Người bạn tù thối sáo*, *Vợ người bạn tù đến nhà lao thăm chồng*, *Nửa đêm nghe tiếng khóc chồng*, *Cháu bé trong ngục Tân Dương* nói về tình cảm riêng tư của con người, vậy chẳng lẽ Bác không có chút tình cảm riêng tư nào là của mình hay sao - vấn đề này ít người nói đến.

Đọc 135 bài thơ trong *Nhật ký trong tù* (viết từ ngày 29/8/1942 đến 10/9/1943)⁽¹⁾ của Bác, tôi cảm thấy bài thơ số 21: *Vọng nguyệt (Ngắm trăng)* có cái gì đó:

Ngục trung vô tửu diệc vô hoa

Đôi thử lương tiêu nạn nhược hà? (Cuôi câu có dấu "?")

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh, *Nhật ký trong tù*, Bản dịch của Viện Văn học, NXB Văn học, 2004.

Nhân hướng song tiên khán minh nguyệt,

Nguyệt tòng song khích khán thi gia.

Bản dịch của cụ Nam Trân hay, sát lời nhưng theo tôi không sát ý.

Trong tù không rượu cũng không hoa,

Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ;

Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,

Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.

Trong tù thì không có mọi thứ, kể cả những thứ thiết yếu của cuộc sống như nước uống, cơm ăn, thuốc chữa ghẻ, áo quần... chứ đâu có phải chỉ không có rượu và hoa:

"... Bốn tháng cơm không no,

Bốn tháng đêm thiếu ngủ,

Bốn tháng áo không thay,

Bốn tháng không giặt giũ..."

Bốn tháng rồi - Dịch: Nam Trân

"Mỗi người được chia nửa chậu nước.

Rửa mặt đun trà tự ý ta;

Ai muốn đun trà đừng rửa mặt,

Ai cần rửa mặt chớ đun trà."

Chia nước - Dịch: Nam Trân, Trần Đắc Thọ

Sao mà Bác lại chỉ nói điều “không rượu cũng không hoa”? Bác là người am hiểu văn hóa phương Đông, văn hóa Trung Quốc và thơ Đường. *Nhật ký trong tù* được Bác viết bằng tiếng Hán chứng tỏ Người giỏi Hán ngữ đến mức nào. Bác hiểu biết sâu sắc niêm luật và ngôn ngữ thơ, nhất là các cặp phạm trù mỹ học: Cầm - kỳ, thi - họa, tửu - sắc, phong - hoa, tuyết - nguyệt... Nhưng tại sao câu thơ trên đây Bác lại để rượu (tửu) đi với hoa? Hoa thì phải đi với phong (gió), cũng như cầm (đàn) đi với kỳ (cờ); thi (thơ) đi với họa, sao hoa lại đi với tửu được, mà đã đi với tửu thì phải là sắc chứ. Hơn nữa bài thơ cho biết, trong tù hôm ấy là một đêm trăng. “Nhân hương song tiền khán minh nguyệt/ Nguyệt tòng song...” nhưng trăng cũng không phải đi với hoa. Trăng phải đi với tuyết chứ. Chẳng ai ngắm hoa dưới bóng trăng cả. Có là ngắm hoa quỳnh là loài hoa nở về đêm thì cũng phải có đèn, có nến mới ngắm được. Một nhà thơ uyên bác như Bác của *Nhật ký trong tù* không thể phạm lỗi sơ đẳng như vậy.

Lịch sử văn học Việt Nam từ trước đến nay chưa có một tác phẩm nào lại sử dụng từ *hoa* nhiều như *Truyện Kiều*. Nguyễn Du đã sử dụng đến 107 lần từ *hoa*, trong đó có 80 lần (chiếm gần 80%) “để tỳ dụ người đẹp, tình yêu”⁽¹⁾ trong đó có những câu:

⁽¹⁾ Tham khảo: Lê Đình Cúc, *Nghệ thuật tập Kiều và lấy Kiều của Bác Hồ*, tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 8/2016.

(160) Gặp tuần đố lá thỏa lòng tìm hoa

(226) Màu hoa lê hã y dâm dề giọt mưa

(1281) Trướng tô giáp mặt hoa đào

(1535) Từ nghe vườn mới thêm hoa

(2385) Còn chi nữa cánh hoa tàn.

(3124) Hoa tàn mà lại thêm tươi

(3164) Hay gì vầy cánh hoa tàn mà chơi.

Rõ ràng từ *hoa* là để chỉ người con gái (phụ nữ) đẹp.

Vì vậy tôi cho rằng từ *hoa* trong câu thơ của Bác Trong tù không rượu cũng không hoa không phải là bông hoa (fleur, flower) mà phải là “người (con gái) đẹp, tình yêu”.

Năm 2005, nhân dịp kỷ niệm 55 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao Rumani - Việt Nam tôi có dịp đi cùng đoàn Văn hóa của Bộ Văn hóa - Thông tin sang Bucharest. Nhân dịp kỷ niệm đó, Hội hữu nghị Việt Nam - Rumani cho ra mắt tập thơ *Nhật ký trong tù* của Bác được dịch ra tiếng Rumani và xuất bản: *Ho Chi Minh - Jurnal din inchisoare* do Editura Qilinul din Jad ấn hành rất trang trọng. Bản dịch tuyển chọn 75 (trong số 135) bài thơ trong *Nhật ký trong tù*, bản dịch của Viện Văn học. Bài *Ngắm trăng* được xếp thứ 10 theo thứ tự⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Người dịch Constantin Lupeanu là một người rất am hiểu tiếng Hán và tiếng Việt. Ông đã từng là tùy viên văn hóa và Đại sứ nhiều năm của Đại sứ quán Rumani ở Trung Quốc và Việt Nam.

Privesc Luna

In temnită n-am băut, n-am flori⁽¹⁾

E minunat amurgul ! Ce săfac până-n zori?

Mă uit la luna de lângă fereastră

Si luna mă vede printre gratii, măistră.

Bản dịch bài thơ *Ngắm trăng* của Constantin Lupeanu sát với bản gốc hơn của cụ Nam Trân.

Đổi thứ lương tiêu nạn nhược hà?

Nam Trân dịch: Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ

C. Lupeanu dịch: E minunat amurgul! ce săfac până - n zori?

Hoàng hôn đẹp tuyệt diệu nhưng ta biết làm gì cho đến sáng bình minh? (có dấu hỏi)

Câu thơ Lupeanu dịch để nguyên dấu hỏi (?) như nguyên bản, lột cả được tâm lý, tâm trạng của tác giả trong đêm trăng sáng, ấy là sự băn khoăn, bối rối, xốn xang, thao thức, ngập ngừng... trước đêm dài đến cái gì đó, ai đó trong suy nghĩ, tình cảm của mình, chứ không phải chỉ là mô tả ghi chép cảnh trong tù không có rượu, không có hoa.

Và ngay ở câu đầu của bài thơ dịch "In temnită n-am băut, n-am flori" người dịch đã ghi chú - để chú thích chữ flori - (hoa).

⁽¹⁾ Flori: hoa, *Metraforă pentru tinere fete Frumoase* - Hoa ẩn dụ cho người con gái trẻ đẹp.

Như vậy thêm một bằng chứng nữa để cho rằng, đêm ấy, đêm trắng trong tù Bác Hồ đã nhớ đến một người con gái nào đó... để rồi bài thơ viết ngay sau khi viết *Nhật ký trong tù*, bài 135 Bác viết:

Tân xuất ngục học đăng sơn

(Mới ra tù tập leo núi)

Vân ủng trùng sơn, sơn ủng vân,

Giang tân như kính, tịnh vô trần.

Bồi hồi độc bộ Tây Phong lĩnh,

Dao vọng Nam thiên ức cố nhân.

Câu cuối cùng “Dao vọng Nam thiên ức cố nhân” Nam Trân dịch: “Trông lại trời Nam, nhớ bạn xưa” thì Bác đã dịch lại⁽¹⁾: “Trông về cố quốc chạnh lòng nhớ ai”. *Trông về* - chứ không phải *trông lại*. *Nhớ ai* chứ không phải là nhớ *bạn xưa*. Có phải “ai” này là “hoa” ở bài *Ngắm trăng*? (Xem tiếp bài *Về một bản dịch bài thơ “Mới ra tù tập leo núi”* tr.131).

⁽¹⁾ T. Lan, *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1976, T.Lan là bút danh của Bác Hồ (LĐC).

VỀ MỘT BẢN DỊCH BÀI THƠ MỚI RA TÙ TẬP LEO NÚI (TÂN XUẤT NGỤC HỌC ĐĂNG SƠN) CỦA BÁC HỒ⁽¹⁾

*N*hật ký trong tù của Hồ Chí Minh là tập thơ hay của một nhà văn hóa dân tộc, có 135 bài thơ, trong đó có 134 bài ghi chép lại - nhật ký - những sự kiện, suy nghĩ của Bác những ngày tháng ở trong nhà tù Quốc dân Đảng từ ngày 29/8/1942 đến 10/9/1943 và một bài được viết ngay sau khi Bác thoát khỏi nhà tù là bài *Mới ra tù tập leo núi*.

Tôi cứ nghĩ mãi, tại sao Bác lại để bài thơ này trong tập *Nhật ký trong tù*? “Mới ra tù”, tức là không còn ở trong tù nữa. “Tập leo núi” cũng chẳng còn gì liên quan đến nhà tù. Bài thơ với nội dung của nó hoàn toàn độc lập với những bài thơ khác trong *Nhật ký trong tù*. Nó có thể đứng riêng như một bài thơ hoàn chỉnh.

⁽¹⁾ Tham khảo: Lê Đình Cúc, *Về một bản dịch bài thơ Mới ra tù tập leo núi (Tân xuất ngục học đăng sơn) của Bác Hồ*, báo Văn nghệ Thái Nguyên, ngày 19/5/2015.

*Tân xuất ngục học đặng sơn**Vân ứng trùng sơn, sơn ứng vân,**Giang tân như kính, tịnh vô trần.**Bồi hồi độc bộ Tây Phong lĩnh,**Dao vọng Nam thiên ức cố nhân.*

Nếu không có từ “xuất ngục” ở đầu đề bài thơ thì không ai nghĩ bài thơ có gì liên quan đến *trong tù* cả. Người đọc tiếp nhận được một bài thơ phản ánh tâm trạng bùi ngùi, buồn buồn cảm thương, nhớ tiếc; tình cảm của một con người đa cảm trước thiên nhiên, núi sông hùng vĩ, trong lành.

Trước đó, năm 1960 khi phát hiện ra tập thơ *Nhật ký trong tù*, Viện Văn học đã tổ chức dịch và in tập thơ. Nhiều dịch giả uyên bác, tài năng đã đổ nhiều công sức và tâm huyết để cho ra mắt những bài thơ dịch rất đúng, rất hay. Một trong những dịch giả tài hoa đó là Nam Trân. Bài *Tân xuất ngục học đặng sơn* được ông dịch:

*Mới ra tù tập leo núi**Núi ấp ôm mây, mây ấp núi,**Lòng sông gương sáng, bụi không mờ.**Bồi hồi dạo bước Tây Phong lĩnh,**Trông lại trời Nam, nhớ bạn xưa⁽¹⁾.*

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh, *Nhật ký trong tù*, Bản dịch của Viện Văn học, NXB Văn học, Hà Nội, 2004.

T. Lan (bút danh của Bác Hồ) dịch như sau:

Mới ra tù tập leo núi

Mây ôm núi, núi ôm mây,

Lòng sông sạch chẳng mảy may bụi hồng;

Bùi ngùi dạo đỉnh Tây Phong,

Trông về cố quốc chạnh lòng nhớ ai⁽¹⁾

Đối chiếu và so sánh hai bản dịch này ta thấy bản dịch của Nam Trân sát nghĩa hơn: “Bồi hồi độc bộ” (bản gốc) được dịch là: *Bồi hồi dạo bước*. “Dao vọng Nam Thiên ức cố nhân” (bản gốc) được dịch là: *Trông lại trời Nam, nhớ bạn xưa*. Bản dịch sát nghĩa nhưng khách quan, miêu tả sự vật, hiện tượng: Núi, mây ôm ấp, lòng sông sáng trong, không vương bụi, có người dạo bước, trông lại trời Nam nhớ bạn cũ.

Hai bản dịch có mấy chữ khác nhau nhưng làm thay đổi ý nghĩa của bài thơ. “Bồi hồi” (bản gốc) Nam Trân dịch: *Bồi hồi*, T. Lan dịch: *Bùi ngùi*; “Dao vọng Nam thiên” (bản gốc) Nam Trân dịch là: *Trông lại trời Nam*, T. Lan dịch: *Trông về cố quốc*. Trong đó cần lưu ý chữ “cố nhân” (bản gốc). Nam Trân dịch: *nhớ bạn xưa*; T. Lan dịch là *nhớ ai*.

Bản dịch của T. Lan sát tình hơn, phản ánh được tâm trạng, tình cảm của tác giả. Trước cảnh mây, núi, sông trong

⁽¹⁾ T.Lan, *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1976.

lành, tác giả sau bao nhiêu ngày tháng bị nhốt trong tù ngục chịu trăm cay nghìn đắng và cô đơn, nay được tự do dạo bước và nhớ về cố quốc, chữ dùng *cố quốc* vừa cổ kính vừa xót xa, vừa bụi ngùi da diết nỗi buồn và có gì đó cảm thương nhớ tiếc; vừa đau đáu trong lòng của nỗi nhớ thương: “Bốn phương mây trắng một màu/Trông về cố quốc biết đâu là nhà” - *Truyện Kiều*. *Chạnh lòng*, có cái gì đó như tự trách móc, khi *nhớ ai*. Cái người dạo bước trên núi Tây Phong bộc lộ tất cả xúc cảm, suy nghĩ và tình cảm của mình chứ không phải hiện ra dưới sự miêu tả của người khác (như bản dịch của Nam Trân).

Ta thử tìm hiểu ý nghĩa của bài thơ, thật ra không cần lý thuyết ngoài văn bản cũng đã thấy. Nhãn tự của bài thơ là: “Cố nhân” (bản gốc) và được dịch là *bạn xưa* (Nam Trân) và *ai* (T. Lan). “Dao vọng Nam thiên” (bản gốc) được dịch là *Trông lại trời Nam* (Nam Trân) và *Trông về cố quốc* (T. Lan).

“*Nhớ bạn xưa*” sát nghĩa (cố nhân) nhưng hàm nghĩa rộng, không cụ thể, thái độ tình cảm của nhà thơ là chung chung khách quan.

Cố nhân còn có các nghĩa khác: “Bạn cũ hay người yêu cũ”⁽¹⁾.

Truyện Kiều, tác phẩm vĩ đại, đỉnh cao của ngôn ngữ Việt Nam mà Bác Hồ rất am hiểu, rất yêu quý và rất nhiều

⁽¹⁾ *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Khoa học xã hội, 1988.

lần được Bác sử dụng trong suốt cuộc đời mình, có ảnh hưởng rất lớn đến văn thơ của Bác, có những câu:

Tìm đâu cho thấy *cố nhân* (câu 1797)

Lấy câu vận mệnh khuây dần nhớ thương.

Sâm Thương chẳng vẹn chữ tòng

Tại ai há phải phụ lòng *cố nhân* (câu 2330).

Nhà thơ Nguyễn Bính, khoảng thời gian Bác viết *Nhật ký trong tù* (1941) cũng có một bài thơ tình: *Hương cố nhân* để chỉ về người yêu cũ.

Chính với nghĩa đó mà T. Lan đã dịch “ức cố nhân” thành *chạnh lòng nhớ ai*.

Chữ *ai* trong tiếng Việt có rất nhiều nghĩa: Đại từ nghi vấn, đại từ nhân xưng ở ngôi thứ nhất và ngôi thứ hai hay thứ ba. “Khiến lời nói có vẻ hồn hậu, dịu dàng hay lảng lơ, bóng bẩy”⁽¹⁾. Nguyễn Du đã sử dụng chữ *ai* trong *Truyện Kiều* 108 lần, có đến 16 lần chữ *ai* được hiểu theo nghĩa để chỉ người yêu, người tình:

Chẳng duyên chưa dễ vào tay *ai* cầm (câu 298)

Thiệt đây mà có ích gì đến *ai*? (câu 340)

Ngoài ra *ai* lại tiếc gì với *ai* (câu 462)

Nợ tình chưa trả cho *ai* (câu 709)

⁽¹⁾ Đào Duy Anh, Từ điển *Truyện Kiều*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2000.

Để lòng thì phụ tấm lòng với ai (câu 722)

Hoài công nắng giữ mưa gìn với ai (câu 790)

Một trời thu để riêng ai một người (câu 914)

“Ai” không trực tiếp chỉ người yêu thì cũng gián tiếp chỉ nghĩa đó:

Mày ai trắng mới in ngàn (câu 1794)

Phấn thừa hương cũ bội phần xót xa.

Thúc Sinh nhìn trắng nhớ đến lông mày Thúy Kiều - vợ chàng:

Nhớ lời nguyện ước ba sinh

Xa xôi ai có biết tình chẳng ai (câu 1260)

Cạn lòng chẳng biết nghĩ sâu

Để ai trắng túi, hoa sầu vì ai? (câu 1436)...

Không chỉ *Truyện Kiều* mà tâm hồn Bác còn thấm đẫm tục ngữ ca dao Việt Nam. Bác cũng thuộc nằm lòng và sử dụng rất đắt tục ngữ ca dao trong nhiều sáng tác của Người. Bác cũng đã từng đánh giá: “Những câu tục ngữ, vè, ca dao là những viên ngọc quý”⁽¹⁾. Những câu tục ngữ, ca dao nói về tình yêu đôi lứa có chữ *ai* chắc hẳn Bác biết rất nhiều:

- Nhớ ai như nhớ thuốc Lào!

- Ai đi muôn dặm non sông

Để ai chứa chất sầu đong vơi đầy

⁽¹⁾ Hội nghị cán bộ văn hóa toàn quốc, ngày 30/10/1958.

- Trăm năm ai chớ bỏ ai

Chỉ thêu nên gấm, sắt mài nên kim

- Nhớ ai con mắt lim dim

Chân đi thót thểu như chim tha mồi

- Nhớ ai bồi hồi bồi hồi

Như đứng đồng lửa như ngồi đồng than.

- Ai đi đường ấy xa xa

Để em ôm ánh trăng tà năm canh,

Nước non một gánh chung tình?

Nhớ ai, ai có nhớ mình chẳng ai?

Tú Xương, một nhà thơ lớn có một bài thơ viết về người yêu rất hay với chữ ai:

Áo bông che đầu

Hỡi ai, ai có thương không?

Đêm mưa một mảnh áo bông che đầu

Vì ai, ai có biết đâu?

Áo bông ai ướt khăn đầu ai khô

Người đi Tam Đảo, Ngũ Hồ

Kẻ về khóc trúc, Thương Ngô một mình

Non non nước nước tình tình

Vì ai ngơ ngẩn cho mình ngẩn ngơ⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Tú Xương, *Thơ - Lời bình và giai thoại*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2000.

Chắc chắn Bác đã sử dụng chữ *ai* theo nghĩa đó để dịch *ức cố nhân* thành "... *chạnh lòng nhớ ai*" mà không phải là "nhớ bạn xưa" hay "nhớ người cũ". Bởi câu thơ trên "Bồi hồi độc bộ Tây Phong lĩnh" Bác đã dịch chữ "*bồi hồi*" thành "*bùi ngùi*". Bồi hồi: chỉ sự bồn chồn trong lòng, nghĩ đi nghĩ lại việc đã qua. Bùi ngùi: có cảm giác buồn đến mức gần như muốn khóc vì cảm thương nhớ tiếc⁽¹⁾.

Cũng như "trông lại trời Nam" chỉ trạng thái khách quan, ngoạn nhìn cái đã qua của người viết. Ví dụ: "Khi bay qua Hắc hải, *trông lại* một màu xanh thẫm bao la của biển". Nếu ta không biết nhà thơ (Bác Hồ) là người Việt Nam thì không ai nghĩ rằng nhà thơ đang nhớ nước (trời Nam), nhưng "trông về cố quốc" thì ai cũng hiểu chắc chắn nhà thơ đó đang nhớ tổ quốc. "Về" hướng cái nhìn đến cái gì đó đã có, *cố quốc* không chỉ là "nước cũ" mà là tổ quốc, quê hương. Cũng *Truyện Kiều* có câu "Bốn phương mây trắng một màu/Trông về (vời) cố quốc biết đâu là nhà" là tả Thuý Kiều ngồi buồn, nhớ về quê hương, nhớ về cha mẹ, các em và người yêu của mình là Kim Trọng.

Sự ám ảnh của câu *Kiều* trong câu thơ dịch của T. Lan: "Trông về cố quốc chạnh lòng nhớ ai" là không thể phủ nhận.

⁽¹⁾ Từ điển Tiếng Việt, Sđd.

Bản dịch của cụ Nam Trân đã hay, đúng nghĩa nhưng đến bản dịch của Bác, chính tác giả dịch mới phản ánh đầy đủ hồn thơ, ý thơ, tình cảm của nhà thơ. Và hơn thế nữa, trong bài viết về bài *Ngắm trăng* (bài thứ 21) tôi đã chứng minh câu thơ: "*Trong tù không rượu cũng không hoa*". Hoa ở đây không phải là bông hoa mà Bác nhớ đến người bạn gái (nào đó). Và bài thơ *Mới ra tù tập leo núi* với bản dịch tuyệt vời với câu thơ "*Bùi ngùi dạo đỉnh Tây Phong/Trông về cố quốc chạnh lòng nhớ ai*" càng khẳng định lúc đó Bác đang nhớ về người bạn gái (nào đó) ở trong nước.

BÁC HỒ VỚI TRUYỆN KIỀU TRONG QUAN HỆ QUỐC TẾ

Tiểu văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đọc ở Lễ truy điệu Bác Hồ viết: “Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta”.

Không chỉ là những lời ca ngợi Bác Hồ mà còn là những đánh giá tài năng, phẩm cách và vị trí của Bác trong đời sống xã hội hiện đại đầy biến động và thách thức của thế giới những năm cuối thế kỷ XX.

Tôi chỉ dừng lại ở “Một cuộc đời... cao thượng và phong phú” và “chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta” qua việc Bác đã sử dụng và vận dụng *Truyện Kiều* trong quan hệ quốc tế.

Văn học thế giới từ cổ chí kim chưa có một trường hợp nào như *Truyện Kiều*. Ấy là phổ cập trong người đọc cho mọi tầng lớp nhân dân, từ thành thị đến thôn quê, từ trí thức đến người lao động bình thường ở mọi thế hệ già, trẻ,

tra, gái mọi thời đại. Từ một tác phẩm văn học được người tiếp nhận (người đọc - người nghe) biến thành nhiều hình thức khác.

Trong hồi ký của nhiều người đã từng sống và công tác với Bác ở Việt Bắc kể lại là hàng ngày vẫn nghe Bác ngâm nga *Truyện Kiều*. Tác phẩm *Vừa đi đường vừa kể chuyện* của T. Lan cho ta biết "Hàng ngày Bác thường dùng những câu phỏng Kiều, tập Kiều... làm cho người nghe thích thú, hiểu thêm sâu sắc ý nghĩa bài nói, bài viết của Bác".

Như vậy để thấy *Truyện Kiều* đối với Bác là đã thấm sâu trong tâm hồn, trở thành một cốt cách văn hóa của Người, để rồi khi vận dụng trong các quan hệ quốc tế, ngoại giao không chỉ là ngôn ngữ ngoại giao mà còn là tình cảm trong sáng, chân thành của Bác.

Từ năm 1911, khi Bác ra đi tìm đường cứu nước là Bác đã hòa nhập vào đời sống thế giới. Bác đã qua nhiều nước kiếm sống đủ nghề, phụ bếp, thợ ảnh, viết báo... Bác đã gặp nhiều người, nhiều danh nhân, chính khách khắp các châu lục. Bác đã là người thành lập Đảng Cộng sản Pháp, Bác ở Liên Xô học tập, sang Trung Quốc hoạt động với nhiều người. Sau khi về nước trực tiếp hoạt động cách mạng, tiếp xúc với người Mỹ rồi Cách mạng Tháng Tám thành công, Người trở thành Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Bác đã gặp, tiễn nhiều đoàn khách, Bác đã đi thăm nhiều nước...

Và trong nhiều trường hợp Bác đã vận dụng *Truyện Kiều* để thăm hỏi, đón khách, tiễn khách nước ngoài.

Bạn bè quốc tế hiểu thêm tâm hồn và văn hóa Việt Nam, hiểu thêm tình cảm trong sáng, chân tình và thủy chung của dân tộc Việt Nam qua những lời phát biểu của Bác mà không ít nội dung vận dụng bằng *tập Kiều, lấy Kiều*

Đã có hàng chục trường hợp Bác vận dụng *Truyện Kiều* trong đời sống. Theo thống kê của tác giả (qua *Hồ Chí Minh toàn tập*) có đến hàng trăm câu thơ *Truyện Kiều* đã được Bác sử dụng.

Thực tế còn nhiều hơn khi đọc các hồi ký, ghi chép của nhiều người kể lại. Khó mà thống kê được hết. Hơn nữa Bác đã trở thành huyền thoại ngay khi người còn sống nên có nhiều câu, trong nhiều trường hợp có lẽ do nhân dân sáng tạo và cho đó là của Bác Hồ. Đây không phải là trường hợp không đúng mà là đặc trưng của văn học dân gian. Không phải chính Bác nói ra nhưng phản ánh đúng bản chất, tâm hồn của Bác. Nhà thơ Minh Huệ có bài thơ hay là *Đêm nay Bác không ngủ*:

*"Rồi Bác đi dếm chăn,
Từng người từng người một,
Sợ cháu mình giật thột,
Bác nhón chân nhẹ nhàng"*

Trong thực tế không ai trả lời được. Ở đâu, khi nào, anh đội viên nào được Bác dèm chẵn? Ấy nhưng ai cũng chấp nhận bởi Bác là người yêu thương mọi người, chăm chút cho mọi người mà chỉ quên mình. Vì vậy không ai thắc mắc những câu nói trên.

Viết về Bác Hồ với *Truyện Kiều* trong quan hệ quốc tế là quan hệ quốc tế những năm cuối thế kỷ XX, đến ngày Bác mất (2/9/1969), là viết về thời kỳ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1945), của kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Giới hạn mốc cụ thể như vậy để thấy mọi người, mọi sự việc, hiện tượng xã hội đều xảy ra trong hoàn cảnh cụ thể, để thấy được tầm vóc lịch sử của Bác Hồ.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, miền Bắc đang xây dựng cơ sở vật chất, làm hậu phương vững chắc cho cuộc kháng chiến giành thống nhất Tổ quốc trong tương lai. Sự ủng hộ của phe xã hội chủ nghĩa mà đứng đầu là Liên Xô và Trung Quốc là to lớn và hết sức quan trọng. Việt Nam đang là "lương tâm của thời đại". Dư luận thế giới nhìn nhận và đánh giá vai trò, uy tín của mỗi quốc gia qua thái độ đối với Việt Nam. Đúng thời gian ấy thì lại xuất hiện sự rạn nứt trong quan hệ giữa Liên Xô và Trung Quốc. Với phong trào "xét lại" và "giáo điều" đã chia rẽ phong trào cộng sản quốc tế. Ai "xét lại", ai "giáo điều" nhưng sẽ ảnh hưởng đến cách

mạng Việt Nam. Người ta muốn biết thái độ của Việt Nam. Là “lương tâm của thời đại” nên tiếng nói của Việt Nam, của Bác Hồ sẽ có ảnh hưởng lớn. Thật là khó khăn để khỏi mất lòng ai, để ai cũng ủng hộ cách mạng Việt Nam. Lúc này ta cần sự ủng hộ của cả nhân dân thế giới, dù là “xét lại” hay “giáo điều”, không cần phải phán xét ai đúng ai sai. Một trường hợp tập Kiều đã được Bác vận dụng.

Năm 1957, Chủ tịch Đoàn Xô viết tối cao Liên Xô, K.E.Vorosilov dẫn đầu Đoàn đại biểu cấp cao Liên Xô sang thăm Việt Nam. Nội dung chuyến thăm các bạn Liên Xô muốn tìm hiểu thái độ của Việt Nam trong vấn đề mà Trung Quốc lên án Liên Xô là “xét lại” - vấn đề làm rạn nứt sự đoàn kết trong phe xã hội chủ nghĩa, làm ảnh hưởng đến sự giúp đỡ cách mạng Việt Nam. Làm thế nào để Liên Xô hiểu quan điểm của ta mà Trung Quốc khỏi mất lòng? Nói thế nào đây?

Chuyến viếng thăm của Chủ tịch K. E. Vorosilov đã hết thời gian. Trước ngày Đoàn lên đường về nước, Bác Hồ tổ chức chiêu đãi Đoàn một buổi liên hoan văn nghệ. Đoàn văn công có cả các diễn viên nam và nữ. Trong đó có một nữ diễn viên ôm cây đàn Ac-cooc-đê-ông⁽¹⁾ để biểu diễn. Trước mặt đoàn văn công là Bác Hồ và Thủ tướng Phạm Văn Đồng và vị khách quý Vorosilov ngồi chờ biểu diễn.

(1) Đàn Ac-cooc-đê-ông là nhạc cụ đặc trưng của người Nga - Liên Xô.

Khi đoàn văn công sắp xếp đội hình, Bác đứng lên, quay sang vị khách tập hai câu Kiều:

Đã nguyện hai chữ đồng tâm

Trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyền ai.

Ấy là câu 555 và 556 trong *Truyện Kiều*, đoạn nói về Kim Trọng và Thúy Kiều gặp nhau trao duyên, thề yêu nhau trọn đời. Kim Trọng phải chia tay người yêu để về Liêu Dương hộ tang chú, chàng dặn Thúy Kiều “Gìn vàng giữ ngọc cho hay/Cho đành lòng kẻ chân mây cuối trời” và Thúy Kiều đáp lại bằng hai câu thơ trên. Đó là thái độ của Thúy Kiều chững chạc, dứt khoát và chung thủy. “Đã nguyện đi theo Lê-nin “đồng tâm” với các bạn, chúng tôi đang “ôm cầm” Ac-cooc-đê-ông (của các bạn) thì chúng tôi “chẳng ôm cầm thuyền ai” nữa đâu.

Vị khách quý hiểu ngay ra, ông nở nụ cười thỏa mãn với Thủ tướng Phạm Văn Đồng. Bác đã giải quyết được một vấn đề hóc búa và tế nhị⁽¹⁾. Phong trào cộng sản quốc tế đã lui vào lịch sử từ cuối thế kỷ XX. Với cách mạng Việt Nam nó đã có những đóng góp hết sức to lớn. Bây giờ sau những biến động dữ dội của thế giới người ta có thể phán xét điều này điều nọ với lịch sử là điều đương nhiên. Nhưng dẫu sao thì người Việt Nam cũng ghi nhớ công ơn của phong trào cộng sản, với sự giúp đỡ to lớn và có hiệu quả của các

⁽¹⁾ Đắc Trung, *Luận về sống và chết*, NXB Thanh Niên, 2010, tr. 168.

nước xã hội chủ nghĩa, của các đảng cộng sản anh em từ kháng chiến chống Pháp đến chống Mỹ.

Năm 1960, khi cuộc kháng chiến chống Mỹ bước sang giai đoạn mới, cũng là lúc Đảng Lao động Việt Nam Đại hội Đảng lần thứ III, là lúc thế giới đang nhìn vào Việt Nam với con mắt lo âu trước sức mạnh của nước Mỹ trong cuộc chiến tranh này. Dưới sự lãnh đạo của Bác Hồ, Đảng Lao động Việt Nam đại hội tổng kết những thành tựu đã đạt được từ Đại hội Đảng lần thứ II (1951) đến năm 1960 và vạch ra đường lối cách mạng ở Việt Nam trong thời kỳ mới xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, kháng chiến giành độc lập thống nhất Tổ quốc.

Nhiều Đảng Cộng sản trên thế giới đã cử đoàn Đại biểu đến dự. Bác Hồ khai mạc Đại hội, chào mừng các đảng bạn bằng tập Kiều:

Đến bây giờ mới thấy đây (câu 2281)

Mà lòng đã chắc những ngày một hai.

Hai câu thơ này phản ánh thực trạng và không khí của nước ta lúc đó. Sau bao nhiêu hy sinh gian khổ, vượt mọi khó khăn, sau chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, Việt Nam đã có hòa bình. Đất nước còn tạm thời chia cắt nhưng nhân dân miền Bắc đang no ấm, đang xây dựng đất nước giàu mạnh. “Những ngày một hai” của khó khăn gian khổ trong

kháng chiến chống Pháp, trong sự rạn nứt của phong trào cộng sản quốc tế không ảnh hưởng nhiều đến cách mạng Việt Nam. Nhờ tài xoay xở, chèo lái con thuyền cách mạng của Bác, nên “Đến bây giờ mới thấy đây” một hậu phương vững chắc được anh em bè bạn khắp thế giới ủng hộ, đoàn kết giúp đỡ mọi mặt.

Hai câu thơ trên Bác lấy từ *Truyện Kiều* có lẽ là hai câu sáng khoái nhất, hồ hởi nhất của Nguyễn Du trong đoạn thơ vui, hào sảng nhất trong toàn bộ *Truyện Kiều* vốn ảm đạm đau buồn của một đời người con gái tài hoa bị vùi dập đó là Thúy Kiều.

Không khí của đoạn thơ hội ngộ giữa Thúy Kiều và Từ Hải lan tỏa trong tâm hồn người đọc cũng là không khí hồ hởi tung bừng của Đại hội Đảng lần thứ III mà Bác đã tập Kiều chào đón những người bạn quốc tế đến dự Đại hội. Chính vì vậy, cũng ở Đại hội này Bác thêm một lần lấy Kiều tặng các đại biểu:

Quan sơn muôn dặm một nhà

Bốn phương vô sản đều là anh em.

Để nhấn mạnh tình đoàn kết, hữu nghị của bạn bè quốc tế, câu lấy Kiều này trước đó, ngày 24/5/1957 trong dịp tiễn ông K. E. Vorosilov, Chủ tịch Đoàn Xô viết tối cao Liên Xô dẫn đầu Đoàn đại biểu cấp cao Liên Xô đến thăm nước ta

Bác Hồ đã đọc một lần. Vừa nói lên tình cảm của Bác vừa là lời nhắn nhủ, kêu gọi bạn bè khắp bốn phương đoàn kết, giúp đỡ nhau như anh em một nhà.

Bác Hồ không chỉ là vị lãnh tụ của nhân dân Việt Nam mà chúng ta biết, Bác còn là người chiến sĩ hy sinh cuộc đời mình cho các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Trong dịp đón tiếp Nhà vua Lào Xri Xavang Vathana thăm nước ta ngày 10/3/1963 Bác đã lấy Kiều:

Bức tường nô lệ chắn ngang

Tuy trong gang tấc gặp ngàn quan san.

Bấy lâu cách trở quan hà

Từ nay Lào - Việt rất là gần nhau.

Ta biết ngay từ hồi còn ở Pháp, làm báo *Người cùng khổ* Bác đã có nhiều bạn bè, đồng chí ở khắp các châu lục, trong đó có các bạn đến từ các nước châu Phi. Sau này, năm 1963 Tổng thống nước Cộng hòa Ghi-nê sang thăm nước ta, ông Xecu Ture. Đón mừng ông, Bác đã lấy Kiều, nhớ lại những ngày xưa ấy, lúc Bác còn trẻ, tuổi thanh niên:

Bây giờ mới gặp nhau đây

Mà lòng đã chắc những ngày thanh niên.

Bác khéo vận dụng *Truyện Kiều* trong các quan hệ quốc tế là vậy. Không chính trị, không hô hào, không âm ỉ... mà

nhẹ nhàng thấm sâu trong lòng người bằng tình cảm sâu sắc và chung thủy. “Mọi cuộc cách mạng rồi sẽ qua đi, tiếng đại bác rồi sẽ thôi gầm thét, chỉ còn lại trên đời này là mối tình...” (Aleksy Nikolayevich Tolstoy). Chính vì vậy mà các Tổng thống Mỹ sau này sang thăm Việt Nam cũng đã lấy Kiều, tập Kiều và trân trọng nhắc đến Hồ Chí Minh bởi Nguyễn Du với *Truyện Kiều* và Hồ Chí Minh là cốt cách văn hóa của dân tộc Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Bác Hồ ở Việt Bắc*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2001.
2. Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng, *Văn kiện Đảng 1930 - 1940*, 1977, tr. 84, 85 và 87 (theo Đào Phan, Tạp chí Xưa và Nay, số 327- 329, tháng 4/2009).
3. Bảo tàng Hồ Chí Minh, *Hồ Chí Minh tiểu sử*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2015.
4. *C.Mác và Ph.Ăngghen Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
5. Đắc Trung, *Luận về sống và chết*, NXB Thanh Niên, 2010, tr. 168.
6. Đại tướng Võ Nguyên Giáp, *Tổng tập Hồi ký*, NXB Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2011.
7. Đào Duy Anh, *Từ điển Truyện Kiều*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2000, tr.239.
8. *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh* kèm theo Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006.

9. GS. Trần Văn Giàu, *Hồ Chí Minh vĩ đại một con người*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2015.
10. Hà Văn Thư, Trần Hồng Đức, *Tóm tắt niên biểu lịch sử Việt Nam*, NXB Văn hóa Thông tin, 2001.
11. *Hồ Chí Minh toàn tập*, xuất bản lần thứ ba, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011.
12. Hồ Chí Minh, *Nhật ký trong tù*, Bản dịch của Viện Văn học, NXB Văn học, 2004.
13. Hồ Khang, *Tết Mậu Thân 1968 tại miền Nam Việt Nam*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1998.
14. Hoàng Chí Bảo, *Minh triết Hồ Chí Minh*, tạp chí Văn hóa học, số 1/2012.
15. Hoàng Khôi, *Sức sống tập Kiêu trong minh triết Hồ Chí Minh*, Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng Kiến trúc phong thủy (nay là Viện Nghiên cứu Ứng dụng Kiến trúc phong thủy).
16. Hoàng Thanh Đạm, *Nguyễn Ái Quốc trên đường về nước*, NXB Lý luận Chính trị, 2005, tr 218, tr 152.
17. Lê Văn Hiến, *Hồi ký Bình Trị Thiên, Tháng Tám bốn lăm*, NXB Thuận Hóa, 1985.
18. Lý Nhân - Phan Thứ Lang, *Bảo Đại, vua cuối cùng triều Nguyễn*, NXB Văn nghệ, 2006.

19. Mai Văn Bộ, *Con đường vạn dặm của Hồ Chí Minh*, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2007.
20. Nguyễn Văn Khoan, *50 năm chân dung một con người*, NXB Lao động, Hà Nội, 2008.
21. *Nhật ký của Cụ Vũ Đình Huỳnh*, thư ký của Bác Hồ, cùng đi dự hội nghị Fontainebleau 1946 với Bác, Sơn Tùng ghi lại "Cuộc gặp gỡ định mệnh", NXB Chính trị Quốc gia, 2008, tr.176.
22. Sơn Tùng, *Cuộc gặp gỡ định mệnh*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2008.
23. T. Lan, *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2008.
24. *Thơ Hồ Chí Minh*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2006.
25. Thượng tướng Phùng Thế Tài, *Bác Hồ những kỷ niệm không quên*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2002.
26. Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2015.
27. Trần Đương, *Hồ Chí Minh nhà dự báo thiên tài*, NXB Thanh Niên, Hà Nội, 2008.
28. Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2002.

29. TS. Nguyễn Văn Khoan, Nguyễn Tiến (chủ biên), *Bác Hồ ở Xiêm (1928 - 1929)*, NXB Lý luận Chính trị, Hà Nội, 2005.
30. *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Khoa học xã hội, 1987.
31. *Văn kiện Đảng, tập II, V*.
32. Võ Nguyên Giáp, *Những chặng đường lịch sử*, NXB Văn học, 1977.
33. Vũ Kỳ, *Bác Hồ viết Di chúc*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2015.
34. Philip Bonosky, *Beyond the Borders of Myth: From Vinius to Hanoi*, Publisher, Praxis, Press NY, 1967.
35. David Marr, *Ho Chi Minh's Independence Declaration, Essays into Vietnamese Pasts* (New York: Conell University Sotheast Asia Program, 1995), Bản dịch của Huy Đoàn.
36. William J. Duiker, *Ho Chi Minh: A Life*, Hyphenon, New York, 2000.
37. *Beyond the Borders of Myth: From vinius to Hanoi*, Publisher, Praxis Press NY, 1967 - Original From, the University of Michigan.
38. Constantin Lupeanu, *Jurnal din inchisoare*, Editura Qilinul din Jad, Bucursti, 2005.

MỤC LỤC

Lời nhà xuất bản.....	3
Thay lời nói đầu	5
Để hiểu thêm <i>Di chúc</i> của Bác Hồ.....	9
Những dự báo của Bác Hồ trong <i>Di chúc</i>	22
Dự báo vấn đề xây dựng Đảng trong <i>Di chúc</i> của Bác Hồ....	31
Bác Hồ với Hoàng tộc nhà Nguyễn.....	39
Hồ Chí Minh - Người đầu tiên khởi xướng tư tưởng mở cửa, hợp tác và hội nhập của cách mạng Việt Nam ...	49
Hồ Chí Minh và văn bản quốc tế đầu tiên công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa	57
Hồ Chí Minh, người anh hùng dân tộc vĩ đại	79
Hòa giải - Một cốt cách văn hóa của Bác Hồ.....	92
Tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác cán bộ trong tác phẩm <i>Sửa đổi lỗi làm việc</i>	103
Muốn hiểu thêm một câu thơ của Bác Hồ “Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng”	113

Về bài thơ Ngắm trăng của Bác trong <i>Nhật ký trong tù</i> ..	124
Về một bản dịch bài thơ Mối ra tù tập leo núi (Tân xuất ngục học đăng sơn) của Bác Hồ.....	131
Bác Hồ với <i>Truyện Kiều</i> trong quan hệ quốc tế.....	140
Tài liệu tham khảo	150